



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Tạp chí PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

Phát hành vào mỗi tháng

TỔNG BIÊN TẬP

Hòa thượng Thích Thiện Tâm

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Thượng tọa Thích Bửu Chánh kiêm Trị sự
Đại đức Thích Thiện Minh kiêm Thư ký Tòa soạn

PHÓ THƯ KÝ

Cư sĩ Nguyễn Văn Bính

TRÌNH BÀY

TN. Quang Minh
Khánh Dương

PHÁT HÀNH

Liên hệ: Tòa soạn
ĐT: (08) 37290248

TÒA SOẠN

Chùa Bửu Quang
171/10 Quốc Lộ 1A, P. Bình Chiểu,
Q. Thủ Đức, TP. HCM
ĐT: (+848) 37290248 - 0903870370
Email: tapchiphatgiaonguyenthuy@gmail.com

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ

số 760/GP-BTTTT
ngày 28/05/2010 của Bộ TTTT

CHẾ BẢN VÀ IN TẠI

Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng
100 Lê Đại Hành, P.7, Q.11, TP. HCM

ảnh bìa 1: Hoa mùa xuân





Trong số này

- * Lá thư Tổng Biên tập **03**
- * Thư chúc tết của Đức Pháp chủ GHPGVN **04**
- * Nghị quyết hội nghị kỳ 2 khóa 7 **05**

* CHUYÊN ĐỀ HỘI THẢO KHOA HỌC

- Tính truyền thống và tính hiện đại của PGNT - HT Thích Trí Quảng **06**
- Đạo Phật Nam truyền - PGS TS Võ Văn Sen **07**
- Phát biểu đại diện PGNT Kinh - HT Thiện Tâm **08**
- Sự đóng góp của PGNT Kinh trong sự phát triển của PGVN - HT Thích Thiện Nhơn **10**
- Tương đồng và dị biệt giữa PG Việt Nam Lào Campuchia và những vấn đề cần quan tâm - HT Thiện Tâm **13**
- PGNT từ truyền thống đến hiện đại - HT Viên Minh **18**
- Quan hệ PGVN với PG Campuchia - HT Đào Như **24**
- Phật giáo Nguyên thủy trong kỷ nguyên toàn cầu hóa - HT Thích Giác Toàn **26**
- Báo cáo tổng kết Hội thảo khoa học - PGS TS Nguyễn Công Lý **30**

1. TIÊU ĐIỂM

- Những loài Ngựa trong kinh Phật - TK. Định Phúc **33**
- 11 sự kiện PG nổi bật trong năm 2013 - Đức Hậu **35**
- Đại lễ Vesak 2014 và các mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ của LHQ - PGS TS Hàn Viết Thuận **39**
- Thiền phái Trúc Lâm trong lịch sử Thiền học PGVN - HT Thích Thiện Nhơn **41**

2. KINH TẠNG

- Đại kinh người chăn Bò - HT. Thích Minh Châu **43**

3. LUẬT TẠNG

- Bát khổ thực và các vật dụng khác - TK. Siêu Minh **44**

4. THIỀN HỌC

- Thiền PG Nguyên thủy và Phát triển - HT. Viên minh **46**

5. LUẬN TẠNG

- Đại cương Vi Diệu Pháp - Thích Tâm Quang **48**

6. VĂN HÓA

- Viếng thăm Myanmar - Nguyễn Mạnh Hùng **50**

7. ĐỐI THOẠI

- Phỏng vấn PGS TS Võ văn Sen - Quang Duyên **53**

8. SUY NGÃM

- 20 câu nói về lòng tin - Haley **55**

9. VĂN THƠ

- Phật giáo Campuchia - Minh Thạnh **56**
- Chúc Tết - Huệ Trắng **58**
- Xuân vui - Hiền Khánh (Hoa Huệ) **58**

10. PHẬT GIÁO TRONG ĐỜI THƯỜNG

- Thập quán Sa môn Hạnh - ĐĐ Thiện Minh **59**

11. THEO DÒNG

61

Lá thư

Tổng Biên tập

Yên tâm về mùa xuân là niềm vui và hạnh phúc. Bản chất của mùa xuân là hanh thông và may mắn. Lý tưởng của mùa xuân là hoa trái nhiều, tài lộc phong phú. Niềm vui đích thực của con người là nụ cười và thành đạt, do đó, chúng ta phải phấn đấu, siêng năng, cầu tiến, lạc quan trong mọi hoàn cảnh. Có như vậy, xuân Giáp Ngọ đến, chúng ta sẽ đón nhận trọn vẹn và có ý nghĩa cao cả.

Tứ vô lượng tâm trong nhà Phật là một pháp môn tu để chuyển hóa nỗi khổ niềm đau thành hạnh phúc an lạc. Nguyên nhân sanh bệnh một phần do tâm tạo ra, nếu cuộc sống chúng ta đầy ắp những nỗi lo, sợ hãi, thất vọng, chán chường, hoang tưởng, đầy hoài nghi, đây chính là nguyên nhân dẫn đến nhiều căn bệnh. Người Phật tử phải hiểu rõ bản chất của cuộc đời, nhận thức sâu về thân và tâm, nhằm phát huy trí tuệ và tử bi, thông cảm và tha thứ. Đây là những chất liệu rất cần thiết cho cuộc sống của chúng ta.

Năm 2013 qua đi, Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy đã giới thiệu 11 tập, với nhiều thể loại khác nhau như: Kinh tạng, thiền học, văn học Pāli, đối thoại, suy gẫm, Phật giáo trong đời thường v.v... Mục đích của Tạp chí là truyền bá những lời dạy của đức Phật Thích Ca; cập nhật những thông tin, thời sự, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với Tôn giáo hiện nay; phản ánh những tin tức Phật sự của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong cả nước. Năm 2014, Tạp chí sẽ tiếp tục phát huy những tiêu chí cũ, thay đổi những chương mục và phương thức trình bày của Tạp chí theo thư của các độc giả yêu cầu để phù hợp tâm lý của quý vị, sẽ giới thiệu những bài viết có giá trị học thuật cao về chủ đề Phật giáo Nguyên Thủy của Chư tôn đức giáo phẩm, các nhà khoa học, Nhà giáo Nhân dân, Nhà nghiên cứu, Giáo sư, Tiến sĩ, Thạc sĩ, Giáo viên của các Trường Đại học trong cả nước. Những bài viết này là tinh hoa, trí tuệ của Hội thảo khoa học cấp quốc gia do Viện nghiên cứu Phật giáo Việt Nam và Trường Đại học Khoa học Xã hội Nhân văn đồng phối hợp tổ chức.

Ban Biên tập, Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy vô cùng hoan hỷ sự đóng góp của Chư tôn đức, Quý vị học giả, tác giả trong năm qua đã gửi bài đăng trong Tạp chí, mong năm này 2014 quý vị sẽ gửi nhiều bài hay hơn nữa để Tạp chí phát huy cao. Xin tán dương các mạnh thường quân, Quý Tăng Ni và Phật tử đã ủng hộ Tạp chí trong thời gian qua. Hy vọng năm sau sẽ nhận được nhiều sự đóng góp ủng hộ của Quý vị để Tạp chí tồn tại. Sự ủng hộ của quý vị bằng nhiều hình thức: Đăng quảng cáo, ủng hộ mua báo hằng tháng và hằng năm, ủng hộ Tạp chí có ghi danh trên từng số v.v...

Trước thềm năm mới, thay mặt Ban Biên tập, Kính chúc Quý vị lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Quý Chư tôn đức lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Chư tôn đức lãnh đạo các tỉnh thành trong cả nước, các nhà khoa học, quý vị Thiện hữu Trí thức và Chư Phật tử thân tâm an lạc, vạn sự cát tường, mọi việc hanh thông, luôn thành tựu bốn pháp cát tường trong Phật giáo: Sống lâu, sắc đẹp, an vui, sức mạnh và Trí tuệ sáng suốt.

TM. Ban Biên tập Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy

Tổng Biên tập

Hòa thượng Tiến sĩ Thích Thiện Tâm



**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH**

**THƯ CHÚC TẾT
CỦA ĐỨC PHÁP CHỦ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
GỬI TĂNG NI, PHẬT TỬ VIỆT NAM Ở TRONG NƯỚC VÀ Ở NƯỚC NGOÀI**

Hà Nội, ngày 01 tháng 01 năm 2014
Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Kính gửi: Các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Chu tôn đức Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức Tăng Ni, cư sĩ, Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài.

Nhân dịp chào đón xuân mới Giáp Ngọ, Dương lịch 2014, Phật lịch 2558, thay mặt Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tôi có lời thăm hỏi ân cần và Chúc mừng Năm mới đại hoan hỷ, vô lượng an lạc, thành tựu mọi Phật sự tới các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam và Chu tôn đức Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức tăng ni, cư sĩ Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài.

Năm Quý Tỵ - 2013 đã trôi qua, các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã đạt được nhiều Phật sự quan trọng trong hoằng dương Phật Pháp chăm lo cho đồng bào Phật tử, phát triển tổ chức Giáo hội, cũng như đóng góp công sức và trí tuệ góp phần xây dựng đất nước Việt Nam phồn vinh, thịnh vượng. Là năm đầu thực hiện nghị quyết Đại hội VII đề ra, tôi thấy các cấp Giáo hội đã kiện toàn tổ chức nhân sự theo hướng: lượng tài năng thỉnh chấp sự, vừa kế thừa để ổn định Giáo hội, vừa trẻ hóa tạo sự năng động mới thúc đẩy các hoạt động Phật sự ở trong nước và ở nước ngoài đáp ứng với yêu cầu của xã hội trong thời đại hội nhập quốc tế.

Xuân về trăm hoa nở, chào đón xuân Giáp Ngọ, bước vào năm mới 2014, tăng ni, Phật tử phấn khởi trong niềm hỷ lạc vô biên của đức Phật Di Lặc với nguồn năng lượng từ bi, trí tuệ để có những sáng tạo trong các hoạt động Phật sự ở tất cả các cấp Giáo hội và các địa phương, hướng về Đại lễ Phật đản Liên hợp quốc – Vesak 2014 sẽ tổ chức lần thứ 2 tại Việt Nam. Phật sự trọng đại này khẳng định vai trò của Phật giáo Việt Nam trong hội nhập quốc tế, đồng thời khẳng định vị thế, trách nhiệm của Việt Nam đối với Liên hợp quốc.

Bước sang Xuân mới, trong năm 2014 chúng ta cùng nhau kỷ niệm 60 năm Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ vĩ đại đã từng chấn động địa cầu, và chúng ta cũng chào đón bản Hiến pháp mới được sửa đổi đã được Quốc hội thông qua theo ý chí, nguyện vọng của tất cả các tầng lớp nhân dân, trong đó có giới Tăng Ni, Phật tử Việt Nam.

Tôi tin tưởng rằng các cấp Giáo hội và Tăng Ni, Phật tử sẽ thi đua thực hiện nhiều hoạt động Phật sự ích Đạo, lợi Đời góp phần xây dựng đất nước Việt Nam hùng cường, khẳng định vị thế trong khu vực và trên thế giới.

Nhân dịp xuân mới Giáp Ngọ, thay mặt chu tôn đức lãnh đạo Giáo hội, Tôi bày tỏ sự cảm ơn sâu sắc đối với sự quan tâm giúp đỡ của các cấp lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận tổ quốc Việt Nam đối với các hoạt động Phật sự của Tăng ni, Phật tử các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam và gửi lời kính chúc năm mới tới các Quý vị lãnh đạo, cùng toàn thể nhân dân đón Xuân Giáp Ngọ: An khang, Thịnh vượng!

Nam mô hoan hỷ tạng Bồ Tát Ma Ha Tát!

ĐỨC PHÁP CHỦ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

(Đã ký)

Trưởng lão Hòa thượng Thích Phổ Tuệ



NGHỊ QUYẾT

HỘI NGHỊ KỲ 2 KHÓA VII HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Hội nghị Kỳ 2 khóa VII (2012 - 2017) Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam được tiến hành vào ngày 04, 05/01/2014 tại Văn phòng 2 Trung ương Giáo hội - Thiền viện Quảng Đức, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh để Tổng kết công tác Phật sự năm 2013 và thảo luận chương trình hoạt động Phật sự năm 2014 của Giáo hội.

Hội nghị diễn ra dưới sự chứng minh tối cao của HT. Thích Thanh Sam – Phó Pháp chủ kiêm Chánh Thư ký HĐCM cùng Quý Hòa thượng Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh GHPGVN; dưới sự chủ trì của Quý Hòa thượng Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự; các Phó Chủ tịch Chủ tọa đoàn.

Hội nghị được hân hạnh đón tiếp ông Nguyễn Thiện Nhân - Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; ông Phạm Dũng – Thứ trưởng Bộ Nội vụ, Trưởng ban Tôn giáo Chính phủ; ông Bùi Hữu Đức – Vụ trưởng Vụ Phật giáo đã đến dự và phát biểu ý kiến với Hội nghị.

Qua hai ngày làm việc trong tinh thần hòa hợp, đoàn kết, sau khi nghe báo cáo Tổng kết công tác Phật sự năm 2013, chương trình hoạt động Phật sự năm 2014 của Giáo hội Phật giáo Việt Nam do Ban Thư ký trình bày và những ý kiến phát biểu của đại diện các Ban, Viện Trung ương Giáo hội, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam các cấp, Hội nghị đã nhất trí:

QUYẾT NGHỊ

1. Thông qua bản báo cáo Tổng kết công tác Phật sự năm 2013 nhiệm kỳ VII (2012 - 2017) của Giáo hội. (có văn bản đính kèm).

2. Thông qua chương trình hoạt động Phật sự năm 2014 của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (có văn bản đính kèm).

3. Hội nghị thông qua Quy chế hoạt động của Ban Thường trực Hội đồng Trị sự, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh. (đính kèm văn bản).

4. Hội nghị nhất trí suy cử Hòa thượng Thích Thiện Nhơn, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký HĐTS, đảm nhiệm Phó Chủ tịch Thường trực kiêm Tổng Thư ký Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam nhiệm kỳ VII (2012 - 2017).

5. Thông qua danh sách tấn phong giáo phẩm do Ban Tăng sự Trung ương đệ trình gồm 06 Hòa thượng,

10 Thượng tọa, 02 Ni trưởng, 07 Ni sư. (đính kèm danh sách).

6. Giao cho Ủy ban tổ chức Đại lễ Vesak năm 2014 tại Việt Nam triển khai công tác tổ chức Đại lễ Phật đản tại Bái Đính, Ninh Bình.

7. Thông tư hướng dẫn Ban Trị sự GHPGVN cấp tỉnh và cấp huyện tổ chức Đại lễ Vesak năm 2014 tại địa phương.

8. Giao cho Ban Kiến thiết (Ban Trị sự GHPGVN TP. Hồ Chí Minh) lập đề án xây dựng Tháp tưởng niệm Bồ tát Quảng Đức tại Việt Nam Quốc Tự, quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

9. Có văn thư đề nghị các cơ quan hữu trách xin đổi khắc dấu tròn cho các Tự viện, Thiền viện, Tịnh viện, Tu viện, Tịnh xá, Tịnh thất, Niệm Phật đường trong cả nước (gọi chung là Tự viện).

10. Ghi nhận ý kiến và hỗ trợ các hoạt động Phật sự của Hệ phái Phật giáo Nam tông Khmer, Nam tông Kinh; Lễ kỷ niệm Phật giáo Nam tông Khmer đồng hành cùng dân tộc.

11. Hỗ trợ Hệ phái Khất sĩ tổ chức Đại lễ Tưởng niệm và Hội thảo khoa học nhân kỷ niệm 60 năm Tổ sư Minh Đăng Quang vắng bóng.

12. Ghi nhận những ý kiến phát biểu bổ sung của các Ban, Viện Trung ương, Ban Trị sự GHPGVN các tỉnh, thành phố. Nghiên cứu tính khả thi để bổ sung vào chương trình hoạt động Phật sự của Giáo hội.

13. Giao Ban Thư ký, Văn phòng 1 Trung ương tiếp tục trao đổi, bàn bạc cùng các ngành chức năng liên quan để tiến hành thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam các tỉnh Điện Biên và Lai Châu; tiến hành tổ chức Đại hội thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Sơn La lần thứ nhất.

14. Giao Ban Thư ký và Văn phòng Trung ương Giáo hội hoàn chỉnh các văn bản có liên quan đến Hội nghị để phổ biến và thi hành; chuẩn bị các nội dung liên hệ cho Hội nghị Ban Thường trực Hội đồng Trị sự sơ kết công tác Phật sự 6 tháng đầu năm 2014.

15. Nhất trí về báo cáo tài chính thu chi, phương hướng hoạt động về tài chánh của Ban Kinh tế Tài chánh Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Hội nghị đã nhất trí thông qua Nghị quyết này vào lúc 10 giờ 00 ngày 05 tháng 01 năm 2014 trong tinh thần đoàn kết, hoan hỷ và nhất trí.

TM. CHỦ TỌA ĐOÀN

(đã ký)

Hòa thượng THÍCH TRÍ TỊNH

TÍNH TRUYỀN THỐNG VÀ TÍNH HIỆN ĐẠI của Phật giáo Nguyên thủy⁽¹⁾

HT.TS. Thích Trí Quảng

- Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
- Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam
- Trưởng Ban Chỉ đạo Hội thảo



Hội thảo “Phật giáo Nguyên thủy trong kỷ nguyên toàn cầu hóa” được tổ chức trọng thể vào ngày 18-01-2014 tại Hội trường của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn là kết quả của sự hợp tác về học thuật lần thứ hai dưới hình thức hội thảo khoa học giữa trường ĐHKHXH&NV với Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam.

Với tư cách là lãnh đạo của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, đồng thời là Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, tôi và giáo sư Võ Văn Sen – Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn đã có được cơ duyên, đồng làm cố vấn và chỉ đạo cho hai hội thảo khoa học quan trọng này.

Tôi rất vui mừng khi được biết Ban tổ chức hội thảo đã nhận được hơn 90 bài tham luận. 76 bài có mặt trong Hội thảo này phản ánh thái độ và nội dung học thuật rất nghiêm túc, trong đó phân nửa các tác giả gửi tham luận hiện là các giáo sư, giảng viên, nghiên cứu sinh của trường ĐHKHXH&NV. Điều này cho thấy, giới học thuật trên toàn quốc nói

chung và tại Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng đã có sự quan tâm đặc biệt đến những giá trị minh triết và đạo đức của Phật giáo như sự ảnh hưởng tích cực và góp phần xây dựng đất nước và con người Việt Nam trong giai đoạn mới.

Lần này, như chủ đề của Hội thảo, chúng ta đề cập đến hai phương diện quan trọng của Phật giáo Nguyên thủy là tính truyền thống và tính hiện đại. Phật giáo Nguyên Thủy nổi tiếng là truyền thống với những lời minh triết mang tính thiết thực hiện tại, có định hướng phục vụ nhân sinh, có các thành quả hạnh phúc trong phụng sự, ngay kiếp sống hiện tại này, bây giờ và tại đây. Truyền thống Phật giáo Nguyên thủy với kho tàng kinh điển Pali được xem là có mặt lâu đời nhất, nguyên chất nhất so với kinh điển thuộc các văn hệ khác, đồng thời, tạo tiền đề cho sự phát triển các trường phái Phật giáo khác về sau. Trải qua bao thăng trầm, các giá trị truyền thống của Phật giáo Nguyên thủy vẫn được duy trì đúng với bản sắc văn hóa đặc thù của một nền Phật học chú trọng tính nhân bản, hướng đến việc giải quyết các vấn nạn khổ đau của kiếp người.

Tính hiện đại của Phật giáo Nguyên thủy được thể hiện qua đặc điểm “Siêu việt thời gian”, chẳng những không bị thách đố của khoa học, mà còn phù hợp với khoa học hiện đại. Trong giai đoạn hiện đại hóa và toàn cầu hóa, Tăng Ni, Phật tử của Phật giáo Nguyên thủy đã tích cực tham gia vào các hoạt động nhập thế trên mọi lãnh vực cuộc sống, (xem tiếp trang 9)

ĐẠO PHẬT NAM TRUYỀN



PGS.TS. Võ Văn Sen

- Hiệu trưởng Trường ĐHKHXH&NV-ĐHQG TP. HCM
- Trưởng ban chỉ đạo Hội thảo khoa học

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn cùng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam phối hợp tổ chức Hội thảo khoa học "Phật giáo Nguyên thủy trong kỷ nguyên toàn cầu hoá".

Hai ngàn sáu trăm năm trước, sau khi chứng quả đạo Bồ-đề, đức Thế tôn đã truyền bá giáo lý tư tưởng mà Ngài đã giác ngộ nhằm đem lại sự bình đẳng, an lạc, giải thoát cho tất cả chúng sinh. Tư tưởng từ bi hỷ xả, vô ngã vị tha, lợi lạc quần sinh cùng tinh thần rộng mở, dân chủ và bình đẳng của Ngài từ đó về sau được truyền bá ở các nước trong khu vực và hôm nay được phổ biến khắp cõi nhân gian.

Riêng tại Việt Nam, đạo Phật đã được truyền vào rất sớm, bằng con đường biển từ phương Nam truyền sang, và sớm hơn con đường bộ từ phương Bắc truyền xuống. Đạo Phật Nam truyền này, theo các nhà Phật học, đó chính là Phật giáo Nguyên thủy. Phật giáo Nguyên thủy Nam truyền này hiện vẫn tồn tại và ngày càng phát triển mạnh mẽ ở khu vực Nam bộ và các nước Đông Nam Á. Ở đó có nhiều nước đã coi Phật giáo là Quốc giáo như Campuchia, Lào, Thái Lan, Miến Điện, v.v...

Tuyển tập này là kết quả của Hội thảo khoa học do Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn cùng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam phối hợp tổ chức vào ngày 18-01-2014. Đây là lần đầu tiên,

Trường ĐHKHXH&NV hân hạnh được đón tiếp chư Tôn đức lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam, chư vị Trưởng lão thuộc hệ phái Phật giáo Nguyên thủy (Theravada), Đại diện Ban Tôn giáo Chính phủ và Ban Tôn giáo Thành phố cùng toàn thể các nhà khoa học và chư vị Hoà thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni đến bốn Trường. Hy vọng qua hơn 70 tham luận trong tuyển tập này, chúng ta sẽ nhìn lại những vấn đề về tư tưởng triết học và Phật học, để khẳng định Phật giáo nói chung, hệ phái Phật giáo Nguyên thủy nói riêng mãi mãi là một đạo Phật nhập thế, luôn đồng hành cùng dân tộc; cũng như nhận thức lại mối quan hệ hỗ tương giữa Phật giáo Nam tông Kinh và Nam tông Khmer tại Nam bộ; mối quan hệ cùng những tương đồng và dị biệt giữa Phật giáo Việt Nam với Phật giáo các nước Đông Nam Á, với mục đích hướng đến tương lai, góp phần phụng sự dân tộc, đất nước và khu vực, nhằm phát triển - bền vững trong kỷ nguyên hội nhập toàn cầu hóa đang diễn ra như hiện nay.

Thay mặt Ban chỉ đạo Hội thảo, tôi xin trân trọng giới thiệu đến quý độc giả tuyển tập: "Phật giáo Nguyên thủy trong kỷ nguyên toàn cầu hoá". 🍀



PHÁT BIỂU ĐẠI DIỆN PHẬT GIÁO NAM TÔNG KINH

HT.TS. Thích Thiện Tâm

- Phó Chủ tịch HĐTS.GHPGVN

- Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam

- Tổng Biên tập Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy

- Trưởng ban Chỉ đạo Hội thảo

Hội thảo Khoa học, chủ đề: "Phật giáo Nguyên thủy trong kỷ nguyên toàn cầu hóa" do Viện Nghiên cứu Phật giáo Việt Nam và Trường Khoa học Xã hội Nhân văn đồng tổ chức tại Hội trường của Trường Khoa học Xã hội Nhân văn, số 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh là một sự kiện lớn đối với Giáo hội Phật giáo Việt Nam nói chung và Phật giáo Nam Tông nói riêng. Được biết, đây là lần đầu tiên giới Phật giáo và ngành giáo dục TP. Hồ Chí Minh tổ chức hội thảo khoa học trong Hội trường của một Trường Đại học nổi tiếng tại Thành phố mang tên Bác Hồ kính yêu.

Phật giáo Nguyên Thủy trên thế giới hiện đang có mặt ở những quốc gia như Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia, Nepal, Anh, Pháp, Đức, Mỹ v.v... Một số quốc gia trên Phật giáo hiện đang là quốc giáo. Triết lý Phật giáo Nguyên Thủy là những lời dạy của đức Phật tổ Gotama, có bề dày lịch sử xưa nhất trong các truyền thống Phật giáo. Điểm đáng lưu ý, Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện là cái nôi của Phật giáo Nguyên Thủy, những quốc gia này từng là thuộc địa của Anh quốc. Cho nên Anh quốc cũng là kho chứa nhiều về sử liệu, văn học Phật giáo, Kinh điển, tranh ảnh v.v...Thậm chí năm 1881, tại Anh quốc đã thành lập Hội Thánh Điển Pāli – The Pāli text Society, đến nay đã chuyển dịch toàn bộ Tam tạng Pāli sang Anh ngữ, một số bộ Chú giải và những thể loại Tự điển, văn học Phật giáo, làm phong phú, đa dạng và truyền bá khá tốt lời Phật dạy trong cộng đồng các quốc gia trên thế giới, cụ thể là các nước phương Tây.

Phật giáo Nguyên Thủy có mặt ở Việt Nam khá sớm vào các triều đại Vua Hùng dựng nước, có khả năng vào thế kỷ thứ III Trước Công nguyên. Miền Bắc lẫn miền Nam Việt Nam đều có những dấu hiệu, di tích Phật giáo Nguyên thủy đến Việt Nam khá sớm như Chùa Tháp thời Asoka - Đồ Sơn, Hải Phòng; Trung tâm Luy Lâu; Trúc Lâm Yên Tử, Chùa Phật Tích - Bắc Ninh; Kinh An Ban Thủ Ý. Ở miền Nam, những ngôi chùa Nam tông Khmer có niên đại gần 2000 năm như chùa Hạnh Phúc Tăng - Vĩnh Long; Chùa Samrông Ek - Trà Vinh v.v...

Phật giáo Nguyên Thủy - Nam Tông Kinh đã du nhập vào Việt Nam năm 1938 do đoàn hoằng pháp của Hòa thượng Hộ Tông. Tổ đình Bửu Quang - quận Thủ Đức là ngôi chùa đầu tiên được Hòa thượng Hộ Tông chọn để hoằng pháp. Nguồn gốc



ngôi chùa này do ông bà Bùi Ngươn Hứa hiến cúng đất; cụ Kỹ sư Nguyễn Văn Hiếu và chư Phật tử quyên góp xây dựng. Từ ngôi chùa tổ đình này, Phật giáo Nguyên Thủy hiện nay có khoảng 85 ngôi Tự viện, 600 Chư tăng và 400 Tu nữ trên toàn quốc. Hiện nay, là thành viên chánh thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam từ năm 1981 đến nay.

Về danh xưng Phật giáo Nguyên Thủy Việt Nam như sau, Từ năm 1930 đến năm 1957: Đạo Phật Thích Ca; Năm 1957 đến năm 1964: Giáo hội Tăng già Nguyên Thủy Việt Nam; Từ năm 1964 đến năm 1981: Phật giáo Nam Tông; Từ năm 1981 đến nay: Hệ phái Nam Tông. Theo dòng chảy của thời gian, dù danh xưng có khác biệt, nhưng Phật giáo Nguyên Thủy Việt Nam vẫn không thay đổi và y cứ theo Tam tạng Pāli, tuân thủ tam y nhất bát, nghi lễ tụng niệm song ngữ Pāli - Việt, thờ Thích Ca duy



nhất, dùng ngọc - không ăn phi thời, không chấp nhận mê tín dị đoan, nghi lễ không sử dụng chuông mõ v.v...

Trong niềm hoan hỷ chung, Hội thảo Khoa học: Phật giáo Nguyên Thủy trong kỷ nguyên toàn cầu đã đón nhận hơn 90 bài tham luận, có khoa học, học thuật cao, nghiên cứu sâu, ở nhiều thể loại, góc cạnh Phật giáo Nguyên Thủy của Chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni cấp cao của GHPGVN, các Nhà khoa học, Quý Giáo sư Tiến sĩ, Thạc sĩ, Giáo viên, các nhà Nghiên cứu v.v... Nhờ Quý ngài và Quý vị làm sáng tỏ, tôn vinh triết lý Phật giáo Nguyên Thủy cho mọi tầng lớp trong xã hội Việt Nam ngày nay.

Hội thảo Khoa học kỳ này nhằm tôn vinh và kỷ niệm:

1. Kỷ niệm 76 năm (1938-2014) du nhập Phật giáo Nguyên Thủy Việt Nam.

2. Kỷ niệm 33 năm (1981-2014) Thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

3. Kỷ niệm Phật giáo Nguyên Thủy Việt Nam đã dịch và in đầy đủ Tam tạng Pāli và 13 bộ Chú giải quý giá.

4. Nhắm tôn vinh và giới thiệu nền triết lý Phật giáo Nguyên Thủy đến mọi tầng lớp, nhất là trong ngành giáo dục Việt Nam.

5. Danh xưng Tiểu thừa đã gán cho Phật giáo Nguyên thủy trong thời gian qua. Qua hội thảo này sẽ không sử dụng nữa, vì mang tính cục bộ, không đúng truyền thống pháp hòa hợp tăng, xúc phạm tới Tam bảo. Điều này khoảng thập niên 50 trong Đại hội Phật giáo Thế giới tại Tích Lan đã hủy bỏ danh xưng Tiểu thừa.

Chúng tôi vô cùng trân trọng cảm ơn Hòa thượng Thích Trí Quảng Phó Chủ tịch HĐTS. GHPGVN - Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam; Xin trân trọng ghi ơn Giáo sư Tiến sĩ Võ Văn Sen - Hiệu trưởng Trường Khoa học Xã hội Nhân Văn đồng chấp thuận cho hội thảo diễn ra và long trọng như ngày hôm nay. Kết quả hội thảo là những bài viết tham luận hay, trình bày trước hội chúng có khoa học, sẽ kết tinh làm giàu cho văn hóa, tư tưởng, đạo đức, nhân bản và xã hội Việt Nam.

Nhân dịp năm mới 2014, Thay mặt Chư tăng, Tu nữ và Phật tử Phật giáo Nam Tông, kính chúc Chư tôn Thiên đức Tăng Ni, Quý vị khách quý, Quý giáo sư, Tiến sĩ, các nhà khoa học cùng toàn thể nam nữ Phật tử thân tâm an lạc, Phật sự viên thành, cát tường như ý. 🙏

(tiếp theo trang 6)

trong nước và trên toàn cầu.

Tại Việt Nam, cộng đồng Phật giáo Nguyên Thủy đã góp phần trong việc thành lập nên Giáo hội Phật giáo Việt Nam vào năm 1981. Tính đoàn kết và thống nhất Phật giáo qua sự có mặt của Phật giáo Nguyên thủy và các trường phái Phật giáo khác trong ngôi nhà GHPGVN giúp Phật giáo Việt Nam đạt được nhiều thành quả xây dựng và phát triển con người và đất nước, trong chiều hướng phục vụ nhân sinh trên tinh thần vô ngã và vị tha.

Khi nói đến Nghiên cứu liên ngành (Interdisciplinaire), chúng ta không thể không nói đến các lý thuyết về nghiên cứu đa ngành (Multi-disciplinary) và nghiên cứu khu vực hay Khu vực học (Area Studies). Đối với sự phát triển của các ngành học hay khuynh hướng nghiên cứu mới này nhu cầu đặt ra ngày càng trở nên cấp bách hơn bởi lẽ khoa học chuyên ngành càng đi sâu thì càng bộc lộ những khó khăn và hạn chế trong việc nhìn nhận, đánh giá và giải quyết vấn đề chung, tổng thể. Đây là lần thứ hai, Học Viện PGVN và trường ĐHKHXH & NV có bước hợp tác nghiên cứu liên ngành và đa ngành như thế sau thành công rực rỡ của Hội thảo khoa học về Phong trào Phật giáo năm 1963 tổ chức trước đó.

Tôi tin tưởng rằng với chất xám tập thể của các nhà nghiên cứu khoa học và xã hội tại trường Đại học danh giá này cũng như của các nhà nghiên cứu của Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. HCM những giá trị truyền thống và hiện đại của Phật giáo Nguyên thủy sẽ được giới thiệu, chứng minh một cách ngời sáng, khách quan và khoa học.

Thông qua Hội thảo này, tôi tin tưởng các nhà nghiên cứu lĩnh vực khoa học xã hội, nhân văn và Phật học sẽ soi sáng nhiều vấn đề từ triết lý cho đến thực hành, từ tôn giáo cho đến xã hội... của Phật giáo trong tương quan với đất nước và con người Việt Nam trong thời hội nhập. Các kết quả nghiên cứu hôm nay sẽ mở ra các tiền đề và định hướng nghiên cứu Phật giáo mang tính chuyên sâu, hệ thống và toàn diện về sau.

Kính chúc các nhà nghiên cứu, các học giả và quý thiện hữu tri thức dồi dào sức khỏe, hạnh phúc, thành đạt và hanh thông. 🙏

(1) Tựa bài do BBT đặt



Sự đóng góp của Phật giáo Nam tông Kinh Trong sự phát triển của Phật giáo Việt Nam



HT. Thích Thiện Nhơn

- Phó Chủ tịch Thường trực

- kiêm Tổng Thư ký Hội đồng Trị sự GHPGVN



Chùa Kỳ Viên, Sài Gòn trước năm 1973.

I. VÀI NÉT VỀ LỊCH SỬ TỔNG QUÁT

Đạo Phật truyền vào Việt Nam từ đầu thế kỷ, nhưng đến thế kỷ XVII mới truyền đến vùng đất Nam bộ, mặc dù từ năm 1611 đã có lưu dân từ Thuận Quảng vào định cư sinh sống. Nhất là năm 1692, Tổ sư Nguyễn Thiều từ Thuận Hóa vào hoằng hóa phương Nam, trú tại chùa Đại Giác, Đồng Nai; Năm 1744, Thiền sư Long Thiền người Quảng Ngãi, đến xây dựng chùa Hội Tôn, Bến Tre. Năm 1725, Hòa thượng Hoàng Long người Bình Định đến hoằng đạo tại Hà Tiên, xây dựng chùa Bạch Tháp. Năm 1900, Hòa thượng Bửu Quang, Hòa thượng Diệu Pháp từ Bình Định vào hành đạo tại chùa Phước Minh, Trà Vinh v.v... Đạo Phật cứ như thế phát triển. Đến năm 1920, thành lập Hội Lục Hòa Liên Hiệp, do Tổ Khánh Hòa khởi xướng, mở đầu phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam.

Năm 1930, chính quyền Pháp cho phép thành lập Hội Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học, trụ sở đặt tại chùa Linh Sơn - Sài Gòn, do Tổ Khánh Hòa làm

Hội trưởng. Năm 1935, thành lập Hội Lưỡng Xuyên Phật Học Trà Vinh.

Trong bối cảnh Phật giáo Nam bộ sinh hoạt như thế thì ra đời một tổ chức Phật giáo người Việt, gọi là Phật giáo Nguyên thủy do người Việt xuất gia, tu học tại Nam Vang, rồi về hoằng đạo tại miền Nam Việt Nam.

II. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

Khoảng năm 1930, cụ Nguyễn Văn Hiếu - Công chức công chánh làm việc ở sở Hỏa Xa, Sài Gòn, nghiên cứu quyển "Tuệ giác của Đức Phật" của tác giả Georgos Grim người Đức. Một hôm cụ Lê Văn Giảng, là Bác sĩ Thú y ở Nam Vang về nghỉ tại nhà cụ Hiếu, hai người cùng trao đổi qua các tài liệu giáo lý Nam tông và quyết chí: Một người đi tu lo



hoảng dương Phật pháp, một người làm Cư sĩ hộ đạo. Kết quả là hai cụ phát tâm xây dựng chùa Sùng Phước tại Nam Vang. Đây là Tổ đình đầu tiên của Phật giáo Nam tông người Việt trên xứ sở chùa Tháp, trước khi có Tổ đình Bửu Quang, Gò Dưa, Sài Gòn. Tổ đình Bửu Quang tại Việt Nam xây dựng vào năm 1938 trên phần đất của ông Bùi Ngươn Hứa hiến cúng. Khi nhân duyên hội đủ, năm 1935 cụ Lê Văn Giảng đã phát tâm xuất gia với Ngài Phó Vua sãi chùa Unalom, Phnôm Penh là Hòa thượng Chuon Nath tại Nam Vang, được Hòa thượng Bôn sư tế độ ban pháp hiệu Hộ Tông.

Năm 1950, Giáo hội xây dựng chùa Kỳ Viên, Bàn Cờ, quận 3, Sài Gòn, làm trụ sở cho Hội.

Năm 1957, chính quyền Sài Gòn chính thức cho phép thành lập Giáo hội Phật giáo Tăng già Nguyên thủy Việt Nam, với một Ban Chưởng quản, do Hòa thượng Bửu Chơn làm Tăng thống, Hòa thượng Hộ Tông làm Phó Tăng thống v.v... Và cứ thế phát triển đến các tỉnh miền Trung và miền Đông, Tây Nam phần.

III. SỰ ĐÓNG GÓP ĐẦU TIÊN VỚI PHẬT GIÁO VIỆT NAM:

Trong phong trào đấu tranh chống chế độ độc tài gia đình trị Ngô Đình Diệm năm 1963 của Phật giáo miền Nam, Phật giáo Nguyên thủy Việt Nam cùng Tổng hội Phật giáo Việt Nam và các Giáo hội, Hệ phái Phật giáo khác thành lập Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo. HT. Bửu Chơn tham gia Ban Chứng minh; HT. Giới Nghiêm làm Phó Chủ tịch; TT. Hộ Giác, TT. Bửu Phương, TT. Nhật Thiện tham gia Ban Đối ngoại và phát ngôn; HT. Pháp Tri đã vượt biên giới sang Campuchia vận động Chính phủ, nhân dân và Phật giáo Campuchia ủng hộ phong trào đấu tranh đòi tự do tín ngưỡng của Tăng Ni, Phật tử Phật giáo Việt Nam.

Khi Cách mạng thành công, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất thành lập ngày 04/01/1964, Phật giáo Nguyên thủy đã tham gia GHPGVNTN cả 02 Viện, Viện Tăng thống và Viện Hóa đạo. HT. Tối Thắng được suy tôn Phó Tăng thống, sau khi viên tịch, HT. Thiện Luật thay thế. HT. Giới Nghiêm được suy cử Phó Thư ký Viện Tăng thống, HT. Pháp Tri làm Phó Viện trưởng phụ trách Tài chánh Kiến thiết. TT. Hộ Giác làm Phó Tổng Vụ trưởng Tổng vụ Cư sĩ, Tổng vụ trưởng Tổng vụ Xã hội, Vụ trưởng Vụ Truyền bá thuộc Tổng vụ Hoằng pháp, rồi Tổng vụ Trưởng vụ Hoằng pháp; TT. Nhật Thiện, Phó Tổng vụ trưởng Tổng vụ Xã hội.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, thống nhất đất nước, Ban Liên lạc Phật giáo Yêu nước TP.

Hồ Chí Minh thành lập năm 1976, Phật giáo Nguyên thủy đã tích cực tham gia. HT. Bửu Chơn, HT. Giới Nghiêm làm Phó Chủ tịch Ban Liên lạc Phật giáo Yêu nước, TT. Thiện Tâm làm Phó Tổng Thư ký cho đến khi thống nhất Phật giáo cả nước.

Năm 1980, các tổ chức Giáo hội, Hệ phái Phật giáo cả nước hợp lại thành lập Ban Vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam, tham gia Ban Vận động có: HT. Giới Nghiêm, chức vụ Phó ban; TT. Thiện Tâm, Ủy viên Thường trực.

Ngày 07/11/1981 tại chùa Quán Sứ, thủ đô Hà Nội, đã tiến hành Đại hội thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam, HT. Thích Thiện Tâm thay mặt đoàn Đại biểu Phật giáo Nguyên thủy đọc tham luận tại Đại hội.

Đến nay, trải qua 07 nhiệm kỳ, rất nhiều chư tôn đức Giáo phẩm Phật giáo Nam tông Kinh đã tham gia:

- Hội đồng Chứng minh: HT. Ấn Lâm – Phó Pháp chủ; HT. Kim Minh – Phó Pháp chủ; HT. Viên Minh – Thành viên HĐCM.

- Hội đồng Trị sự: HT. Giới Nghiêm, HT. Siêu Việt, HT. Hộ Nhẫn, HT. Thiện Tâm – Phó Chủ tịch, TT. Bửu Chánh – UV. Thường trực cùng một số thành viên Hội đồng Trị sự tham gia các Ban, Viện Trung ương như Tăng sự, Giáo dục, Hoằng pháp, Hướng dẫn Phật tử, Văn hóa, Nghi lễ, Kinh tế Tài chánh, Từ thiện Xã hội, Phật giáo Quốc tế, Pháp chế, Kiểm soát, Thông tin Truyền thông, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam;

- Chư Tôn đức tại các tỉnh, thành đều tham gia Ban Trị sự Phật giáo tỉnh, thành như TP. Hồ Chí Minh, TP. Đà Nẵng, Thừa Thiên - Huế, Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu, Tiền Giang, Vĩnh Long, Bình Phước v.v...

IV. SỰ PHÁT TRIỂN HỆ PHÁI

Hiện nay, cả nước có 455 chư Tăng, 350 Tu nữ. Tự viện có 73 cơ sở. Đặc biệt, một Thánh tích Phật giáo là Thích Ca Phật Đài tại TP. Vũng Tàu, xây dựng năm 1961, được sự chứng minh của Đại đức Narada người Tích Lan. Ngày nay, GHPGVN quản lý chung trên danh nghĩa pháp lý theo Hiến chương Giáo hội, còn trực tiếp điều hành là Hệ phái Phật giáo Nam tông Kinh. HT. Thiện Tâm làm Trụ trì, dưới sự quản lý, điều hành địa phương là Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Từ khi hiện diện trên đất nước Việt Nam, hòa mình cùng cộng đồng dân tộc, trong lòng các tổ chức Phật giáo Việt Nam, nhất là Giáo hội Phật giáo





Chư Tôn Đức trao học bổng cho các sinh viên trong buổi Hội thảo Khoa học Phật giáo Nguyên thủy trong kỷ nguyên toàn cầu.

Việt Nam là đỉnh cao của thời đại – thời đại hòa bình, thống nhất đất nước và thống nhất Phật giáo Việt Nam một cách đầy đủ, trọn vẹn với ý nghĩa đặc thù của nó, là tại Việt Nam có nhiều Hệ phái Phật giáo Bắc tông, Nam tông Khmer, Nam tông Kinh, Khất sĩ, người Hoa mà đều đoàn kết, hòa hợp trong ngôi nhà chung Giáo hội Phật giáo Việt Nam, nhưng vẫn duy trì sắc thái, pháp môn tu học biệt truyền như Hiến chương GHPGVN quy định.

Từ những quan điểm đúng đắn, có tính cách nguyên tắc, mà Hệ phái Phật giáo Nam tông Kinh là thành viên của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, đã đóng góp nhiều công sức vào sự phát triển chung của GHPGVN, cũng như Hệ phái. Từ lãnh vực Tăng sự, Giáo dục, Hoằng pháp, Văn hóa, Nghi lễ, Hướng dẫn Phật tử, Kinh tế Tài chánh, Từ thiện Xã hội, Phật giáo Quốc tế, Nghiên cứu Phật học v.v..., góp phần phát triển và hoàn tất các chương trình hoạt động của Giáo hội, trong đó có Phật giáo Nam tông Kinh. Nhất là sự tu học, hành đạo, hoằng pháp tại các cơ sở rất ổn định, đậm đà màu sắc truyền thống Phật giáo Nguyên thủy Việt Nam. Nhất là về mặt văn hóa, từ Tập văn Phật giáo Nguyên thủy tiến lên thành Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy, luôn luôn củng cố, tăng cường, bổ sung về mặt nội dung, đáp ứng nhu cầu văn hóa, hoằng pháp của Phật giáo Nam tông trong giai đoạn mới.

Cũng trong hoạt động văn hóa, công trình dịch thuật, chuyển ngữ Kinh tạng Pali sang chữ Việt, thì cổ Hòa thượng Tịnh Sự là vị dịch sư thứ hai sau cổ Hòa thượng Thích Minh Châu đã chuyển ngữ toàn bộ Kinh tạng Pāli 05 bộ Nikaya sang tiếng Việt. Hòa thượng Tịnh Sự đã có công đức rất lớn cho công trình phiên dịch Luận tạng Vi diệu pháp (Abhidhamma) sang chữ Việt, gồm 07 bộ.

1. Bộ Pháp Tụ (Dhamma Sangani)
2. Bộ Phân tích (Vibhanga)
3. Bộ Nguyên Chất ngữ (Dhātukattha)

4. Bộ Nhân Chế định (Puggalapannatti)
5. Bộ Ngữ Tông (Kathavatthu)
6. Bộ Song đối (Yamaka)
7. Bộ Vị trí (Patthina).

Hòa thượng đã để lại những tác phẩm quý giá trong kho tàng Tam tạng giáo điển Phật giáo Nam tông nói riêng, Phật giáo Việt Nam nói chung.

Về công tác Quốc tế, đối ngoại, Phật giáo Nam tông đã đóng góp nhiều thành quả ngoại giao cho GHPGVN. Vì hiện nay, tại Châu Á cũng như Đông Nam Á, chỉ còn 05 nước là Phật giáo Nguyên thủy, phần lớn là Quốc đạo hay Tôn giáo có nhiều tín đồ nhất. Đó là Thái Lan, Myanmar, Campuchia, Lào và Sri Lanka. Đặc biệt, Hòa thượng Thiện Tâm là Phó Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt Nam, Campuchia, Lào. Do đó, trong thời gian qua, đã thành công trong các hoạt động đối ngoại, nhất là phục hồi Phật giáo Campuchia, thăm viếng, hội thảo, tham dự các lễ hội có liên quan, đón tiếp các phái đoàn Phật giáo các nước Đông Nam Á, góp phần tạo mối quan hệ hữu cơ với GHPGVN trên trường Quốc tế và thắt chặt tình đoàn kết hòa hợp trong sinh hoạt chung là cùng một Đức bản Sư, một hệ thống giáo lý và giới luật, pháp hành v.v... đều đồng nhất. Đây là một thuận lợi lớn cho Giáo hội mà Phật giáo Nguyên thủy Việt Nam đã làm, đang làm và sẽ làm trong hiện tại và tương lai, thúc đẩy mối quan hệ hợp tác giữa các nước Phật giáo Nguyên thủy trong khu vực, ngày càng xích lại gần nhau trong cộng đồng Phật giáo thế giới và tình người con Phật trên hành tinh này.

V. LỜI KẾT:

Với tinh thần đoàn kết, hòa hợp và quyết tâm, Phật giáo Nam tông đã tự khẳng định vị thế của mình trong lòng dân tộc và GHPGVN cũng như tư thế phát triển của Hệ phái không tách rời hệ quả tất yếu là đoàn kết, hòa hợp, là nhân tố của mọi sự thành công trên các lĩnh vực hoạt động Phật sự ở thế kỷ XXI và những thế kỷ tiếp theo trong giai đoạn hội nhập thế giới và phát triển toàn cầu. 🌟

Tài liệu tham khảo:

- Kỷ yếu Đại hội GHPGVNTN – 1964
- Kỷ yếu Đại hội thành lập GHPGVN
- Kỷ yếu Hội thảo 30 năm Thống nhất Phật giáo Việt Nam (1981 - 2011)
- Tập văn Ban Văn hóa Trung ương
- Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy
- Danh Tăng Việt Nam
- Bước đầu Nghiên cứu Phật giáo Nam tông Việt Nam.



Tương đồng và Dị biệt giữa Phật giáo Việt Nam – Lào – Campuchia và Những vấn đề cần quan tâm

HT. Thích Thiện Tâm

Phó Chủ tịch Hội Hữu Nghị Việt Nam – Campuchia
Phó Chủ tịch Hội Hữu Nghị Việt Nam – Lào TP. HCM

Cúng ta đang ở vào thời đại Việt Nam mở rộng giao lưu, hoà nhập với cộng đồng thế giới, trong đó vấn đề hoà nhập Phật giáo thế giới đang được quan tâm. Hội nghị Phật giáo thế giới sẽ được tổ chức tại Việt Nam vào năm tới – 2014 trong dịp Đại lễ Phật đản Liên Hiệp Quốc do GHPGVN đăng cai tổ chức lần thứ 2. Đây là cơ hội để Phật giáo Việt Nam nhìn lại mình, sánh vai cùng Phật giáo các nước trên thế giới. Đặc biệt, với Phật giáo Campuchia và Lào. Ba nước anh em Việt Nam – Lào – Campuchia, từ cuối thế kỷ XIX đến giữa thế kỷ XX, có cùng chung số phận trong cộng đồng lãnh địa bán đảo Đông Dương thuộc Pháp; cùng chiến hào, hỗ trợ nhau đấu tranh giành độc lập và không quên giúp nhau trong công cuộc bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước. Để thấy rõ những vấn đề cần được quan tâm trong mối quan hệ giữa Phật giáo Việt Nam với Phật giáo Lào và Phật giáo Campuchia, trước hết phải đi sâu vào những điểm dị biệt và tương đồng của Phật giáo 3 nước, và đề xuất những vấn đề cần quan tâm, khả thi.

1. TƯƠNG ĐỒNG

Có lẽ, điểm tương đồng dễ thấy nhất là ở cả 3 nước là đều có tỷ lệ dân chúng theo đạo Phật chiếm đại đa số và có ảnh hưởng rất lớn trong cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước qua nhiều thời đại. Phật giáo ba nước đều có truyền thống gắn kết đạo và đời, cùng phụng sự dân tộc và đạo pháp. Đạo Phật và đất nước của mỗi quốc gia cùng suy vong và thịnh vượng, thăng trầm đều cùng chung số phận.

Phật giáo Lào đã trở thành quốc giáo từ nhiều thế kỷ, có ảnh hưởng đến việc hình thành tính cách dân tộc, nhân sinh của người Lào. Mặc dù nước Lào ngày nay và các bộ tộc người nói tiếng Lào trong quá khứ, bị chia cắt, xâm lấn bởi nhiều thế lực của các đế chế Nguyên Mông, Phù Nam, Khmer (Chân Lạp) và các vương quốc lân cận, đến thời cận đại lại bị các thế lực đế quốc thực dân cai trị, nhưng Lào vẫn giữ được bản sắc dân tộc hiền hoà mà kiên cường nhờ thấm nhuần triết lý nhân sinh của đạo



Phật.

Theo nguồn sử liệu phương Tây, Phật giáo bắt đầu truyền vào Lào từ thế kỷ thứ VII sau công nguyên, dưới triều đại Nan Chao, mang tư tưởng nhà vua được xem như là đấng hộ pháp bảo vệ Phật giáo – một ý thức hệ nhằm kết chặt hoàng gia và tầng đoàn. Khi vua Phà Ngừm (1316 - 1373) thống nhất toàn bộ lãnh thổ nước Lào, Phật giáo được phát triển trên khắp đất nước. Qua nhiều thế kỷ đổi thay vương quyền và lãnh địa, vào giữa thế kỷ XIX, nhà nước phong kiến Lào đứng trước nguy cơ suy thoái trầm trọng: phần thì bị Thái Lan khống chế; phần thì bị Pháp xâm lăng. Hòa ước 1884 thừa nhận quyền bảo hộ của người Pháp. Nhiều phong trào kháng chiến của dân chúng Lào, kể cả cuộc tranh đấu giành độc lập của tín đồ Phật giáo, đều bị thực dân Pháp dập tắt. Một trong những lãnh tụ tranh đấu cho nền độc lập đất nước là vị cao tăng A Tra Hãn Cư bị Pháp bắt và bị đày ải. Cuộc xâm lăng Pháp kéo dài từ 1884 đến 1940 thì bị





Tượng vua Jayavarman VII tại Hoàng cung Campuchia.

quân Nhật lật đổ. Sau khi Nhật bại trận, Pháp trở lại Lào nắm quyền. Phong trào tranh đấu giành độc lập kéo dài từ năm 1947 đến năm 1954, Hiệp định Genève ký kết, Pháp công nhận chủ quyền, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Lào. Ở thời kỳ này, Phật giáo Lào dưới sự cai trị của Pháp không được coi trọng, tuy nhiên, văn hoá Phật giáo và văn hoá truyền thống của dân tộc đã ăn sâu vào quần chúng, vẫn được truyền bá trong cả nước.

Chế độ giáo dục Lào quy định: Trường học được hưởng dẫn do các sư sãi, nhà sư đóng vai trò chỉ đạo trong giáo dục. Chùa chiền vẫn được kiến lập khắp nơi. Ngay trong chế độ giáo dục hiện nay, cũng còn có nhiều trường học do chùa chiền đảm trách việc hướng dẫn; tại nông thôn, nhà sư còn kiêm nhiệm thầy giáo làng. Năm 1914, tại thủ đô Luang Prabang đã xây dựng Trường dạy Pāli cao cấp, sau này trở thành Học viện Phật giáo. Năm 1932, Lào lại lập ra "Tam tạng Ủy viên hội" (Tripitaka Board) do Chính phủ chỉ định, bao gồm nhiều học giả Phật học nổi tiếng, để biên soạn và ấn hành kinh điển Phật giáo bằng tiếng Pāli và tiếng Lào. Tổng số kinh sách lên đến 110 bộ. Năm 1933, thành lập thêm gần 400 ngôi trường dạy Pāli trên cả nước. Năm 1955, thành lập đại học Phật giáo... mặc dù sống dưới sự cai quản của các thống sứ người Pháp.

Từ năm 1954, Lào được độc lập, nhưng chính trị và quân sự ở trong tình trạng chia cắt, chủ yếu là 3 thế lực: phái Hữu, phái Tả và phái Trung Lập. Năm 1961, Lào được coi là nước Trung lập, Hiến pháp Lào được ban hành. Điều 7 của Hiến Pháp nêu rõ: "Phật giáo là quốc giáo; quốc vương là người



Tượng vua Phà Ngūm ở Viêng Chăn.

bảo hộ cao nhất". Điều 8 của Hiến Pháp ghi rằng: "Quốc vương phải là tín đồ Phật giáo nhiệt thành". Sinh mệnh của dân tộc Lào từ những năm 60-70 gắn liền với sinh mệnh dân tộc Việt Nam. Trong đấu tranh dân chủ nhân dân, Phật giáo Lào đã tập hợp thành liên minh hỗ trợ lực lượng cách mạng giành thắng lợi hoàn toàn vào tháng 12 năm 1975. Ngày nay, Liên minh Phật giáo Lào có hơn 20.000 tăng ni, khoảng 6.300 cơ sở thờ tự, chiếm khoảng 85% dân số.

Tương tự tại đất nước Campuchia, người Campuchia theo đạo Phật chiếm đến hơn 95% dân số. Tăng đoàn và Phật tử đã trở thành lực lượng quần chúng quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Phật giáo đã tồn tại ở Campuchia ít nhất là từ thế kỷ thứ III TCN (thời Asoka truyền đạo, rõ ràng nhất là vào thế kỷ thứ V SCN, nhưng phải trải qua nhiều thăng trầm, làm tôn giáo thứ 2 sau Ấn Độ giáo, phải đến thế kỷ XIII SCN, Phật giáo Nam tông mới trở thành quốc giáo của Campuchia. Dưới triều vua Jayavarman VII, (1181-1215), Phật giáo gần như thay thế hoàn toàn vai trò của Ấn Độ giáo, (Angkor Wat chuyển sang thờ Phật). Angkor Thom là một công trình Phật giáo lớn nhất ở Campuchia được xây vào cuối thế kỷ XII. Hiện nay, Campuchia có 4.392 chùa, tự viện trong cả nước. Tuân thủ theo Đạo Phật được xem là bản sắc dân tộc và văn hóa của đất nước. Nền tảng của Phật giáo Campuchia là các vị sư Phật giáo và các tự viện, mỗi làng có một trung tâm tinh thần (wat) có từ năm đến hơn bảy mươi Tỳ kheo cư trú.



Thời kỳ diệt chủng Khmer đỏ, Phật giáo Campuchia bị đàn áp và hủy diệt chịu cùng số phận với đất nước, tuy nhiên, sau đó cũng đã nhanh chóng hồi sinh trở lại khi đất nước được giải phóng. Ngày nay, hầu như 100% chính khách, thành viên hoàng gia, nhân sự chính phủ, đại biểu quốc hội Campuchia đều theo đạo Phật. Phật giáo có tác dụng đoàn kết chính trị ở Campuchia, dù có nhiều xu hướng chính trị muốn phân hóa khối đại đoàn kết Phật giáo.

Phật giáo được du nhập vào Việt Nam từ đầu Công nguyên. Luy Lâu (thuộc tỉnh Bắc Ninh) là trung tâm Phật giáo quan trọng. Đến đời Lý – Trần, Phật giáo phát triển cực thịnh, được coi là quốc giáo, ảnh hưởng đến tất cả mọi vấn đề trong cuộc sống. Chỉ suy thoái một phần vào đời hậu Lê do Nho giáo được coi là quốc giáo. Từ thế kỷ XVII và nhất là cuối thế kỷ XIX, đến nay Phật giáo Việt Nam lại được chấn hưng với sự đóng góp quan trọng của nhiều vị cao tăng lãnh đạo Phật giáo, như Hòa thượng Khánh Hòa, Hòa thượng Thiện Chiếu, v.v...

Qua hơn hai nghìn năm có mặt ở Việt Nam, Phật giáo đã trải qua bao thăng trầm cùng lịch sử dân tộc, đồng hành, gắn bó với truyền thống dân tộc. Phật giáo Việt Nam đã tập hợp được lực lượng tín đồ đông đảo, thể hiện tư tưởng nhập thế tích cực, ích đạo lợi đời. Thực tế đã có những đóng góp xứng đáng cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Quốc sư Khuông Việt giúp vua Đinh ngoại giao; Thiền sư Vạn Hạnh giúp vua Lê Đại Hành đánh tan giặc Tống, Phật hoàng Trần Nhân Tông đã lãnh đạo nhân dân kháng chiến chống giặc Nguyên Mông xâm lược. Khi đất nước thái bình, Ngài nhường ngôi và đến nơi non cao Yên Tử để học Phật, tu hành, sáng lập nên Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, Trong lịch sử thời hiện đại, Hòa thượng Thích Quảng Đức đã tự thiêu để chống lại chế độ độc tài của Ngô Đình Diệm, nhiều tăng ni, cư sĩ Phật tử sẵn sàng "cởi áo cà sa khoác chiến bào" đã làm tăng thêm sức mạnh cho cách mạng Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Phật giáo với dân tộc Việt Nam như hình với bóng, tuy hai mà một".

Lịch sử đã chứng minh sinh mệnh của Phật giáo Việt Nam gắn liền với sự thịnh suy của dân tộc Việt Nam. Trong thời kỳ chấn hưng Phật giáo dưới ách thống trị của thực dân Pháp, mỗi làng đều có một khuông hội Phật giáo, một ngôi chùa bên bến nước đình làng, đã nuôi dưỡng hồn dân tộc và đạo pháp, nuôi dưỡng ý chí vươn lên tìm ánh sáng, tự do và bình đẳng, công bằng xã hội. Phật giáo Việt nam đã thống nhất 3 miền Trung, Nam, Bắc và các hệ phái, trở thành lực lượng quần chúng cách mạng



Vua Trần Nhân Tông - Việt Nam

đấu tranh cùng với dân tộc giải phóng đất nước và ra sức kiến tạo, hộ quốc an dân.

Như vậy, Phật giáo ở cả 3 nước có một điểm tương đồng, là lực lượng quần chúng đông đảo nhất trong mỗi nước, sự an nguy của mỗi dân tộc đều được Phật giáo đồ và tăng lữ chia sẻ tích cực, và ngược lại Phật giáo cũng được các nhà cầm quyền quan tâm hỗ trợ. Điều này càng trở nên có ý nghĩa hơn khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam là giáo hội thống nhất các hệ phái, trong đó có hệ phái Phật giáo Nam tông Theravāda. Đây cũng là tông phái Phật giáo chính yếu ở Lào và Campuchia, đồng thời cũng là tông phái Phật giáo chính của hầu hết các nước Đông Nam Á lục địa. Như vậy, tiềm năng thúc đẩy quan hệ, đoàn kết gắn bó đặc biệt giữa Phật giáo ba nước Việt Nam – Lào – Campuchia là rất lớn. Nói theo thuật ngữ Phật giáo, là đã có sẵn "nhân duyên". Mà nói đến "nhân duyên" là nói đến thuận lợi. Vì vậy, ở đây chúng ta nói đến hoạt động tăng cường giao lưu, hiểu biết, hợp tác, đoàn kết Phật giáo Việt Nam – Lào – Campuchia không chỉ là nói đến một yêu cầu, một mục tiêu, mà còn là nói đến thuận lợi, đến tiềm năng.

Điểm tương đồng thứ hai giữa Phật giáo 3 nước là cả 3 đều có quan hệ mật thiết giúp đỡ nhau, từ vật chất đến tinh thần, từ việc tạo điều kiện cho các tăng sinh tu học, đến trao đổi kinh tạng, giáo lý, và các Phật sự truyền thừa tối quan trọng đến chuyện thăm hỏi giao lưu. Đặc biệt, Phật giáo Campuchia là nơi các tổ sư Phật giáo Nam tông Việt Nam (Nam tông Kinh) thọ giới, học đạo, đem về truyền bá tại Việt Nam trong những năm 30 của



thế kỷ XX, xây dựng các tổ đình Bửu Quang, Kỳ Viên... đến nay đã phát triển nhiều tự viện, cùng với Nam tông Khmer trở thành một tông phái chính thức trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Ngược lại, sau thời kỳ diệt chủng, vào năm 1979, thế theo lời thỉnh mời từ Mặt trận Dân tộc cứu nước nhân dân Campuchia, phái đoàn Phật giáo Việt Nam do Hòa thượng Bửu Chơn dẫn đầu đã sang truyền giới lại cho 7 vị sư đầu tiên bị Khmer đỏ buộc hồi tục nhằm hồi sinh Phật giáo Campuchia. Đây là sự kiện lịch sử quan trọng của Phật giáo hai nước mà Phật giáo Nam tông Việt Nam đã đóng góp phần quan trọng, bản thân chúng tôi cũng rất vinh dự được tham gia vào sự kiện trọng đại ấy. Cũng từ đó đến nay, Phật giáo Việt Nam – Campuchia đã thường xuyên có các hoạt động hợp tác, thăm viếng - góp phần củng cố và tăng cường tình hữu nghị giữa Phật giáo hai nước ngày càng thêm bền vững.

Riêng Phật giáo Nam tông Khmer đã có mặt ở đồng bằng sông Cửu Long từ ngàn xưa. Ở các Phum, Sóc của người Khmer đều có chùa thờ Phật. Hiện ở đồng bằng sông Cửu Long và Thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh thành còn có các ngôi cổ tự, các tự viện Nam tông Khmer đang hoạt động tích cực. Dưới sự hỗ trợ của Giáo hội Phật giáo và chính quyền Việt Nam. Những năm gần đây Phật giáo Nam tông Khmer đã chính thức mở một Học viện Phật giáo Nam tông Khmer (Cần Thơ), 05 cơ sở trung học Phật giáo, trên 200 lớp Sơ cấp, Trung cấp Pāli Vini tại các tự viện. Nhìn chung, Phật giáo Nam tông Khmer hiện có 452 ngôi chùa với 8.574 vị sư đang phát triển góp phần quan trọng trong đời sống tâm linh và văn hoá ở các tỉnh phía Nam Việt Nam. Trong khi đó, tại Campuchia cũng có nhiều ngôi chùa của Việt kiều được xây dựng và hoạt động từ nhiều thập niên qua, cụ thể như ở Vùng Biền hồ, Phnompenh và Battamban, v.v...

Phật giáo Việt Nam và Phật giáo Lào cũng có những mối quan hệ tương tự, thường xuyên giao hảo hai bên. Kể từ khi còn trong khối Đông Dương thuộc Pháp, các vị cao tăng ở triều đình Huế, các vị tu sỹ Phật giáo làm cách mạng, và dân chúng ở miền Trung thường qua Lào hoạt động vì đạo pháp và dân tộc, hoặc làm ăn sinh sống.... Trong chiến tranh chống Mỹ, trào lưu này vẫn tiếp tục. Có nhiều chùa Việt theo Bắc tông cũng được xây dựng trên đất Lào. Ngược lại, người Lào cũng di cư sang Việt Nam, tạo các buôn làng và các chùa Phật giáo như ở Buôn Trí, Buôn Hwa, Buôn Yang Lành. Hằng năm, ở Buôn Đôn trên đất Việt Nam (Đắk Lắk), cộng đồng người Lào thường tổ chức lễ tắm Phật vào mùa xuân và lễ Phật Đản vào rằm tháng



HT. Thích Trí Quảng đón ngài Đại Tăng thống Tép Vong.

tư âm lịch cũng như các lễ hội truyền thống khác. Các lễ hội đều có múa hát mừng mùa, múa hát giao duyên, đối đáp nam nữ Lâm Sơn Su, múa hát tập thể Lâm muôn Phăm Wông hòa với tiếng công chiêng. Giao lưu văn hoá tín ngưỡng Việt Lào được Liên Minh Phật giáo Lào và Giáo hội Phật giáo Việt Nam quan tâm.

2. DỊ BIỆT

Nếu nói Phật giáo 3 nước Việt Nam, Campuchia, Lào có khác nhau là ở chỗ thực hành hệ phái, tông phái khác nhau trong dòng truyền thừa của Đạo Phật. Đó là một số nét dị biệt giữa Phật giáo của một quốc gia lâu đời theo Phật giáo Nam tông và Đạo Phật ở một quốc gia chịu ảnh hưởng Phật giáo Bắc tông từ ngàn xưa. Tuy vậy, trong lịch sử truyền giáo của đạo Phật ở cả 3 nước đều có sự pha lẫn các hình thức tín ngưỡng Nam, Bắc tông và các tín ngưỡng bản địa. Đặc biệt Giáo hội Phật giáo Việt Nam được thừa hưởng cả hai truyền thống Nam tông và Bắc tông và các hệ phái Phật giáo phát sinh tại địa phương và các tín ngưỡng nhân gian khác.

Về ngôn ngữ, 3 quốc gia sử dụng các ngôn ngữ khác nhau và cũng do đặc điểm khác biệt hệ phái, tông phái, việc sử dụng ngôn ngữ trong học tập, nghiên cứu, khảo cứu kinh điển cũng trở nên dị biệt, các bản kinh Nam tông thường sử dụng Pāli ngữ còn kinh sách Bắc tông thường sử dụng Hán tự. Bên cạnh đó sách Phật học của Phật giáo 3 nước dịch thuật qua lại giữa ngôn ngữ 3 nước là không đáng kể. Tình trạng mà chúng ta thấy ở Phật giáo Nam tông Việt Nam có thể là tình trạng chung. Sách





Đoàn Giáo hội Phật giáo Việt Nam trao quà lưu niệm đến Trường Cao đẳng Phật học Lào

Phật giáo Nam tông được các tu sĩ, học giả Phật giáo Nam tông phiên dịch hầu hết từ các tác giả Phật giáo Sri Lanka, Miến Điện thông qua các bản tiếng Anh. Do hiện trạng dịch thuật như vậy, tư liệu tiếng Việt nghiên cứu Phật giáo Việt Nam – Lào – Campuchia dành cho tăng ni Phật tử Việt Nam rất hiếm, và điều đó cũng là vấn đề chung đối với Phật giáo 3 nước.

Sự sai khác nhau về cách thờ phượng, về cách ăn mặc hay sự thực hành sai khác giữa các truyền thống Phật giáo cũng không phải là những dị biệt không chấp nhận được xét trong tinh thần hoà hợp tăng chúng dưới ánh sáng giáo lý của Đức Phật.

Để có một cái nhìn bao quát về sự tương đồng và dị biệt của Phật giáo 3 nước, không thể không có cái nhìn quan nào khác nhìn quan Đạo Phật. Cả 3 nước đều theo Phật giáo là chính, đều nhận chân được những khó khăn, khổ não của cuộc đấu tranh, đều cố tìm nguồn gốc của khổ, tìm cách diệt khổ, xây dựng con đường hạnh phúc chung cho nhân dân. Phật giáo cả 3 nước đều đã thấm nhuần đức tính từ bi, hiền hoà, thương dân thương nước, nhưng cương nghị quyết đạt đến đỉnh cao của trí tuệ, an lạc. Trên thực tế đã thật sự đóng góp nhiều công sức trong các cuộc kháng chiến và cách mạng vì sinh mệnh của Tổ quốc, của cộng đồng dân cư, nơi sinh sống; nêu cao tinh thần tự giác giác tha, tạo nên được trong quần chúng một sinh khí phấn đấu làm người công dân xứng đáng, luôn siêng năng tinh tấn trong quá trình tu học, rèn luyện đạo đức để xây dựng một sức mạnh bản lĩnh cho bản thân, sẵn sàng phục vụ những nhiệm vụ nặng nề, nhưng vinh quang của Tổ quốc, nhân sinh; trước mắt thấm nhuần bát chánh đạo, giàu lòng vị tha, nhưng luôn sáng suốt của một tổ chức có định lực có tri kiến và hoà hợp tăng chúng, hoà hợp giáo đoàn, Phật tử và nhân dân, thật sự là một lực lượng hộ quốc an dân.

Tóm lại, những điểm dị biệt nếu có cũng chỉ là những dấu hiệu, tướng diện bên ngoài do đặc điểm của địa lý, của tập tục tín ngưỡng địa phương trên vùng đất sinh sống và ảnh hưởng của nhiều thế lực vô minh chi phối.

3. VẤN ĐỀ

Vấn đề ở đây là làm sao phát huy thêm những điểm tương đồng và hạn chế những dị biệt của Phật giáo giữa 3 quốc gia cận kề nhau đã có quá trình gần bó, thăng trầm với nhau như cùng chung số phận, để cải thiện thăng hoa mối quan hệ lâu đời và tốt đẹp này.

Với quyết tâm tạo nên sinh khí hoà hợp tăng trong khác biệt Nam tông và Bắc tông. Việt Nam cần khai thác thế mạnh của Phật giáo Việt Nam là có Phật giáo Nam tông và Bắc tông hoà hợp. Cử nhiều phái đoàn mang cả 2 sắc thái đến thăm viếng, giao lưu với Phật giáo Campuchia và Lào. Như những chuyến đi thăm trước đây của đoàn Phật giáo Việt Nam do Hòa thượng Thích Trí Quảng, Hòa thượng Thích Thiện Tâm dẫn đầu đến thăm và trân trọng mời Đại Tăng thống Tep Vong phái Mohanikaya và Vua sãi Bour Kry phái Thomayut Nikaya của Phật giáo Campuchia sang thăm chính thức Việt Nam. Đáp lại, Đoàn Phật giáo Campuchia do Ngài Tăng thống và Vua sãi dẫn đầu cũng đã đến thăm Phật giáo Việt Nam và một số chùa Nam tông Khmer, Nam tông Kinh ở TP. HCM.

Bên cạnh các cuộc thăm viếng cấp cao của các Giáo hội và Liên minh Phật giáo, cần tổ chức các tăng đoàn giao lưu học tập, cử tăng sinh du học, trao đổi tăng sinh, cấp học bổng, trao đổi dịch thuật kinh tạng, thông tin tôn giáo, tổ chức du lịch hành hương, lễ hội rước kim thân, lễ hội Kathina, Vesak... mở rộng cho Phật tử 3 nước giao lưu, gần gũi và hiểu biết nhau nhiều hơn.

Để tiến đến sự hoà hợp tăng giữa Phật giáo 3 nước, Việt Nam cần quan tâm hỗ trợ Phật giáo Nam tông Việt Nam hoà hợp Nam tông Kinh và Nam tông Khmer trong nước làm bước mở đầu và rút kinh nghiệm tổ chức.

Cần có chính sách hỗ trợ xây dựng các tự viện Phật giáo Nguyên thủy ở miền Trung và miền Bắc tương ứng với Phật giáo Lào, giao hảo với Phật giáo Lào. Tạo điều kiện cho kiều bào và du học sinh sinh viên có nơi sinh hoạt tôn giáo, và qua đó trao đổi kinh sách dịch thuật Lào - Việt.

Tại TP. Hồ Chí Minh, các chùa Nam tông kinh cần thành lập các chi hội hữu nghị Phật giáo Việt Nam – Campuchia quy tụ các (xem tiếp trang 23)





Phật Giáo Nguyên Thủy Từ Truyền Thống Đến Hiện Đại

1. VÀI NÉT ĐẠI CƯƠNG VỀ LỊCH SỬ PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY TRONG BỐI CẢNH CHUNG CỦA PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

Sở dĩ gọi là Phật giáo Nguyên thủy là để phân biệt với Phật giáo phát triển về sau. Thực ra trong thời đức Phật còn tại thế chỉ có đạo Phật, vì Đạo là Chân Lý, Phật là giác ngộ, nên trong thời ấy đơn giản là đức Phật giác ngộ chân lý và chỉ bày Chân Lý ấy cho những ai “ít bụi trong mắt có thể thấy” chứ hoàn toàn không có tính cách một Tôn giáo có tổ chức nào. Đó mới chính là thời kỳ Nguyên thủy tự nhiên nhất của đạo Phật.

Ngay sau khi đức Phật nhập Niết-bàn, một số vị phạm Tăng mới xuất gia vì chưa thấm nhuần đạo pháp, chưa chứng ngộ Chân Lý đã có manh nha một vài khuynh hướng muốn sống tự do ngoài sự thanh nghiêm của đời sống phạm hạnh, nên 3 tháng sau một Đại hội Thánh Tăng đã được triệu tập để trùng tuyên tất cả lời dạy của đức Phật gọi là Đại hội kết tập Kinh Luật lần thứ nhất với mục đích giữ gìn lại giáo pháp của đức Phật đã tuyên thuyết suốt 45 năm hoằng hóa độ sinh, một mặt để cho những Tăng ni mới có pháp học để hành trì, một mặt để chỉnh đốn Tăng đoàn có quy củ làm gương cho các thế hệ về sau.

Từ đó Kinh Luật đã được trùng tuyên trở thành khuôn vàng thước ngọc để Tứ chúng y giáo phụng hành thay cho sự hướng dẫn trực tiếp, uyển chuyển, tự nhiên của chính đức Phật khi Ngài còn tại thế. Cũng từ đó đạo Phật bước sang một bước ngoặt mới, có phần nào mang tính tôn giáo hoặc hình thức giáo đoàn nên bắt đầu có tên là Phật giáo

HT. Thích Viên Minh
Thành viên Hội đồng Chứng minh GHPGVN

– giáo đoàn lấy Kinh Luật đã kết tập làm tôn chỉ hành đạo. Bởi vì khuynh hướng của chư vị Thánh trưởng lão là muốn bảo nguyên những lời dạy của đức Phật, nên đạo Phật trong thời kỳ này được xem là Phật giáo Nguyên thủy.

Nhưng khoảng 100 năm sau đức Phật nhập Niết-bàn, trong Giáo đoàn Phật giáo không tránh khỏi phát sinh những điểm dị biệt tùy vào cách giải thích Kinh Luật đã được trùng tuyên lần thứ nhất. Vì vậy, bắt đầu manh nha những trường phái luận giải sai biệt. Các vị trưởng lão lại mở Đại hội kết tập Kinh Luật lần thứ 2 để khẳng định lập trường bảo nguyên của Phật giáo Nguyên thủy.

Nhưng rồi đến khoảng 200 năm sau đức Phật nhập Niết-bàn thì khuynh hướng phát triển đã hình thành trên dưới 20 bộ phái có giáo đoàn khác nhau. Thực ra, tư tưởng dị biệt của những bộ phái này không khác nhau lớn lắm, và hình thức y bát thì vẫn không có gì thay đổi. Tuy nhiên, điều khác biệt lớn nhất là có hai khuynh hướng rõ rệt: Một là khuynh hướng Nguyên thủy giữ nguyên nội dung kết tập Kinh Luật lần thứ nhất, hai là khuynh hướng phát triển thêm những Luận Giải. Do đó, song song với lần kết tập thứ 3 của Phật giáo Nguyên thủy ghi lại Tam Tạng bằng ngôn ngữ Pàli, thì đã có Đại hội kết tập Kinh Tạng lần thứ nhất của các bộ phái, mà hiện nay còn lại các bộ A-hàm (Agama) và một số Luận Sở viết bằng ngôn ngữ Sanskrit. Trong thời kỳ này giai cấp Bà-la-môn phát triển trở lại, họ đã dựa



trên ngôn ngữ Pāli mà đức Phật tự chế ra trong quá trình thuyết giảng, để biên soạn thành ngôn ngữ Sanskrit, cho nên các nhà khảo cổ nghiên cứu về nguồn gốc ngôn ngữ ở Ấn Độ đã xác định Pāli là mẹ đẻ của Sanskrit⁽¹⁾.

Thời kỳ các bộ phái phát triển kéo dài cho đến khi Phật giáo Đại thừa ra đời – khoảng 600 năm sau Phật lịch, tức khoảng đầu công nguyên. Khi Phật giáo Đại thừa ra đời thì các bộ phái có khuynh hướng phát triển trước đó được xem là Tiểu thừa, và các bộ phái này dần dần mai một trước sự phát triển mạnh mẽ của tư tưởng Đại thừa cho đến khi không còn tồn tại nữa. Riêng Phật giáo Nguyên thủy không nằm trong khuynh hướng phát triển vì vẫn giữ lập trường bảo nguyên Chánh pháp nên vẫn còn tồn tại và hưng thịnh tại các nước Đông Nam Á, song song với sự phát triển của Phật giáo Đại thừa xiển dương ở các nước phương Bắc.

Từ khi Phật giáo có khuynh hướng phát triển thì sau lần kết tập Tam Tạng lần thứ 3, Phật giáo Nguyên thủy vẫn tiếp tục kết tập Tam Tạng lần thứ 4, thứ 5 và lần thứ 6 được tổ chức tại Yangon PL. 2500 - DL. 1954 để khẳng định lập trường bảo toàn Phật giáo Nguyên thủy của mình. Sau lần kết tập Kinh Luật lần thứ nhất, các lần kết tập sau có hệ thống lại Tam Tạng Giáo Điển và có thêm phần Chú Giải (aṭṭhakathā), rồi phụ Chú giải (tikā) và phụ phụ Chú Giải (anutikā), nên ngoài Chánh Tạng vẫn có thêm phần Luận Giải theo truyền thống Nguyên thủy của Phật giáo để phân biệt với các bộ Sớ Luận của Tiểu thừa và Đại thừa.

Dù chủ trương phát triển hay giữ gìn bản sắc nguyên thủy của Phật giáo thì tất cả các Tông môn Hệ phái đều có chung một cốt lõi là Giác ngộ Giải thoát. Tuy nhiên, từ đạo Phật Nguyên thủy đến Phật giáo Nguyên thủy, từ Phật giáo Phát Triển Tiểu thừa đến Đại thừa, có thể nói chung lịch sử Phật giáo đã đi qua các thời kỳ chuyển biến:

- Thời kỳ Chánh Pháp: Khi đức Phật còn tại thế đạo Phật lấy Chân Lý hiện thực mà đức Phật trực tiếp khai thị làm gốc. Sau khi đức Phật nhập niết-bàn Phật giáo Nguyên thủy lấy Kinh Luật được kết tập lần thứ nhất bằng ngôn ngữ Pāli làm gốc. Trong hai giai đoạn này Giáo pháp của đức Phật vẫn còn giữ tương đối nguyên vẹn chưa có biến đổi nào.

- Thời kỳ Tượng Pháp: Tượng Pháp lúc đầu có nghĩa là Pháp tương tự, vì các bộ phái Phật giáo Tiểu thừa lấy các Kinh A hàm và những Luận Sớ



Dị tích lịch sử nơi kết tập Tam tạng lần thứ tư

viết bằng ngôn ngữ Sanskrit (Như Câu xá luận, Thành Thập luận...) do họ kết tập làm gốc, nên nếu so sánh giữa các Kinh Pāli Nikāya và Kinh Sanskrit Agama thì cũng có thể xem như gần giống nhau nên gọi là pháp tương tự với chánh pháp. Về sau Tượng Pháp có nghĩa là Pháp biểu tượng vì khi Phật giáo Đại thừa phát triển ra nhiều Tông, mỗi Tông lấy Kinh Luận của mình làm gốc (như Hoa Nghiêm tông lấy Kinh Hoa Nghiêm làm gốc, Thiên Thai tông lấy Kinh Pháp Hoa làm gốc v.v...). Phần lớn các Kinh Luận phát triển thời bấy giờ lấy biểu tượng thay cho chân lý hiện thực. Thí dụ mỗi vị Phật, mỗi vị Bồ-tát, mỗi linh ảnh... đều biểu tượng cho một đức tính cao quý của thực tánh chân đế, như tính giác, trí tuệ, định lực, từ, bi, hỷ, xả v.v... Trong thời kỳ tượng pháp này, do nổi bật tính biểu tượng mà Phật giáo chia ra hai hướng rõ rệt: Hướng phát triển triết học với các bộ luận và hướng gia tăng tín ngưỡng với các bộ kinh.

- Thời kỳ Mạt pháp: Mạt có nghĩa là ngọn, vì trong thời kỳ này những Tông phái chính đã chia thành nhiều tông chi riêng biệt y như những cành chính chia ra nhiều nhánh ngọn (chi mạt) vậy. Tín đồ các tông chi này đã lấy đức tin thay cho giới định tuệ trong thời chánh pháp và tượng pháp. Những biểu tượng Phật, Bồ-tát không còn là tượng trưng cho phẩm chất cao quý trong tự tánh nữa mà đã trở thành thần tượng đầy uy lực có thể cầu xin ban ơn cứu khổ. Thế là từ một đạo Phật uyên nguyên trong sáng tự nhiên "duy tuệ thị nghiệp" trở thành Phật giáo đa tông phái với nhiều hệ tư tưởng và phương tiện khác nhau để đáp ứng căn cơ của đại đa số quần chúng, và từ Phật giáo đa tông phái trở thành những hình thức tín ngưỡng lấy Phật và Bồ-tát làm thần tượng để cúng bái cầu xin.

Một câu hỏi cần được đặt ra rằng: Đó là quá trình phát triển hay thoái hóa của đạo Phật? Và đó phải chăng là phát triển về số lượng, nhưng thoái hóa về phẩm chất?

2) BẢN SẮC CỦA PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

Nếu trong quá trình phát triển có tiến hóa, có

1. Pāli is the Mother of Sanskrit, Habir Angar Ee, 1994.



thoái hóa, có nguy cơ biến chất thì lúc đó vai trò của Phật giáo Nguyên thủy là giới thiệu lại bản sắc ban đầu của đạo Phật mà mình còn giữ được. Bản sắc đó là gì?

Trước khi đức Phật ra đời, hầu hết các tôn giáo đều hướng đến những lý tưởng cao viễn ở bên ngoài (như Tiểu Ngã tu luyện để trở thành Đại Ngã), hoặc nương tựa vào một hay nhiều thần lực siêu huyền nào đó ở trên cao (như Nhất Thần giáo và Đa Thần giáo). Thế mà ngay khi mới chào đời Bồ-tát Siddhattha không đề cập gì đến bất kỳ thần linh hay ngoại lực nào, Ngài đã đồng loạt tuyên bố:

"Agga aham asmi lokassa, Jettho aham asmi lokassa, Settho aham asmi lokassa, Ayam antima jati, Natthi dani punabbhavo⁽²⁾".

(Tự mình là tối thượng của thế gian, Tự mình là tối tôn của thế gian,

Tự mình là tối thắng của thế gian. Đây là lần sinh cuối cùng,

Từ nay không còn sinh nữa).

"Tự mình" ở đây không phải là bản ngã, mà chính là bản tâm thanh tịnh trong sáng được đức Phật mô tả trong Kinh Tăng Chi "Tâm này, này các Tỷ-kheo, là sáng chói. Và tâm này bị ô nhiễm bởi các cấu uế từ ngoài vào. Kẻ phạm phu ít nghe, không như thật rõ biết tâm ấy. (Pabhassaramidaṃ bhikkhave cittaṃ tañca kho āgantukehi upakkilesehi upakkilittam. Taṃ assutavā puthujjano yathābhūtaṃ nappanājati).

Tâm này, này các Tỷ-kheo, là sáng chói. Và tâm này được gột sạch các cấu uế từ ngoài vào. Bậc Thánh đệ tử nghe nhiều, như thật rõ biết tâm ấy". (Pabhassaramidaṃ bhikkhave cittaṃ tañca kho āgantukehi upakkilesehi vipparamuttaṃ. Taṃ sutavā ariyasāvako yathābhūtaṃ pajānāti⁽³⁾).

Tâm này có khả năng đặc thù là biết pháp nên còn gọi là tánh biết hay tánh giác có sẵn ở mỗi người, thuộc pháp tự tánh (Sabhāva) Chân Đế (Paramattha Sacca), còn những cấu uế hay phiền não chỉ là khách vãng lai (āgantuka) từ ngoài vào kết thành cái Ngã ảo tưởng mà thôi.

Theo Pāli Abhidhamma, tâm pháp nơi mỗi người có hai phần: Phần thể tánh và phần tướng dụng. Thể tánh của tâm là biết tất cả pháp nên gọi là Tánh Biết. Tánh biết trong sáng là tự tánh chân để không sinh không diệt nên có thể biết được sắc

pháp, tâm pháp, tâm sở pháp sinh diệt và cả Niết bàn không sinh diệt nữa. Tướng dụng của tâm thì tùy duyên khởi mà có đến 121 loại tâm và 52 tâm sở. Tâm có rất nhiều loại: Thiện, bất thiện, hữu nhân, vô nhân, duy tác v.v... mỗi tâm lại bao gồm một số tâm sở, nhưng tất cả tâm và tâm sở duyên khởi nơi căn trần này đều chỉ là khách vãng lai (āgantuka) nên có đến có đi, có sinh có diệt.

Nếu mỗi người tự biết trở về với Bản Tâm Thanh Tịnh hay Tánh Biết Trong Sáng vốn "không sinh, không hữu, không tác, không thành"⁽⁴⁾ thì liền chấm dứt cái Ngã tham vọng luôn nỗ lực tạo tác để trở thành một trạng thái sở đắc lý tưởng bên ngoài, nghĩa là chấm dứt sự "sinh, hữu, tác, thành" của cái ngã luân hồi sinh tử. Đó là lý do vì sao khi đã nhận ra Tự Tánh Chân Đế của bản tâm Bồ-tát Siddhattha nói: "Đây là lần sinh cuối cùng, từ nay không còn sinh nữa".

Vì vậy, không cần bắt chước pháp do bất kỳ ai khác chế định, mà mỗi người chỉ cần trở về nhận ra Tự Tánh Chân Đế nơi chính mình, là giác ngộ giải thoát. Cũng vì vậy sau khi hoàn toàn giác ngộ đức Phật thường nhắc lại với hàng tứ chúng "hãy trở về chính mình" vì ở đó tất cả chân lý đều đã viên mãn. Trong Kinh Pháp Cú đức Phật dạy: Tự mình nương tựa mình; Không nương tựa ai khác; Khi tự mình sạch trong, Là chỗ nương khó được.

(Attāhi attano nātho; Ko hi nātho parosiya; Attanā va sudantena; Nāthaṃ labhati dullabham⁽⁵⁾).

Nguyên lý giác ngộ của đạo Phật Nguyên thủy rất rõ ràng, đó là "Tự mình là hòn đảo cho chính mình" giữa bể khổ sinh tử trầm luân, hay "Tự mình thấp đuối lên mà đi" giữa những nẻo đường vô minh tăm tối. Trong Dhammapada đức Phật dạy:

Tự mình làm việc ác; Nên tự mình ô nhiễm; Tự mình làm điều lành; Nên tự mình thanh tịnh; Tự tịnh tự nhiễm ô; Không ai tịnh ai được?

(Attanā va katam pāpam; Attanā sankilissati; Attanā akatam pāpam; Attanā va visujjhati; Suddhi asuddhi paccattam; N'āñño aññaṃ visodhaye⁽⁶⁾).

Vì vậy, theo Phật giáo Nguyên thủy bốn phận của người tu chính là chấm dứt sự lăng xăng tìm kiếm bên ngoài, chấm dứt tham vọng hay ý chí của bản ngã luôn nỗ lực tạo tác để trở thành, vì đó chính là vô minh ái dục hay tà kiến tham ái đưa đến phiền não khổ đau, luân hồi sinh tử,

2. Trường Bộ Kinh, tập I, trang 139, D.II,65, Chāttha Saṅgāyana CD (CSCD) do Viện Nghiên Cứu Vipassana (Vipassana Research Institute) xuất bản.

3. Tăng Chi Bộ Kinh, tập I, trang 10, A.I,9-10

4. "ajātaṃ abhūtaṃ akataṃ asañkhataṃ"; Kinh Phật Tự Thuyết, Udāna, p.80.

5. Kinh Pháp Cú, kệ số 160.

6. Sđđ, kệ số 165.





HT. Thích Viên Minh đọc tham luận tại buổi Hội thảo Khoa học.

chỉ cần trở về giác ngộ ra Bản Tâm Trong Sáng (Pabhassara Citta) là ngay đó chấm dứt luân hồi sinh tử, giác ngộ giải thoát. Đức Phật dạy: “Ngay nơi thân một trượng này, thế gian tập khởi và thế gian đoạn diệt⁽⁷⁾”, đó là cách diễn đạt ngắn gọn nhất về Tứ Diệu Đế mà Ngài thường đề cập. Thế gian tập khởi tức Tập đế và Khổ đế đưa đến luân hồi sinh tử, thế gian đoạn diệt tức Diệt đế và Đạo đế trở về Niết-bàn vô sinh.

Trong thời mạt pháp nhiều người theo Phật nhưng lại “hướng ngoại cầu huyền”, nương tựa nơi tha lực, tham muốn trở thành theo ái, thủ, hữu để rồi trôi lăn trong nhân duyên sinh diệt mà quên đi tánh giác vốn có khả năng giác ngộ Niết bàn ngay nơi tự tánh chân đế tự tánh chân đế này đức Phật khẳng định là “mỗi người có thể tự chứng (paccattam veditabbo viññūhi) nếu trở về mà thấy (ehipassiko) trên chính thực tại hiện tiền (opanayiko) thì có thể thấy ngay (sanditṭhiko) không trải qua thời gian (akāliko)”.

Vì không thấy được Pháp cốt lõi này của sự giác ngộ nên nhiều người không hiểu vì sao trong khi hầu hết các tôn giáo kể cả nhiều Tông phái Phật giáo phát triển về sau đều chủ trương tu luyện để đạt tới chỗ siêu huyền lý tưởng thì chính đức Phật lại dạy đơn giản chỉ cần tinh tấn chánh niệm tỉnh giác, tức trở về trọn vẹn trong sáng với thực tại thân tâm cảnh ngay đây và bây giờ mà thấy ra bản chất thực của thân thọ tâm pháp là chứng ngộ Niết-bàn (Kinh Đại Tứ Niệm Xứ - Dīgha Nikāya). Thấy hay chứng ngộ sự thật muôn đời đã có sẵn để buông xuống cái ngã ảo tưởng, khác xa với nỗ lực rèn luyện để đạt được một sở đắc siêu huyền trong lý tưởng của bản ngã.

Rất nhiều lần đức Phật xác định đạo giác ngộ chỉ có nhất hướng “xả ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, chánh trí, giác ngộ, Niết bàn⁽⁸⁾”. Nghĩa là sự an tịnh sáng suốt có thể giác ngộ Niết bàn không phải là do nỗ lực rèn luyện của bản ngã để trở thành điều gì, mà là sự xả ly, ly tham, đoạn diệt cái ngã tham sân si, nguyên nhân của luân hồi sinh tử ấy. Nhưng

7. Tăng Chi Bộ Kinh, pdf. trang 223; Anguttara Nikāya, Vol.II, p.48.

8. Sđd, trang 22.

buông bản ngã cũng không phải là nỗ lực của ý chí, vì như vậy, lại rơi vào cái ngã khác, mà buông chính là vô vi – không tạo tác – trong nguyên lý: “Không, Vô Tướng, Vô Cầu” của không giải thoát môn.

May thay, 1100 năm sau đức Phật Niết bàn, Bodhidharma một nhà sư Ấn Độ sang Trung Hoa khai mở Thiền tông Đông Độ đã phá bỏ khuynh hướng triết học và tín ngưỡng của hệ Phật giáo Phát triển đang hưng thịnh ở Trung Hoa thời bấy giờ, để chỉ thẳng tự tánh chân đế nơi mỗi người mà giác ngộ, đó chính là kiến tánh thành Phật, là Chánh Pháp nhãn tạng niết-bàn diệu tâm. Và đó chính là phục hồi bản sắc Nguyên Thủy của Đạo Phật giữa lòng Phật giáo Phát triển.

3) PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY TRONG THỜI HIỆN ĐẠI

Bảo tồn chánh pháp nguyên vẹn không có nghĩa là giữ gìn tất cả mọi nội dung lẫn hình thức xa xưa mà chính là duy trì và phát huy cốt lõi chính yếu của đạo Phật, còn những thứ đức Phật tùy thời mà nói thì vẫn có thể lỗi thời. Trong Kinh Ví Dụ Lối Cây đức Phật dạy người học Phật cũng như người vào rừng tìm lối cây, cần biết rõ đâu là lối, đâu là giác, đâu là vô, đâu chỉ là cành lá, nếu không chỉ lấy được cành lá, vô hoặc giác cây đem về mà không tìm được chút lối nào. Cũng vậy người học Phật nếu chỉ biết nắm giữ những điều thứ yếu mà không biết rõ điều gì là chính yếu trong lời dạy của đức Phật thì cũng rơi vào nhánh ngọn của thời mạt pháp. Vì vậy, trong Dhammapada đức Phật dạy:

“Chính yếu thấy chính yếu Không chính thấy là không Mới đến được chính yếu Hành xứ chánh tư duy”.

(Sāraṇa sārato, Asāraṇa asārato Te saram adhigacchanti, Sammā sankappa gocarā⁽⁹⁾).

Phật giáo Nguyên thủy không phải là bảo thủ cứng nhắc như người ta tưởng, bởi vì sự hưng thịnh của Hệ phái này ở các nước Đông Nam Á chứng tỏ khả năng vận dụng nhuần nhuyễn - vừa giữ được bản sắc truyền thống vừa uyển chuyển với “thời - vị - tính” của mỗi địa phương nên đã đi vào lòng dân tộc các nước Phương Nam với những dấu tích đậm nét văn hóa, giáo dục, mỹ thuật, nhân văn... trong nhiều lãnh vực sinh hoạt cộng đồng xã hội. Ngoài việc phục vụ nhân quần xã hội, tại Tích Lan, Thái Lan và Miến Điện... đều có những trung tâm thiền Vipassanā và thiền định nổi tiếng với rất nhiều hành giả từ 5 châu đến tham học và đã đào tạo được nhiều vị thiền sư danh tiếng phương Tây đang trở

9. Kinh Pháp Cú, kệ số 12.



về hoạt động tích cực ở các nước Âu, Mỹ, Úc và châu Phi.

Phật giáo Nguyên thủy đã được truyền bá khắp 5 châu (gần đây đã có mặt ở châu Phi), đặc biệt là rất được các nước phương Tây ưa chuộng vì tính khoa học và thiết thực của nó, nhất là phương diện Thiền rất rõ ràng minh bạch và dễ dàng thực hiện ngay nơi đời sống hàng ngày trong nhiều lãnh vực khác nhau. Ở Anh Quốc đã lập được hội Pāli Text Society, một bộ phận của Hàn Lâm viện Anh, đã dịch Tam Tạng Pāli ra tiếng Anh, và Latinh hóa mẫu tự Pāli cổ. Nhiều Trung tâm thiền Vipassanā đã được xây dựng ở Mỹ, Úc, Anh, Pháp, Đức, Thụy Sĩ v.v... ở đó, thiền được ứng dụng thành công không những trong phương diện giáo dục chuyển hóa tâm linh, mà còn hữu dụng trong y học, trong tâm lý trị liệu, trong phân tâm học... đã giúp giải tỏa được những căng thẳng, stress, trầm cảm, hưng cảm, và cả những căn bệnh nan y rất phổ biến trong thời đại văn minh khoa học kỹ thuật này.

Việc hoằng dương chánh pháp cũng đã ứng dụng phương tiện truyền thông, nhất là mạng internet toàn cầu để mở ra những trang web, những blog, những facebook... hữu ích khả dĩ truyền bá pháp học cũng như pháp hành đến những cư dân sống khắp nơi trên thế giới. Cái khó là dù truyền bá rộng rãi nhưng vẫn phải giữ được bản sắc nguyên thủy của đạo Phật. Nếu không Phật giáo sẽ bị pha tạp với nhiều tư tưởng ngoại giáo mâu thuẫn và nhất là không giáo hóa được quần chúng mà còn bị quần chúng hóa một cách trầm trọng nữa. Nếu đạo Phật "Hiện đại hóa và Xã hội hóa" theo cách này thì cũng đồng nghĩa với thoái hóa mất rồi.

Tất nhiên, dù là Phật giáo Nguyên thủy cũng không tránh khỏi thời mạt pháp, nghĩa là vẫn bị chia nhiều nhánh ngọn. Nhiều trường phái thiền đã được mọc lên tại nhiều nước trên thế giới, từ đầu thế kỷ XX, do các thiền sư vận dụng, đã chế định ra những phương pháp thiền theo kinh nghiệm cá nhân và theo cách hiểu riêng của mình từ giáo lý nguyên thủy, nhưng thực ra đó vẫn chỉ là nhánh ngọn, chưa phải là nguyên lý cốt lõi của thiền đạo Phật Nguyên thủy. Một khi đã vận dụng thành phương tiện thì sẽ dễ bị phiến diện và cục bộ, tuy cũng có đem lại nhiều lợi ích cho quần chúng sơ cơ, nhưng vô tình đã chia cắt mạnh mẽ nguyên lý sống tùy duyên thuận pháp⁽¹⁰⁾ mà đức Phật đã dạy.

Vì vậy mà không ít người đã nhầm lẫn giữa phương pháp thiền chế định trong khuôn khổ kinh nghiệm tương đối - còn hữu vi, hữu ngã - của các

thiền sư với nguyên lý tuyệt đối tự nhiên, vô vi, vô ngã, không khuôn định của pháp thiền mà đức

Phật chứng ngộ và truyền đạt. Và vô tình, từ đó Phật giáo Nguyên thủy cũng bắt đầu mở ra khuynh hướng phát triển các thiền phái với những phương pháp chế định khác nhau của các thiền sư, làm chia cắt tính giác ngộ toàn diện của đạo Phật Nguyên thủy.

Tai hại hơn nữa là một số Tăng Ni Phật tử mới học thiền chưa tới nơi tới chốn đã vội rập khuôn theo các phương pháp học được từ các trường phái đem ra hướng dẫn quần chúng, thậm chí còn hướng dẫn qua các phương tiện truyền thông đại chúng. Hôm nay, một vị "thiền sư" dạy kiểu này, mai một vị khác lại dạy thiền cách khác, khiến cho Phật tử hoang mang không biết theo ai cho đúng, hoặc đôi lúc tham lam bắt cả hai tay thì lại bị chứng bội thiền, thậm chí đưa đến "tẩu hỏa nhập ma". Nguyên do là vì họ chỉ áp dụng khuôn mẫu mà không biết rõ lý và sự đích thực của thiền như thế nào nên chỉ biết rập khuôn theo công thức định sẵn.

Chân lý ở khắp mọi nơi nên thực ra dù cổ đại, cận đại hay hiện đại thì chân lý vẫn vậy. Người thấy ra chân lý thì dù nói nguyên thủy hay không nguyên thủy họ vẫn luôn sống đúng chân lý nguyên thủy, vậy vấn đề không phải là Phật giáo Nguyên thủy hay Phật giáo phát triển mà là có giác ngộ được chân lý và thể hiện được chân lý trong mọi lúc mọi nơi với tinh thần tùy duyên thuận pháp vô ngã vị tha hay không mà thôi.

Đó mới chính là cốt lõi muôn đời của Phật giáo Nguyên thủy.

PHỤ CHÚ

V. Phẩm Đặt Hưởng và Trong Sáng

1-10 Tâm Đặt Sai Hưởng v.v...

9. Tâm này, này các Tỷ-kheo, là sáng chói, nhưng bị ô nhiễm bởi các cấu uế từ ngoài vào.

10. Tâm này, này các Tỷ-kheo, là sáng chói và tâm này được gột sạch các cấu uế từ ngoài vào.

VI. Phẩm Búng Ngón Tay

1-10 Tâm Được Tu Tập

1. - Tâm này, này các Tỷ-kheo, là sáng chói. Và tâm này bị ô nhiễm bởi các cấu uế từ ngoài vào. Kẻ phàm phu ít nghe, không như thật rõ biết tâm ấy. Do vậy, Ta nói rằng tâm kẻ phàm phu ít nghe, không được tu tập.

2. Tâm này, này các Tỷ-kheo, là sáng chói. Và tâm này được gột sạch các cấu uế từ ngoài vào. Bậc

10. *Dhammānudhamma patipanno viharati – Mahāparinibbānasutta, D.II, 114.*



Thánh đệ tử nghe nhiều, như thật rõ biết tâm ấy. Do vậy, Ta nói rằng tâm bậc Thánh đệ tử nghe nhiều có được tu tập.

BẢN TIẾNG ANH

"Luminous, monks, is the mind.[1] And it is defiled by incoming defilements." {I,v,9}

"Luminous, monks, is the mind. And it is freed from incoming defilements." {I,v,10}

"Luminous, monks, is the mind. And it is defiled by incoming defilements. The uninstructed run of the mill person doesn't discern that as it actually is present, which is why I tell you that — for the uninstructed run of the mill person — there is no development of the mind." {I,vi,1}

"Luminous, monks, is the mind. And it is freed from incoming defilements. The well instructed disciple of the noble ones discerns that as it actually is present, which is why I tell you that — for the well instructed disciple of the noble ones — there is development of the mind." {I,vi,2}

BẢN TIẾNG PĀLI

Pabhassara Sutta

AN 1.49-52

PTS: A i 10

(I,v,9-10; I,vi,1-2)

1. 5. 9.

Pabhassaramidaṃ bhikkhave cittaṃ, tañca kho āgantukehi upak kilesehi upakkiliṭṭhanti.

1. 5. 10.

Pabhassaramidaṃ bhikkhave cittaṃ, tañca kho āgantukehi upak kilesehi vippamuttanti.

6. Pabhassaravaggo

1. 6. 1.

Pabhassaramidaṃ bhikkhave cittaṃ tañca kho āgantukehi upak- kilesehi upakkiliṭṭhaṃ. Taṃ assutavā 47 puthujjano yathābhūtaṃ nappanājāti. Tasmā assutavato puthujjanassa cittabhāvanā natthīti vadāmi.

1. 6. 2.

Pabhassaramidaṃ bhikkhave cittaṃ tañca kho āgantukehi upakki- lesehi vippamuttaṃ. 48 Taṃ sutavā ariyasāvako yathābhūtaṃ pajānāti.

Tasmā sutavato ariyasāvakassa cittabhāvanā atthīti vadāmi. 🌞

(tiếp theo trang 17)

Phật tử có cảm tình hoặc biết tiếng Campuchia sẵn sàng hỗ trợ các Phật tử Campuchia là kiều bào Campuchia tại Việt Nam đến chùa lễ bái. Họ là những sinh viên, học sinh, công chức, doanh nhân Campuchia chưa giỏi tiếng Việt đang sinh sống tại thành phố.

Đẩy mạnh các hoạt động du lịch, truyền thông, nghiên cứu kinh doanh giữa các Phật tử giữa 3 nước qua các lễ hội hành hương, hội chợ, hội nghị quốc tế.

Ngoài ra, công tác truyền thông, thông tin đến với tăng ni, Phật tử 3 nước cần được chú trọng hơn nữa. Theo tình hình hiện nay, các chương trình Phật giáo Lào và Campuchia có nhiều trên các kênh truyền hình nhưng khán giả Việt Nam lại không có thuận duyên để thu xem. Do đó, một yêu cầu đặt ra là cần khẩn trương cung cấp hiểu biết về Phật giáo Lào, Campuchia đến với nhân dân cũng như Phật tử Việt Nam vì hiện nay hiểu biết về Phật giáo nước bạn ở ta vẫn còn rất hạn chế và không đi vào chiều sâu.

Cuối cùng, xin được nghĩ đến một hình thức liên kết nào đó giữa Phật giáo Việt Nam, Phật giáo Campuchia, Phật giáo Lào. Có thể đó là một dạng hội nghị định kỳ giữa tăng ni Phật tử 3 nước, tổ chức các cuộc gặp gỡ Phật giáo luân phiên tại các thành phố lớn ở ba nước, hay một dạng tổ chức liên kết, hợp tác, thực hiện các dự án nghiên cứu, văn hóa, Phật sự chung, tạo môi trường hoạt động đoàn kết, gắn bó, thân hữu.

Trên đây là những đề nghị khả thi trước mắt, trong lâu dài Việt Nam phải chủ động thành lập nhóm nghiên cứu chuyên đề, bên cạnh Ban Tôn giáo và Mặt trận Tổ quốc, đi sâu vào nội tình, vào tư tưởng Phật giáo 3 nước, đề xuất những hoạt động tôn giáo và lễ hội nhân gian, những công trình nghiên cứu, và những kế hoạch hỗ trợ nhau đối với Phật giáo 3 nước, tăng cường mối đoàn kết, phát huy tình hữu nghị, đảm bảo tính hữu ích và bền vững, thăm đượm tình anh em Việt Nam - Campuchia - Lào.

Tài liệu tham khảo:

- Lịch sử các nước Asean, NXB Trẻ 2003
- Tìm hiểu lịch sử các nước Đông Nam Á, NXB Hà Nội 2008
- John Holt (2009). Spirits of the Place: Buddhism and Lao Religious Culture.
- Pierre Montagnon, La France coloniale, Pygmalion-Gérard Watelet, 1988.
- Wikipedia Laos, Vietnamese, Campuchia. 🌞





QUAN HỆ PHẬT GIÁO VIỆT NAM VỚI PHẬT GIÁO CAMPUCHIA

HT. Đào Như

Ủy viên Thư Ký Hội đồng Trị Sự GHPGVN
 Phó viện Trưởng Học viện Phật giáo Nam Tông Khmer

Việt Nam – Campuchia là hai nước láng giềng có mối quan hệ mật thiết với nhau trong bao đời, sự giao lưu về Kinh tế, Văn hóa Tôn giáo trong đó có Phật giáo. Sự giúp đỡ lẫn nhau cả mọi mặt từ thời chiến tranh đến thời bình, nay chuyển sang thời kỳ phát triển xây dựng đất nước của mỗi quốc gia.

Trong bài tham luận này, chúng tôi xin đề cập đến chủ đề: “Quan hệ Phật giáo Việt Nam với Phật Giáo Campuchia”.

Bản thân tôi là người dân tộc Khmer, sanh ra và lớn lên tại Nam Bộ được nghe quý vị tiền bối kể lại: Thời xa xưa khi Phật giáo chưa truyền bá rộng rãi ông bà tôn thờ Bà La Môn giáo, thờ ông Tà, Áreakh, sau đó 2 vị Thera là: Sonatthera và Uttaratthera được vua A Dục ở Ấn Độ cung thỉnh quý Ngài đến Suvannabhumi⁽¹⁾ vào thế kỷ thứ III của Phật lịch để truyền bá Phật giáo theo hướng Nam – nên gọi là Phật giáo Nam truyền do 2 vị Thera truyền bá, hiện nay còn gọi là Phật giáo Theravāda. Ánh sáng của Phật giáo truyền đến, quý vị tiền bối vui vẻ tiếp nhận là Phật giáo của dân tộc, của bản thân và đặt niềm tin mạnh mẽ vào Giáo luật, Giáo lý. Những ngôi chùa được tiếp tục xây dựng lan rộng ra, thời bấy giờ đất rộng – người thưa, xa xa có một Xóm (Phum) có tăng lên được đôi ba Phum thì họ cất nên một ngôi chùa, ngôi chùa ấy đòi hỏi phải có ngôi Chánh điện để tôn trí Phật lớn một cách trân trọng, có Sima để Chư tăng hành tăng sự gồm: đọc giới bốn của Chư tăng nửa tháng 1 lần, thọ Cụ Túc



Giới (Tỳ khưu), tụng kinh trao – nhận Y Kathina, Pavarana Kamma⁽²⁾, xây dựng trai đường – nơi Chư tăng thọ Trai cũng là nơi Phật tử tề tựu thỉnh quý Chư tăng cầu an, cầu siêu,... xây dựng ngôi Sala Tăng xá, Koti (cốc), nhà Khói đặc biệt là xây dựng trường học để dạy Giới luật – Giáo lý cho Tăng sinh, dạy chữ nghĩa cho con em người Phật tử, nhiều chùa qui hoạch đất rộng có đến vài hecta, trong đó có đào ao lấy nước sinh hoạt, trồng hoa tạo cảnh, trồng cây cổ thụ,... những công trình xây dựng đều

1. Thích Minh Huệ, Mahavamsa- Đại vương Thống Sử, năm 2005

2. Mahavagga- Đại phẩm



có hoa văn, phù điêu, đầu rồng, tiên nữ, tượng người đầu chẵn, đầu chim,... thể hiện nét độc đáo của văn hóa chạm gỗ của những nghệ nhân. Do đó, những thành quả tốt đẹp này có được là nhờ sự giao lưu học hỏi từ địa phương này đến địa phương nọ hoặc từ nước láng giềng này sang nước láng giềng kia, sự qua lại trao đổi nhau về văn hóa Phật giáo, văn hóa nghệ thuật là điều tất nhiên không thể thiếu được và đó là nhu cầu về văn hóa, tâm linh cho nên trong suốt chiều dài lịch sử chùa Phật giáo Nam tông Khmer ở Việt Nam và những ngôi chùa ở Campuchia giống nhau ở kiểu mẫu, đương thời lúc đất nước Campuchia hưng thịnh, Phật giáo được cung kính, tôn vinh là Quốc giáo. Lúc này, Chính phủ Hoàng gia Campuchia cho thành lập Viện Hàn Lâm Phật giáo, quý Ngài Samdech Sangharaja Chuon-Nath thành lập Hội đồng phiên dịch Tam tạng kinh Pāli – Khmer đối chiếu 110 quyển và nhiều sách để dạy và học Pāli, Dhamma Vinaya, sách kinh tụng cho Chư tăng, sách Nhật tụng cho Phật tử,... rất đa dạng và phong phú nhưng không bao giờ lệch ngoài Giới luật – Giáo lý Phật giáo được sự kiểm soát rất chặt chẽ, thanh niên con em người Khmer nào được đi tu, xã hội người Khmer họ rất cung kính, trân trọng họ cho là người trí thức, người đáng trân trọng đây là điều thúc đẩy các bậc phụ huynh có con trai cố gắng chăm sóc để được đưa con của mình đi vào chùa để học, tu và tu để học cho tương lai con mình trở thành một người có ích cho xã hội, đồng thời là hạnh phúc cho bản thân và cộng đồng. Từ những đặc tính, quan điểm, nhu cầu về đạo đức Phật giáo gắn liền với Phum Srok do đó, nhiều chùa được xây dựng lên, thanh niên là con em Phật tử phát tâm xin vào chùa để học chữ - học kinh – học lễ nghi và xuất gia tu tập càng đông, lớp học ở chùa càng được mở rộng, qui Cữu Thiên môn được hoàn chỉnh, nội qui học đường của ngôi chùa được cải tiến phù hợp với thời gian là niềm tin trong tổ chức học tập, thu hút được nhiều Tăng sinh học tại chùa và tiếp tục học ở bậc cao hơn, một số vị được tổ chức Phật giáo giới thiệu sang nước bạn Campuchia để học bậc Trung cấp, Cao cấp Pāli – Khmer,... từ đó, càng mở rộng thêm sự liên hệ mật thiết giữa hai Giáo hội Phật giáo Việt Nam – Phật giáo Campuchia trên con đường học vấn, truyền bá Phật giáo, kinh sách học, tụng của Phật giáo được phát hành rộng rãi từ thời viết bằng lá Buông “SaTra” cho đến thời in thành sách kể cả Tam Tạng kinh đều có các thời kỳ.

Năm 1928, Phái đoàn Phật giáo Campuchia vua Sàl Huôn-tat sang thăm viếng và giao lưu cùng Giáo hội Phật giáo Việt Nam ở Nam Bộ. Đến cuối năm 1933 vua Sàl Chuôn-Nath cùng phái đoàn có vị Thư

ký Viện trưởng Viện Hàn lâm của Campuchia, Thư ký của Ngài sang miền Nam - Việt Nam giao lưu với một số chùa ở các tỉnh như: An Giang, Kiên Giang, Cần Thơ, Trà Vinh, Sóc Trăng, v.v...

Đối với Phật giáo Nguyên Thủy, Theravāda nay được gọi là Phật giáo Nam tông người Kinh, cũng có một dòng chảy theo năm tháng là do quý Ngài đi sang đất nước chùa Tháp Campuchia làm ăn và dần dần tiếp thu được tinh hoa Phật giáo Nam truyền thích hợp với sở thích của bản thân, tiếp tục nghiên cứu, phát tâm tu học kinh Tạng Pāli với trình độ học cao, hiểu rộng của quý Ngài như: Ngài Hộ Tông,... nên dịch thuật sang tiếng Việt cho gần gũi với người Việt như: kinh Nhật tụng, Nhật hành,... truyền bá đến Phật tử Việt Nam là Việt Kiều Campuchia – miền Nam Việt Nam với đức tin mạnh.

Phật giáo Nam tông Việt Nam du nhập vào Việt Nam khoảng năm 1939 từ Campuchia, do phái đoàn truyền giáo của Hòa thượng Hộ Tông. Những vị trong phái đoàn: Hòa thượng Thiện Luật, Hòa thượng Huệ Nghiêm, Hòa thượng Hộ Tông. Đây là những vị Hòa thượng có mặt tại Việt Nam để hoằng dương Chánh pháp. Thời gian này Hòa thượng Bửu Chơn tu Thiền ở Nam Vang, nhưng vào mùa an cư kiết hạ, Ngài được nhóm Phật tử Nguyễn Văn Hiểu mời về Việt Nam nhập hạ và hoằng pháp. Đến ngày 15 tháng 4 năm 1940⁽³⁾, phái đoàn truyền giáo của Hòa thượng Hộ Tông và nhóm cư sĩ Nguyễn Văn Hiểu thỉnh đức vua Sàl Chuôn-Nath và 30 vị Hòa thượng, Thượng tọa người Campuchia sang Việt Nam để thực hiện nghi thức lễ Kiết giới Sima tại chùa Bửu Quang (Ratanarāṅgyarama) quận Thủ Đức theo truyền thống Phật giáo Nguyên thủy. Bên cạnh đó, Phật tử người Việt Nam cũng xây dựng ngôi chùa hệ phái Bắc truyền trên đất nước Campuchia như: chùa Cây Số 9 – Phnôm Pênh,...

Phật giáo đồng hành cùng dân tộc và tổ quốc đất nước thịnh, Phật giáo thịnh, đất nước bị chiến tranh Phật giáo cũng chung một cảnh ngộ. Do đó, trong hai cuộc chiến tranh ác liệt kéo dài vừa qua nhiều chùa ở vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng, có nơi nuôi giấu cách mạng đều bị bom đạn tàn phá, một số Sư sãi đi theo Cách mạng, Phật tử di tản để tránh đạn bom, tuy chưa có tổ chức Phật giáo thế giới nhưng Phật giáo Campuchia luôn lên án, kêu gọi tôn trọng và bảo vệ chùa chiền, nhà Sư tu học chơn chánh, như chế độ Ngô Đình Diệm đàn áp Phật giáo năm 1963,...(xem tiếp trang 29).

3. Đại đức Thiện Minh - Lịch sử Phật giáo Nam Tông Việt Nam, năm 1999



PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY TRONG KỶ NGUYÊN TOÀN CẦU HÓA



HT. Thích Giác Toàn
Phó Chủ tịch HĐTS GHPGVN
Phó Viện trưởng HVPGVN tại TP. HCM

Sang kỳ kết tập thứ hai, một trăm năm sau khi Phật nhập Niết-bàn, được tổ chức tại Vesali với 700 vị Tỷ kheo do ngài Da Xá và một số Đại lão khác bàn về mười điều do nhóm Tỷ-kheo trẻ đề nghị nên thay đổi.

Kết quả là Đại hội không tán thành đề nghị ấy. Nhóm Tỷ-kheo trẻ lại tổ chức một hội nghị gồm mười ngàn người để tán đồng đề nghị trên. Do vì đa số nên hội nghị này được gọi là Đại chúng bộ (Mahasanghika). Trong khi đó, từ sau khi Phật nhập diệt, các Tỷ-kheo được gọi là Sthavira, đồng nghĩa với Thera, tức là bậc Thượng tọa. Sthaviravada hay Theravāda có nghĩa như sau: Sthavira hay Thera là người lớn tuổi, người có chức phận, người con cả, người cao tuổi, bậc thượng tọa..., vada nghĩa là học thuyết, giáo lý. Do đó, Theravāda có thể được hiểu là Giáo lý của người lớn tuổi, của người xưa... Có lẽ từ đây, Theravāda được hiểu là Thượng tọa bộ, sau này được dịch là Phật giáo Nguyên thủy (Earliest System of Buddhist Doctrine hay Primitive Buddhism).

Phật giáo Tiểu thừa (Hinayana) hiển nhiên là do Phật giáo Đại thừa (Mahayana) đặt tên cho Thượng tọa bộ. Tiểu thừa tức chiếc xe nhỏ, chở một người hay ít người, trong khi Đại thừa là chiếc xe lớn, chở tất cả chúng sinh đến giác ngộ, niết bàn. Theo Từ điển Phạn ngữ (Sanskrit Dictionary for Spoken Sanskrit) thì từ Hina có 49 nghĩa, hầu hết đều mang ý nghĩa không tốt: nhỏ, kém, thấp, thiếu, tụt hậu... Gọi Tiểu thừa là không đúng, tự hào là độ hết thầy chúng sinh cũng không đúng. Giáo lý Không dạy

Nhận định đầu tiên của chúng tôi về chủ đề của Hội nghị là cần tìm hiểu các từ Phật giáo Nguyên thủy, Toàn cầu hóa và Kỷ nguyên Toàn cầu hóa.

Trước hết, nhánh Phật giáo là đối tượng nghiên cứu của cuộc Hội thảo này có nhiều danh xưng đồng nghĩa thường được dùng thay thế cho nhau: Phật giáo Nam tông, Phật giáo Thanh văn thừa, Phật giáo Theravāda, Phật giáo Tiểu thừa, Phật giáo Nguyên thủy.

Về mặt từ ngữ, Phật giáo Nguyên thủy được hiểu là Phật giáo nguyên gốc, Phật giáo từ thời Đức Phật, Phật giáo Cổ thời. Thế nhưng, từ thời Đức Phật, không có sự phân chia tông phái. Lần kết tập thứ nhất, ba tháng sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, tại Ma-kiệt-đà do Trưởng lão Ca Diếp chủ trì, chủ yếu kết tập Kinh do ngài A-nan đọc và Luật do ngài Ưu-ba-li đọc, vẫn không có sự phân chia tông phái.





Tu nữ PGNT trong những ngày đầu khi PGNT được truyền vào Việt Nam do phái đoàn của HT Hộ Tông.

rằng không chấp, kể cả không chấp việc tự độ, độ tha, độ được nhiều hay ít chúng sinh. Theo tinh thần Kinh Ma-ha Bát-nhã ba-la-mật-đa thì độ cho hết thảy chúng sinh mà không thấy có chúng sinh nào được độ thì mới gọi là độ. Do đó, mà một Hội nghị Thế giới được Hội Ái hữu Phật tử Thế giới (World Fellowship of Buddhists) tổ chức vào năm 1951 tại Colombo (Tích Lan) đã tuyên bố phải bỏ hẳn việc dùng từ Tiểu thừa.

Nhánh Phật giáo này còn được gọi là Thanh văn thừa cũng có thể do Đại thừa nêu ra vì Đại thừa chủ trương Bồ-tát (trí tuệ cao vời) hơn A-la-hán là mục tiêu của hàng Thanh văn (những người nghe Pháp).

Phật giáo Nam tông là chỉ cho nhánh Phật giáo được truyền về phía Nam, đến Sri Lanka rồi qua các nước Đông Nam Á; trong khi Phật giáo Bắc tông chỉ cho Phật giáo được truyền sang phía Bắc, đến Tây Tạng, rồi qua Trung Quốc, qua các nước châu Á. Nhưng Phật giáo gọi là Phật giáo Bắc tông cũng đồng thời truyền xuống phía Nam, đến Indonesia và Malaysia. Như vậy, gọi Phật giáo Nam tông hay Bắc tông đều không hợp lý.

Dù từ Nam tông không chính xác, ta hãy tạm hiểu nó là Tông phái Phật giáo Nguyên thủy, căn cứ vào năm bộ kinh Nikaya viết bằng Pāli ngữ có căn bản là ngôn ngữ Magadhi, là ngôn ngữ của Đức Phật dùng để giảng Pháp.

Hội thảo với chủ đề Nguyên thủy hần là ý nói Nam tông Việt Nam. Nam tông Việt Nam thì gồm Nam tông Kinh và Nam tông Khmer. Ta hãy xét qua

lịch sử truyền bá của Phật giáo Nam tông vào Việt Nam.

Theo Mahavamsa, vào thế kỷ III tr. TL, vua Asoka (A-dục) phái một giáo đoàn Phật giáo đến Suvannabhumi, tức vùng Đông Nam Á. Vào thời vua nước Phù Nam (Campuchia cổ) là Kaundinya Jayavarman (478-514) Phật giáo Nam tông Khmer đã phát triển mạnh, vua đã cử phái đoàn đến Trung Quốc truyền giáo, do ngài Nagasena (Na-tiên, người Ấn Độ) dẫn đầu. Đến thế kỷ IV, Nam tông Khmer đã có mặt tại đồng bằng sông Cửu Long. Tại Trà Vinh, chùa Sangamangala được xây dựng cách đây hơn 600 năm và chùa Samrông Ek được xây dựng từ năm 1642. Về Nam tông Kinh thì từ năm 1939, quý Hòa thượng Hộ Tông, Hòa thượng Thiện Luật, Hòa thượng Bửu Chơn, Hòa thượng Giới Nghiêm... từ Campuchia đưa Phật giáo Nam tông vào các tỉnh phía Nam Việt Nam, cùng các cư sĩ Nguyễn Văn Hiếu, Văn Công Hương, Cụ Quyển... tìm đất lập



Cụ Kỹ sư Nguyễn văn Hiếu (áo dài) và thành viên Tổng hội Cư sĩ PGNT nhiệm kỳ 1957 - 1960

chùa. Từ năm 1940-1945, Nam tông Kinh phát triển khá rộng rãi. Năm 1950 chùa Kỳ Viên được thành lập, làm Trung tâm của Giáo hội Tăng già Nguyên thủy. Giáo hội này được Bộ Nội vụ của Chính phủ miền Nam thời ấy công nhận ngày 15/12/1957.

Như vậy, Phật giáo Nam tông Việt Nam gồm hai hệ phái, một của người Kinh và một của người Khmer tại Việt Nam. Cho đến khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam được thành lập năm 1981, hai hệ phái mới có ngôi nhà chung là Giáo hội để cùng sát cánh hoạt động Phật sự. Theo báo cáo tại Hội nghị thường niên của Giáo hội cuối năm 2012 của Ban Thư ký Hội đồng Trị sự, hiện nay, Phật giáo Nam tông Kinh có 805 Tăng và Nữ tu, trong đó có 350 Nữ tu và 73 chùa. Nam tông Khmer có 8.574 vị sư và 454 chùa. Ba mươi hai năm qua, Nam tông





HT. Hộ Tông cùng thỉnh xá Lợi Phật từ Campuchia về Việt Nam.

Việt Nam đã có những bước phát triển tốt, những thành tựu khả quan. Tuy vậy, với những con số Tăng, Nữ tu và tự viện như trên, Phật giáo Nam tông Việt Nam vẫn có số lượng quá ít so với tổng số Tăng Ni của Giáo hội Phật giáo Việt Nam là 44.418 vị và số tự viện là 14.775. Trong vòng 10 năm trở lại đây, Phật giáo Nam tông Việt Nam đã có những thành tựu đáng kể, có thể làm đà tiến đến những thành tựu tốt đẹp. Ví dụ việc trùng tu tự viện, tổ chức thuyết pháp, phát triển giáo dục (các trường lớp của Nam tông Khmer, đặc biệt là Học viện Phật giáo). Nam tông Kinh cũng đã có Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy rất thuận lợi cho việc phổ biến tin tức, cho việc hoằng pháp.

Xin trở lại chủ đề của Hội thảo: "Phật giáo Nguyên thủy trong kỷ nguyên Toàn cầu hóa. Từ kỷ nguyên (era) được hiểu là thời đại mới. Toàn cầu hóa (Globalization) được hiểu là sự thực hiện tính chất tổng thể, đồng nhất của các sinh hoạt của con người ở mọi quốc gia trên toàn thế giới. Khoảng ba thập kỷ trước, từ Toàn cầu hóa chưa được dùng phổ biến, dần dần theo với đà phát triển khoa học kỹ thuật, nhất là kinh tế, thương mại ngân hàng... từ này được sử dụng rộng rãi, nhất là do các nhà kinh tế, nhằm đề nghị một chương trình mở rộng các hoạt động nói trên. Toàn cầu hóa ảnh hưởng đến mọi lãnh vực hoạt động của nhiều quốc gia, tác động đến kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa... Tuy vậy, Toàn cầu hóa cũng gặp những phản ứng quyết liệt, bằng các sách báo, hội nghị, mít tinh phản đối, nói chung là phong trào chống Toàn cầu hóa (Anti-globalization movement). Theo quan điểm của những người chống Toàn cầu hóa thì các quốc gia mạnh sẽ áp đặt những chương trình biện pháp có lợi cho mình và các quốc gia yếu sẽ bị thiệt thòi. Do đó, mỗi quốc gia, cần giữ bản sắc riêng của mình khi tham dự vào các chương trình toàn cầu hóa. Thuật ngữ Hội nhập (Integrate) được khuyến khích thực hiện. Về ngôn ngữ hội nhập là một hình thức

trung gian (intermediate form) và động từ Hội nhập có nguyên nghĩa là sự hòa nhập dần dần thông qua một loạt các hình thức trung gian liên tục. Hội nhập ở đây nghĩa là hòa nhập vào các chương trình Toàn cầu hóa. Hòa nhập thế nào để có lợi, để không mất bản sắc là vấn đề của mọi quốc gia, mọi vùng, mọi ngành hoạt động.

Toàn cầu hóa hiển nhiên có ảnh hưởng đến văn hóa; và trong ý nghĩa văn hóa, tôn giáo có thể bị ảnh hưởng. Mức độ ảnh hưởng lớn hay nhỏ, hoặc tôn giáo không bị ảnh hưởng bởi Toàn cầu hóa? Thực ra khó xác định vấn đề này. David Skinner đã viết: Thực tế mà xét, Toàn cầu hóa có mang khía cạnh tôn giáo hay không, không ai có thể kiểm nghiệm trước được (International Business and Economics Research Journal, 2011, journals.cluteonline.com). Như thế có nghĩa là Toàn cầu hóa chưa chắc đã có ảnh hưởng đến tôn giáo. Có thể có sự giao lưu tôn giáo, có thể có sự cải đạo nhưng không thể gọi đó là do ảnh hưởng của Toàn cầu hóa vì từ xa xưa đến thế kỷ XX, giao lưu tôn giáo, việc cải đạo, việc du nhập giáo lý giữa các tôn giáo vẫn thường thấy.

Giáo hội Tăng già Nguyên Thủy Việt Nam đã không còn danh nghĩa pháp lý. Vì thế Nguyên thủy trong chủ đề của Hội thảo chúng ta cùng cảm nhận Nguyên thủy đây là Nam tông, mà Nam tông Việt Nam thì gồm: Nam tông Kinh và Nam tông Khmer với số lượng tín đồ chỉ trên dưới một triệu so với khoảng hơn sáu mươi triệu đồng bào có tôn giáo thì đủ biết phạm vi hoạt động vẫn rất khiêm tốn. Hội nghị bàn đến Toàn cầu hóa, quá trình hội nhập, phát triển, liên hệ với các vấn đề xã hội hóa trong kinh tế, giáo dục, từ thiện, với đời sống tôn giáo ở Việt Nam hiện nay. Sự liên hệ như thế là đã và đang xảy ra, là có triển vọng chặt chẽ và rộng rãi nhưng được đặt trong chủ đề và nội dung thảo luận của Hội thảo thì chúng ta còn phải vượt qua những đỉnh điểm của công tác nghiên cứu để có thể rút ra được những kết luận quan trọng, cụ thể.

Tuy nhiên, ngày nay một thực tế hiển nhiên trên thế giới là Phật giáo Nam tông Nguyên thủy ngày càng phát triển về chiều rộng lẫn chiều sâu. Điều này, trong tận cùng của tâm thức tôi tin rằng cộng đồng Phật giáo thế giới nói chung, Phật giáo Nam tông Nguyên thủy nói riêng... chúng ta đang thọ hưởng ân đức của Tam bảo, ân đức của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ban tặng. Suốt một cuộc đời hành đạo hoằng hóa độ sinh, từ khi thị hiện vào đời, xuất gia tu tập khổ hạnh, thành đạo, hoằng hóa... Đức Phật đã để lại tam tạng giáo điển Kinh - Luật - Luận bằng 2 hệ thống ngôn ngữ văn tự Pāli và Sanskrit. Do vậy, trên quả đất này nơi nào có





Các bậc tôn túc Trưởng lão của PGNT ngày nay.

hình bóng Tăng già hoặc Phật tử tại gia hiện diện thì pháp bảo Kinh - Luật - Luận cũng hiện diện, và điều hiển nhiên là vầng hào quang ánh sáng giáo lý Đức Phật cũng hiển lộ.

Tôi thành kính cầu nguyện hồng ân chư Phật gia hộ cho tất cả chúng ta với niềm tin Phật giáo Nam Tông Nguyên Thủy Việt Nam, bao gồm Nam tông kinh và Nam tông Khmer... với hình bóng Ảnh đạo vàng sẽ luôn mãi lan tỏa long lanh hiền đẹp, thánh thiện bất tận trước dòng thời gian và cuộc sống nhân sinh.

Tài liệu tham khảo:

1. M.O'C. Walshe, Buddhist Path, Buddhist Publication Society, 1967
2. Dr. V.A. Gunasekara, What is Theravada Buddhism, Urban Dharma.org
3. Ven. Dr. W. Rahula, Germs of Buddhist Wisdom, Buddha Missionary Society, Kuala Lumpur, Malaysia, 1996.
4. Alexander Berzin, The Terms Hinayana and Mahayana- www.berzinarchives.com, 24/2/2002.
5. Maung Kyauk Seinn, What is Theravada, Nibbana.com.
6. Nalinaksha Dutt, Buddhist Sects in India, Motilal Banarsidass Publications, 1997; Thích Nguyên Tạng dịch.
7. Cambodia Buddhism- trang web của Manjushri Buddhist Community
8. Trang web của Campuchean Buddhist Study.
9. Tan Swee Eng, A Comparative Study of the Schools, buddhanet.net
10. Trang web Phật giáo Nguyên thủy
11. Trang web Ban Tôn giáo Chính phủ
12. Báo cáo Tổng kết Năm 2012 của Ban Thư ký HĐTS, GHPGVN
13. Webster's Ninth New Collegiate Dictionary
14. Sanskrit Dictionary for Spoken Sanskrit; spokensanskrit.de.

(tiếp theo trang 25)

Về phía Campuchia, thời kỳ Khmer đỏ cầm quyền những nhà Sư đều hoàn tục, nhiều nhà chùa bị tàn phá (1975 – 1979) đến lúc đất nước được hồi phục quý Ngài Hòa thượng của Phật giáo Việt Nam có Hòa thượng Giới Nghiêm và nhiều vị sang Campuchia để làm Hòa thượng tế độ - xuất gia cho quý vị phục hồi Phật giáo Campuchia, Hòa thượng Dương Nhơn mang sách Kinh tụng Nhật hành và sách dạy và học tiếng Pāli – Khmer đến giúp cho Phật giáo Campuchia lúc ban đầu chưa có nhiều sách vở.

Trong thời điểm hiện nay Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã cử nhiều đoàn đến thăm và làm việc giao lưu trao đổi và có ghi bảng nhớ về mối quan hệ mật thiết giữa Giáo hội Phật giáo Việt Nam và Phật giáo Campuchia. Về phía Campuchia cử nhiều đoàn đến dự Đại hội Đại biểu Phật giáo Việt Nam, dự Đại lễ Vesak Liên Hiệp quốc tại Việt Nam năm 2008 do Hòa thượng Samdech Sanggha-Reach Tep Vong dẫn đầu đến thăm và làm việc với VP1 – tại Hà Nội, VP2 – tại TP. HCM (chùa Chanhhtarensây), đến thăm viếng Ban Trị sự Phật giáo các chùa Phật giáo Nam tông Khmer ở các tỉnh: Trà Vinh, Sóc Trăng, TP. Cần Thơ và Học viện Phật giáo Nam Tông Khmer.

Tóm lại: Quan hệ Phật giáo Việt Nam với Phật giáo Campuchia trong thời kỳ lịch sử - từ thời kháng chiến đến Hòa bình độc lập, thời hiện tại rất có ý nghĩa đáng trân trọng.

Những vấn đề cần quan tâm:

- Để tăng cường thêm sự quan hệ giữa các Giáo hội, trong đó có Phật giáo Campuchia – Lào, Phật giáo Việt Nam luôn thành lập Đoàn đến thăm, giao lưu với Phật giáo Campuchia – Lào và ngược lại.

- Về giáo dục Phật giáo: Cần trao đổi với nhau những Tăng sinh có nhu cầu đào tạo, hỗ trợ về giảng viên, về sách dạy và học môn Phật học,...

- Quan tâm đến ngành Tăng sự Phật giáo của mỗi nước đối với Tu sĩ Phật giáo qua lại, luôn tôn trọng Giới luật Phật giáo, Pháp luật Nhà nước. Nếu có vấn đề không tốt hai Giáo hội trao đổi thêm.

Cuối cùng xin chúc Hội thảo thành công viên mãn.

Sách Tham Khảo:

1. Trần Quang Thuận - Nguyên nhân thăng trầm thịnh suy của Phật giáo Ấn Độ, năm 2013
2. Đại đức Thiện Minh - Lịch sử Phật giáo Nguyên Thủy Việt Nam, năm 1997
3. Pháp sư Thánh Nghiêm - Lịch sử Phật giáo Thế giới.



Báo cáo tổng kết Hội thảo khoa học Phật giáo Nguyên Thủy trong Kỷ nguyên Toàn cầu hóa

PGS.TS. Nguyễn Công Lý

- Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Tôn giáo,
- Trường ĐHKHXH&NV-ĐHQG TP. HCM.
- Cố vấn Trung tâm Nghiên cứu Văn học Phật giáo,
- Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam

Kính thưa chư Tôn đức GHPGVN,

Kính thưa Quý vị đại biểu và các nhà Khoa học.

Đây là lần thứ hai Trường ĐHKHXH&NV- ĐHQG TP. HCM cùng với Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. HCM đã phối hợp tổ chức hội thảo khoa học.

Sau hơn 3 tháng chuẩn bị, tính từ ngày Trường ĐHKHXH&NV- ĐHQG TP. HCM và Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tổ chức phiên họp đầu tiên thông qua Đề án Hội thảo khoa học "Phật giáo Nguyên Thủy trong Kỷ nguyên Toàn cầu hoá", đến nay Ban tổ chức đã nhận được gần 90 bài tham luận của các tác giả từ mọi miền của đất nước gửi về, mà nhiều nhất là ở TP. HCM, và lần này chư vị tăng ni bên Giáo hội PGVN tham gia viết bài nhiều hơn. Trong Đề án Hội thảo khoa học và trong Thư mời viết bài, Ban tổ chức Hội thảo khoa học có nêu lên 4 nội dung (cũng là 4 chủ đề) chính trong Hội thảo là: 1. Phật giáo Nguyên Thủy từ truyền thống đến hiện đại; 2. Phật giáo Nguyên Thủy với quá trình hội nhập và phát triển; 3. Phật giáo Nguyên Thủy với vấn đề xã hội hoá trong lĩnh vực y tế, giáo dục, từ thiện v.v.; 4. Phật giáo Nguyên Thủy trong đời sống tôn giáo ở Việt Nam hiện nay. Cuối cùng, trên cơ sở nội dung thực tế các bài tham luận gửi về, Ban tổ chức đã quyết định gom lại thành 3 chủ đề chính: 1. Phật giáo Nguyên Thủy: Những vấn đề triết học và Phật học; 2. Phật giáo Nguyên Thủy: hội nhập và phát triển; 3. Phật giáo Nguyên Thủy ở Việt Nam và Đông Nam Á. Trong gần 90 tham luận vừa nêu, Ban Tổ chức đã chọn 80 bài để biên tập và in trong công trình Phật giáo Nguyên Thủy từ truyền thống đến hiện đại, trong đó chọn 36 bài để



PGS.TS. Nguyễn Công Lý

báo cáo tại Phiên toàn thể và tại hai phiên họp ở 3 Tiểu ban theo 3 chủ đề vừa nêu trên.

Chủ đề 1: Phật giáo Nguyên Thủy: Những vấn đề triết học và Phật học có 39 bài; Chủ đề 2: Phật giáo Nguyên Thủy: Hội nhập và phát triển có 16 bài; Chủ đề 3: Phật giáo Nguyên Thủy ở Việt Nam và Đông Nam Á có 25 bài. Nội dung chính trong các tham luận ở ba chủ đề, sáng nay, trong Báo cáo đề dẫn TT.TS. Thích Nhật Từ có đi qua, nên trong báo cáo tổng kết này, để khỏi trùng lặp, tôi không



PGS.TS Nguyễn Công Lý báo cáo tổng kết.

nêu lại nữa, mà chỉ tập trung lược thuật lại những ý kiến của Quý vị đại biểu đã thảo luận tại 2 phiên họp của 3 tiểu ban.

Qua các phiên thảo luận sáng và chiều ở tại 3 tiểu ban, tôi nhận thấy các đại biểu trao đổi thẳng thắn, hoặc góp thêm ý kiến, hoặc nêu những vấn nạn để các diễn giả trả lời. Có tiểu ban có sự tranh luận giữa cử tọa với diễn giả hay giữa diễn giả này với diễn giả khác trong cùng một phiên họp. Việc tranh luận trong học thuật là chuyện bình thường. Có trao đổi mới có thể nhận thức rõ vấn đề và mới tiếp cận được chân lý khoa học. Chẳng hạn, người xuất gia, các tự viện có được phép làm kinh tế không; Vấn đề phạm hạnh trong kinh doanh, đạo đức kinh doanh ở Phật giáo như thế nào; Tư tưởng nhà Phật là dân chủ, bình đẳng, nhưng trong giới luật lại có vấn đề “bát kinh pháp” mà Ni giới phải tuân thủ đối với Tăng giới, như vậy là có bình đẳng giới không hay là còn phân biệt?; Vấn đề vận dụng phương pháp hành trì Thiền quán trong cuộc sống hiện tại, nhất là Thiền quán cho người già hưu qua những buổi thực hành Thiền ở những đạo tràng; Vận dụng minh triết “Cư trần lạc đạo” của Phật Hoàng Trần Nhân Tông vào cuộc sống hiện tại với mục đích an lạc, thanh thân hay thực hành Thiền quán để duy trì cuộc sống bình an; Phương pháp hành Thiền Nguyên Thủy có giống hay khác với Thiền Đại thừa Trung Quốc? Hướng dẫn thực hành Thiền quán số tức tại chỗ trong 5 phút (như ở tiểu ban 2, buổi sáng); Vấn đề ăn chay hay ăn mặn trong Tăng đoàn Phật giáo; Mỗi quan hệ cùng những điểm giống và khác nhau giữa Phật giáo Nam tông Khmer với Nam tông Kinh, cũng như giữa Phật giáo Nam tông Việt Nam với Phật giáo Nam tông ở các nước Đông Nam Á, v.v...

Giáo pháp nhà Phật là Khế lý, Khế cơ, Khế thời, Khế xứ và Tuỳ duyên. Tất cả mọi người cần vận dụng tư tưởng giáo pháp này vào cuộc sống của chính bản thân mình, thì hy vọng sẽ đạt thành tựu và an lạc. Truyền thống nhà Phật có chủ trương không phân biệt, nên dù danh xưng là Phật giáo

Nam truyền/ Nam tông hay Phật giáo Bắc truyền/ Bắc tông, Phật giáo Nguyên Thủy hay Phật giáo Đại thừa thì cuối cùng vẫn ở trong một ngôi nhà chung: Phật giáo, mà cứu cánh của nhà Phật là đem lại an lạc tự tại, niết-bàn cho tất cả mọi người ngay bây giờ và lúc này (đang là) trong cuộc sống hiện tại.

Nhìn chung, các ý kiến thảo luận xoay quanh vấn đề tư tưởng triết học trong kinh văn Nguyên Thủy; Về vấn đề hội nhập và phát triển trong kỷ nguyên toàn cầu hoá với những giải pháp kiến nghị có thể nói là khả thi; Những mối quan hệ giữa Phật giáo Nam tông Kinh và Nam tông Khmer ở Nam bộ, cũng như những nét tương đồng và dị biệt giữa Phật giáo Việt Nam với Phật giáo các nước Đông Nam Á theo truyền thống Nam Truyền, để từ đó khẳng định Phật giáo Nguyên Thủy Việt Nam vẫn giữ đúng giới quy của truyền thống Phật giáo Nam Truyền lại vừa mang bản sắc Việt Nam rõ nét.

Hội thảo khoa học của chúng ta hôm nay đã diễn ra trong tinh thần khoa học, hiểu biết, thân thiện giữa các nhà khoa học xã hội nhân văn, với các nhà Phật học, trong bối cảnh đất nước ta đang cần sức mạnh đoàn kết và đồng thuận hợp tác thân thiện của tất cả mọi thành phần trong cộng đồng nhằm đưa đất nước phát triển bền vững theo hướng hiện đại, hội nhập mà vẫn phát huy bản sắc văn hoá của dân tộc. Muốn vậy, thiết tưởng cần ứng dụng hướng nghiên cứu liên ngành trong lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn, nhất là ứng dụng tư tưởng từ bi, vô ngã vị tha, lợi lạc quần sinh - một tư tưởng triết học mang đậm tính nhân văn của nhà Phật và phương pháp hành trì Thiền định vào cuộc sống hiện đại, để hướng con người sống một cuộc sống an lạc, tự tại, hạnh phúc ngay trong cuộc đời thực tại này như chính Đức Phật Thích Ca hơn vài ngàn năm trước đây đã khẳng định trong giáo pháp của Ngài.

Mục đích của Hội thảo khoa học hôm nay là tìm lại những nét tinh hoa nhất, tinh túy nhất của giá trị tư tưởng triết học Phật giáo Nguyên Thủy mà những giá trị này có ghi lại trong bộ kinh Nikaya hay A-hàm là những kinh văn xưa nhất hiện còn. Nói chung, là các nhà Phật học và các nhà nghiên cứu khoa học xã hội nhân văn cần tiếp tục đi sâu để làm rõ hơn nữa, nhằm vận dụng những giá trị tư tưởng trên vào cuộc sống hiện tại.

Hội thảo khoa học lần này đã đặt ra cho các học giả và các nhà nghiên cứu tiếp tục suy nghĩ năm vấn đề như sau:

- **Một** là, thuật ngữ “Phật giáo Theravāda” hay “Phật giáo Nam Truyền, Phật giáo Nam Tông” đã



phản ánh và chính xác nguồn gốc lịch sử và bản chất của Phật giáo Nguyên Thủy. Vấn đề này Đại hội Phật giáo thế giới tổ chức tại Tích Lan vào năm 1951 cũng đã khuyến cáo các nhà Phật học, các nhà nghiên cứu nên sử dụng thống nhất thuật ngữ “Phật giáo Theravāda” trong mối quan hệ với các hệ phái, tông phái Phật giáo Đại thừa (Mahayana). Hiện nay, các nhà nghiên cứu vẫn còn sử dụng thuật ngữ “Phật giáo Tiểu thừa” (Hymayana) một số văn bản tài liệu, mà việc dùng thuật ngữ này là thiếu căn cứ khoa học, còn phân biệt đối đãi, dễ gây ngộ nhận. Tại Hội thảo khoa học lần này, các học giả, các nhà nghiên cứu mong muốn sử dụng thuật ngữ “Phật giáo Theravāda” hay “Phật giáo Nguyên Thủy” không chỉ trong lĩnh vực học thuật mà còn sử dụng phổ biến thuật ngữ này trong đời sống tôn giáo nói chung.

- **Hai** là, Tam tạng kinh điển Pāli, gồm có Luật tạng, Kinh tạng và Luật tạng đã được Chư tôn giáo phẩm Phật giáo Việt Nam phiên dịch sang Việt ngữ là nguồn tài liệu kinh điển Nguyên thủy quý giá, đáng để nghiên cứu và khai thác ở nhiều lĩnh vực khác nhau, nhằm tô điểm cho văn hóa, đạo đức Việt Nam thêm phong phú, đa dạng.

- **Ba** là, Thiền Tứ niệm xứ hay còn gọi là Thiền quán có giá trị văn hoá tâm linh rất cao, có khả năng thư giãn, thông cảm, hỷ xả cao. Chúng ta nên tiếp tục nghiên cứu nghiêm túc, đánh giá đúng vai trò và khả năng ứng dụng Thiền quán trong đời sống nhằm phát huy trí tuệ, sức khoẻ trong thời đại hiện nay.

- **Bốn** là, hầu hết dân tộc ở các quốc gia Đông Nam Á lục địa là những dân tộc theo truyền thống Phật giáo Nguyên thủy Nam Truyền. Đây là những nét văn hoá tương đồng, là cơ sở văn hoá tinh thần của khối Asian. Chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu, so sánh sâu hơn Phật giáo Nguyên Thủy ở những quốc gia này, nhằm góp phần kết nối hội nhập sâu hơn trong khối Asian.

- **Năm** là, các nhà Phật học và các nhà nghiên cứu cần quan tâm tìm hiểu cuộc đời và sự nghiệp hoằng dương, truyền bá Phật giáo Nguyên Thủy của HT. Hộ Tông, người đã đem Phật giáo Nguyên Thủy vào Việt Nam năm 1938 và thành lập hệ phái này trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Đặc biệt là cuộc đời và sự nghiệp hoằng dương Phật pháp của HT. Bửu Chơn với vai trò và tư cách Trưởng đoàn truyền giáo Việt Nam sang Campuchia trong sự nghiệp phục hưng Phật giáo Nguyên Thủy ở đất nước này sau nạn diệt chủng năm 1979. Giáo hội Phật giáo Việt Nam nên tán dương công đức của



hai vị Cổ Hoà thượng này để Phật giáo đồ hôm nay và mai sau noi gương.

Qua một ngày làm việc tập trung, khoa học và thảo luận sôi nổi tại 3 Tiểu ban, đến đây có thể khẳng định Hội thảo khoa học Phật giáo Nguyên Thủy trong kỷ nguyên toàn cầu hoá đã thành công viên mãn và để lại một ấn tượng cùng dư âm đẹp cho tất cả mọi người tham dự.

Ban chỉ đạo và Ban tổ chức Hội thảo xin chân thành cảm ơn Quý vị đại biểu, cảm ơn các nhà khoa học, cảm ơn Chư tôn đức lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam và Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, đặc biệt là nhiều lần cảm ơn lãnh đạo và tăng ni hệ phái Phật giáo Nguyên Thủy, nhất là Quý vị Tăng Ni, Phật tử ở Tổ đình Bửu Quang và Thiền viện Phước Sơn cùng chùa Giác Ngộ đã nhiệt tình tài trợ kinh phí tổ chức hoạt động và in ấn Kỷ yếu hội thảo kịp thời để hội thảo diễn ra thành công tốt đẹp. Cảm ơn các họa sĩ thuộc Hội Mỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh đã tổ chức triển lãm tranh với chủ đề Phật giáo với đất nước và con người Việt Nam, góp phần làm cho Hội thảo khoa học thêm phong phú và long trọng. Xin cảm ơn Chi hội Lịch sử Trịnh Hoài Đức đã thông qua các nhà tài trợ đã tặng 300 bộ sách với 900 cuốn viết về Phật giáo Nguyên Thủy (mỗi bộ 3 cuốn) đến các đại biểu tham dự Hội thảo khoa học này. Xin cảm ơn các phóng viên các đài truyền hình và báo, tạp chí, trang web đã đưa tin về Hội thảo kịp thời.

Nhân dịp năm mới Giáp Ngọ sắp đến, Ban chỉ đạo và Ban tổ chức Hội thảo xin kính chúc tất cả Quý vị thường lạc, vạn sự kiết tường và mã đáo thành công.

Mong rằng hai cơ quan: Trường ĐHKHXH&NV - ĐHQG TP. HCM và Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam phát huy thành quả khoa học đã đạt được, tiếp tục hợp tác nghiên cứu trong thời gian tới.

Xin trân trọng kính chào và cảm ơn tất cả Quý vị! 🙏



NHỮNG LOÀI NGỰA TRONG KINH PHẬT

TK. Định Phúc

Ngựa là một loài động vật đã gắn bó rất lâu đời với cuộc sống con người và có thể trở thành một loài gia súc nuôi trong gia đình. Đặc biệt, là vào thời xưa, ngựa được xem như là một phương tiện đi lại phổ biến và thuận tiện nhất, có thể so sánh ngựa giống như một chiếc xe gắn máy thời nay, thậm chí có thể là một chiếc xe ba gác. Sử dụng ngựa để vận chuyển và đi lại, hoặc chinh chiến thì rất thuận lợi vì ngựa có sức đi đường rất bền, không sợ giá xăng leo thang, ngựa có thể băng rừng vượt suối, vượt mọi chướng ngại vật và đặc biệt có thể sản xuất thêm ra nhiều phương tiện con khác nữa.

Nhắc đến loài ngựa thì hẳn nhiên tất cả hàng Phật tử chúng ta không thể nào không nhắc đến tuần mã Kiền Trắc (Kañṭhaka) trong kinh điển Phật giáo. Tuần mã Kiền Trắc là một trong bảy nhân vật đồng sanh⁽¹⁾ cùng với đức Bồ tát Sĩ Đạt Ta (Siddhattha) trong ngày trăng tròn tháng 4 năm 623 TCN. Vào năm Thái tử được 29 tuổi, chính ngựa Kiền Trắc đã đưa tiễn Thái tử cùng với người hầu trung tín Xa Nặc (Channa) trốn khỏi kinh thành Ca Tỳ La Vệ (Kapilavatthu) trong đêm trăng tròn rằm tháng 6. Chính trong đêm ấy, ngựa Kiền Trắc đã vượt một chặng đường dài 30 do tuần, vượt qua khỏi dòng Anomā để đưa Thái tử xuất gia tầm đạo.

Sau khi Bồ tát cắt bỏ râu tóc và gửi lại cân đai áo mao cho Xa Nặc mang trở về trình phụ vương,

ngựa Kiền Trắc vì xúc động mạnh với nỗi chia ly ấy nên sau khi đi khuất khỏi tầm mắt của Bồ tát, Kañṭhaka đã bế tim mà chết, được tái sinh lên cõi trời Đao Lợi (Tāvātimsa), trở thành một vị thiên tử tên là Kañṭhaka với cung điện cao to lộng lẫy bằng ngọc lưu ly (veluriya) và đủ thứ ngọc báu⁽²⁾.

Không chỉ có duy nhất Bồ tát Siddhattha đi xuất gia bằng ngựa, trong bộ Phật Sử còn ghi lại rất nhiều sự xuất gia vĩ đại của các vị Bồ tát mà ngựa cũng là một trong những phương tiện thường nói đến nhất.

- Bồ tát Maṅgala đi xuất gia bằng ngựa Paṇḍara⁽³⁾.
- Bồ tát Sujāta đi xuất gia bằng ngựa Hamsavaha⁽⁴⁾.
- Bồ tát Atthadassī đi xuất gia bằng ngựa Sudassana⁽⁵⁾.
- Bồ tát Tissa đi xuất gia bằng ngựa Soṇuttara⁽⁶⁾.

Đó là nói về phương diện lịch sử, ngựa là một trong những nhân tố tích cực hỗ trợ cho sự xuất thế vĩ đại của những Đấng Đại Sĩ mà sau này sẽ trở thành Bạc Chiến Thắng, xóa tan bức màn vô minh và chấm dứt mọi sanh tử luân hồi.

Hơn thế nữa, trong những bài thuyết pháp của

1. BvA.275. Bảy nhân vật đồng sanh là: 1. Công chúa Yasodharā Bhaddakaccānā, 2. Hoàng tử Ānanda, 3. Quan thân cận Kāḷudāyī, 4. Người hầu cận Channa, 5. Ngựa Kañṭhaka, 6. Cội đại thọ Bồ đề, tên thật là cây Assattha, 7. Bốn hăm châu báu.

2. Xem thêm Kañṭhakavimānavatthu (Vv.118). Về sau, thiên tử Kañṭhaka có dịp được yết kiến Đức Phật, nghe pháp và chứng đắc quả thánh nhập lưu (VvA.317).

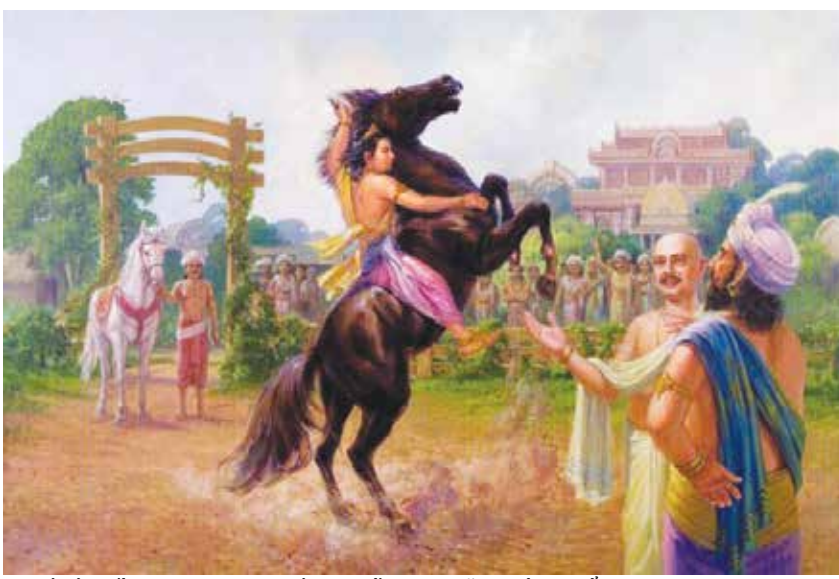
3. BvA.116

4. BvA.168

5. BvA.172

6. BvA.189





Thái tử thuần phục con ngựa khó dạy nhất trong những cuộc thi để kén chồng cho Công chúa Yasodhara.

Đức Thế Tôn, tùy theo không gian, tùy theo thời gian và tùy theo nhân duyên của người thính pháp, Thế Tôn sẽ thuyết giảng những pháp môn thích hợp nhất để tiếp độ họ. Ngài đã vận dụng thành công rất nhiều phương pháp ngôn ngữ, nhất là cách nói ẩn dụ trong những bài pháp của Ngài. Và hẳn nhiên, ẩn dụ về loài ngựa cũng nằm trong số những bài thuyết pháp của Thế Tôn để giúp cho hội chúng lãnh hội một cách dễ dàng.

Vào một thuở nọ, Thế Tôn trú tại Sāvattthī, lúc bấy giờ, Luật tạng chưa được chế định hoàn chỉnh, một số Tăng chúng phàm phu nếu muốn có thể dùng thêm bữa cơm tối và như vậy thì các vị sẽ đi khát thực về đêm. Như vậy, thì thời gian tu tập còn lại không được là bao nhiêu và tôn giả Bhaddāli cũng nằm trong số đó. Nhận thấy đã đến lúc sách tấn ngài, Đức Phật đã gợi ý: "Này các tỳ khưu, Như Lai mỗi ngày chỉ dùng một bữa, nhờ vậy Như Lai luôn cảm thấy thoải mái an lạc. Do đó, chúng Tỳ khưu cũng nên ăn mỗi ngày một bữa như ta để cũng được thoải mái an lạc như Ta". Lúc đó, tôn giả Bhaddāli thưa với Đức Thế Tôn rằng: Mình không thể ăn với chế độ như vậy. Đức Phật im lặng không nói gì. Sau ba tháng an cư, một thời mà ngài Bhaddāli không đến hầu Đức Phật vì mắc cỡ. Tôn giả đến sám hối với Đức Phật "Con đã có lỗi, đã tỏ ra bất lực trước lời dạy của Đức Thế Tôn".

Đức Phật dạy:

- Người có bao giờ nghĩ rằng trong suốt thời gian qua, Như Lai và tứ chúng cũng như các tu sĩ ngoại đạo đánh giá rằng: Bhaddāli không thực hành trọn vẹn lời dạy của bậc đạo sư? Bhaddāli cho rằng: khi Như Lai bảo một vị Thánh đệ tử nằm xuống một vũng sinh để làm cầu cho ta bước thì họ có từ chối hay không? Chắc chắn là không, hà huống chi Bhaddāli chưa là một vị thánh đệ tử sao lại cố tình tránh mặt ta chỉ vì e ngại lời giáo giới. Có phải

là trong thời gian ấy người đã sống có ích hay không? Bhaddāli hãy nhớ rằng nếu chỉ sống viễn ly mà không thành tựu giới hạnh thì đó vẫn là một nếp sống đáng trách. Còn nếp sống viễn ly mà thành tựu cả giới hạnh, thiền định, thậm chí chứng ngộ thánh quả thì là một nếp sống đáng được tán thán.

Khi được nghe nói như vậy, Bhaddāli đã hỏi Đức Phật tại sao chư Tăng không nhắc nhở cho mình như Phật đã nhắc nhở? Đức Phật giải thích rằng điều đó chủ yếu xuất phát từ thái độ của đương sự. Tăng chúng sẽ không có hứng thú giáo giới một Tỳ khưu né tránh lỗi lầm của mình và không biết phục thiện. Nếu một Tỳ khưu phạm tội vẫn còn có chút niềm tin, tâm, quý và trí tuệ thì dù gì chư Tăng cũng sẽ nhắc nhở như người ta cố gắng bảo vệ con mắt còn lại của một người chột.

Tiếp theo ngài Bhaddāli đã hỏi Đức Phật một câu hỏi mà Ngài Xá Lợi Phất cũng có lần hỏi là: Tại sao các học giới chưa được ban hành hoặc chỉ được ban hành một ít, số lượng thánh Tăng lại đông đảo hơn là khi các học giới đã được ban hành đầy đủ. Đức Phật giải thích ngắn gọn rằng: chính vì nội bộ Tăng chúng quá phức tạp thì ta mới ban hành các học giới. Lại nữa, buổi sơ thời Giáo pháp khi nào chúng Tỳ khưu chưa có danh vọng và hạ lạp thì lòng tham luyến cũng sẽ ít hơn.

Đức Phật ví dụ một con tuần mã chỉ có giá trị khi được huấn luyện thuần thực xứng đáng khi đã được huấn luyện qua nhiều giai đoạn như là huấn luyện cho nó quen với dây cương, quen với yên ngựa, quen với sự diễn hành, đi vòng quanh, đi đầu móng chân, chạy phi, hí, các trò chơi vương giả, vương lực, tối thượng tốc lực, tối thượng nhanh nhẹn, tối thượng thiện hành, khi đã thuần, thì sẽ tập cho nó đeo đồ trang sức để trở thành báu vật của vua. Cũng như thế ấy, vị Tỳ khưu thành tựu mười pháp vô học: chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh trí, chánh giải thoát thì sẽ thành ruộng phước vô thượng ở đời⁽⁷⁾.

Vì hạnh phúc và an lạc cho nhân thiên, Thế Tôn du hành khắp nơi để thuyết (xem tiếp trang 52)

7. M.i.437 (Trung Bộ Kinh – Kinh Bhaddāli).



11 sự kiện Phật giáo nổi bật trong năm 2013

Đức Hậu



1. Khánh thành tượng Phật hoàng Trần Nhân Tông

Nhân kỷ niệm 705 năm Phật hoàng Trần Nhân Tông nhập Niết bàn, sáng 03/12/2013 tại khu An Kỳ Sinh (Yên Tử), Hội đồng Trị sự GHPGVN và BTS GHPGVN tỉnh Quảng Ninh đã long trọng cử hành lễ tưởng niệm và khánh thành tôn tượng đức Phật hoàng Trần Nhân Tông.

Tôn tượng Phật hoàng Trần Nhân Tông được tôn tạo tại khu An Kỳ Sinh (Yên Tử) với độ cao 1.000m so với mực nước biển; tôn tượng được thiết kế theo nguyên mẫu Phật hoàng được thờ trong tháp chùa Hoa Yên, diện hướng về bãi cọc Bạch Đằng, được đúc bằng đồng nguyên khối, cao 12,6m (phần thân tượng 9,9m, phần bệ rộng 2,7m) tổng trọng lượng là 138 tấn.

Để hoàn thành, công trình trải qua hơn 4 năm chuẩn bị, đầu tư, 4 năm thi công xây dựng và đã huy động 5.000 lượt người tham gia vận chuyển hơn 6.000 tấn nguyên liệu, vật liệu các loại, san tấp hơn 3.000 khối đá... Với tổng kinh phí gần 75 tỷ đồng.

2. GHPGVN đăng cai Vesak 2014

Ngày 07/10/2013 tại Văn phòng 2 TƯGH, Thiền viện Quảng Đức, Q. 3, TP. HCM, Ban Thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN, Ban Phật giáo Quốc tế Trung ương đã có phiên họp bàn về nhân sự tham gia Ủy ban Tổ chức Đại lễ Vesak LHQ 2014 tại Việt Nam, do GHPGVN đăng cai tổ chức với sự chấp thuận của Chính phủ.



Ngày 24/11/2013, TƯ GHPGVN long trọng tổ chức Hội báo về việc GHPGVN chính thức tổ chức Đại lễ Phật đản LHQ Vesak 2014 tại khách sạn Crowne Plaza, Hà Nội.

GHPGVN đăng cai Đại lễ Vesak LHQ lần thứ 11 và Hội thảo Phật giáo quốc tế tại Chùa Bái Đính, tỉnh Ninh Bình, từ ngày 7 – 11/5/2014. Với chủ đề chính là "Phật giáo góp phần thực hiện thành tựu các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ của Liên Hợp Quốc".

Đại lễ Vesak 2014 dự kiến sẽ tiếp đón khoảng 10.000 người tham dự lễ hội, bao gồm 1500 lãnh đạo các Giáo hội, hệ phái Phật giáo, các Giáo sư, Tiến Sĩ, học giả Phật giáo cũng như các Phật tử hành trì thuộc nhiều truyền thống Phật giáo đến từ khoảng 90 – 100 quốc gia, vùng lãnh thổ trên khắp thế giới và 8.500 tăng, ni, đồng bào Phật tử và nhân dân Việt Nam.

NĂM
2013,
PHẬT
GIÁO
VIỆT
NAM CÓ
NHIỀU
SỰ KIẾN
NỔI BẬT
THU HÚT
ĐƯỢC
NHIỀU
SỰ QUAN
TÂM CỦA
PHẬT
TỬ VÀ
NHỮNG
NGƯỜI
YÊU MẾN
ĐẠO
PHẬT
CŨNG
NHƯ
CỦA ĐẠI
CHÚNG.



3. Tưởng niệm đức Đức nhất Pháp chủ GHPGVN – Cố Trưởng lão Hòa thượng Thích Đức Nhuận

Sáng ngày 08/12 tại tổ đình Kim Liên (xã Đồng Hưởng, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình) đã long trọng diễn ra lễ tưởng niệm 20 năm ngày Đức Đức nhất Pháp chủ GHPGVN, cố Trưởng lão HT. Thích Đức Nhuận viên tịch (1993 - 2013).

Với 97 tuổi đời, 77 tuổi đạo với nhiều công việc nhiều cương vị trong tổ chức Phật giáo lúc bấy giờ, cuộc đời và sự cống hiến cho Đạo pháp, cho Dân tộc của cố Trưởng lão Hòa thượng Thích Đức Nhuận, vị Pháp chủ đầu tiên của GHPGVN là tấm gương tiêu biểu về hoạt động không mệt mỏi để chấn hưng Phật giáo, để truyền bá Phật Pháp cho đông đảo Tăng Ni, Phật tử và nhân dân.

Đồng thời, làm rõ bản chất tốt đẹp của Phật giáo, khơi dậy lòng vị tha, lòng nhân ái trong mỗi con người, nhằm góp phần kiến tạo một xã hội, mà ở đó, mọi người sống với nhau trong tình yêu thương và sự khoan dung.



4. Trưởng lão Hòa thượng Thích Thanh Bích viên tịch

Trưởng lão Hòa thượng Thích Thanh Bích – Phó Pháp chủ kiêm Giám luật Hội đồng Chứng minh, Viện chủ Tổ đình Hội Xá (xã Thăng Lợi, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội) viên tịch vào lúc 08 giờ 20 ngày 23 tháng 3 năm 2013 (nhằm ngày 12 tháng 02 năm Quý Ty). Trụ thế 101 năm, Hạ lạp 76 năm.

Trưởng lão HT. Thích Thanh Bích là một người có đức tính rất khiêm cung và giản dị. Cuộc sống hàng ngày của Ngài cũng vô cùng



thanh bạch và đạm bạc. Cả một đời quần áo nâu sồng, trai giới nghiêm mật. Hòa thượng là tấm gương sống động, hiện tiền, sáng ngời cho các thế hệ hậu lai noi theo.

Đức Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam - Trưởng lão HT. Thích Phổ Tuệ đã nói về đạo hạnh của Trưởng lão HT. Thích Thanh Bích: "... Trước sau Cụ luôn có đạo đức chất phác thủy chung... có Đạo hạnh tu hành, tác phong của Cổ Đức. Chúng tôi luôn luôn ghi nhận Cụ là Người có thể tiêu biểu cho giới tu hành hạnh giới hiện đại, là Bậc thuần túy đạo đức, trai giới tịnh nghiêm".

5. Khởi công xây dựng "Phật Đài Quốc thái dân an"

Sáng ngày 28/02/2013, Thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên long trọng tổ chức lễ khởi công xây dựng phần móng Phật đài Hộ Quốc An Dân. Đến ngày 09/6/2013 Chư tôn đức thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên đã tiến hành tổ chức lễ Lạc thành phần đầu tượng Phật Đài Quốc thái dân an. Đây là kỷ lục lần đầu tiên Phật giáo Việt Nam có một công trình đầu tượng Phật cao 16m, tương đương tòa nhà cao 5 tầng.

Được biết tượng Phật Đài cao 49 m bằng đá hoa cương có độ bền hằng nghìn năm, đây từ 2 đến 3 mét, bên trong là một bảo tháp 10 tầng tượng trưng cho 10 pháp giới, được trang trí nội thất bằng đá cẩm thạch, có tổng kinh phí từ bốn trăm đến năm trăm tỷ đồng VN, đây là một công trình văn hóa mỹ thuật có tầm cỡ quốc gia và quốc tế.



6. Ra mắt 03 Ban mới của GHPGVN

Đó là những Ban Thông tin Truyền thông, Ban Pháp chế và Ban Kiểm soát. Trong đó, việc thành lập Ban Thông tin Truyền thông (TTTT) với 99 thành viên có vai trò rất quan trọng.

Bởi ngoài việc thông tin chính xác, đầy đủ, rộng rãi về các hoạt động của Giáo hội, Ban TTTT còn thực hiện nhiệm vụ truyền bá chính Pháp thông qua việc ca ngợi văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam nói chung và đạo Phật nói riêng. Hướng Phật tử và đạo hữu cũng như toàn thể đồng bào cùng đến với chân, thiện, mỹ, góp phần tăng cường sự đoàn kết, gắn bó trong toàn xã hội.

Ngoài ra, Ban TTTT còn có nhiệm vụ kết nối giữa Giáo hội và các cá nhân, tổ chức bên ngoài để tạo mối liên kết mạnh mẽ giữa đạo và đời nhằm nâng cao vai trò của Phật giáo trong đời sống nhân dân, góp phần xây dựng hòa bình, an lạc trên thế giới.



7. Thành lập BTS GHPGVN tỉnh Hà Giang

Sáng ngày 12/7/2013, tại Hội trường Thành ủy Thành phố Hà Giang – tỉnh Hà Giang đã long trọng tổ chức Lễ công bố ra mắt Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Hà Giang, nhiệm kỳ (2012 – 2017). Nhiệm kỳ này do Hòa thượng Phó Chủ tịch HĐTS TỨGHPGVN Thích Gia Quang làm Trưởng BTS GHPGVN tỉnh.

Được biết, hiện nay toàn tỉnh có 04 ngôi chùa đặt dưới sự quản lý của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Trong đó có chùa Sùng Khánh và Bình Lâm, Quán Âm, Hộ Quốc... có sư trụ



trì và hướng dẫn Phật tử tu tập còn lại các chùa khác do ngành Văn hóa thể thao và du lịch hoặc chính quyền địa phương quản lý, hay các gia đình, dòng họ quản lý.

Ngoài ra còn đang nhờ vào sự quản lý của Ban hộ tự lâm thời, cơ sở vật chất còn nghèo nàn, đường đi lại còn khó khăn và hầu hết các huyện trong tỉnh chưa có cơ sở thờ tự Phật giáo để đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng truyền thống của nhân dân trong tỉnh.

Do vậy, việc kiện toàn và hình thành BTS GHPGVN tỉnh Hà Giang cũng như thỉnh Chư Tăng, Ni về trụ trì, hướng dẫn cho Phật tử sinh hoạt Phật pháp theo đúng chính pháp, Hiến chương của Giáo hội có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc xây dựng và phát triển GHPGVN tại các tỉnh vùng núi phía Bắc.

8. Đại lễ tưởng niệm 50 năm Bồ tát Thích Quảng Đức vị pháp thiêu thân

Đại lễ Kỷ niệm 50 năm Bồ tát Thích Quảng Đức vị pháp thiêu thân do Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Khánh Hòa tổ chức, với sự hỗ trợ của Ban Văn hoá T.Ư, diễn ra trong 3 ngày 28, 29 và 30/5 với nhiều hoạt động như triển lãm tưởng niệm, giao lưu nhân chứng và thời đại, lễ tưởng niệm tâm linh, hành hương về quê hương Bồ-tát, thuyết giảng, thuyết trình, văn nghệ cúng dường... Các hoạt động chính hầu hết đều được diễn ra tại chùa Long Sơn, Văn phòng BTS GHPGVN tỉnh Khánh Hòa.





9. Khánh thành Quần thể chùa Khmer ở Hà Nội

Quần thể chùa Khmer đã được long trọng khánh thành vào sáng 23/11 tổ chức tại Làng Văn hoá - Du lịch các dân tộc Việt Nam (Đồng Mô - Sơn Tây - TP. Hà Nội). Đây là một hoạt động tiêu biểu trong khuôn khổ của tuần lễ "Đại đoàn kết các dân tộc - Di sản văn hoá Việt Nam".

Quần thể chùa Khmer được khởi công xây dựng theo nguyên mẫu chùa Khleang tại Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Sau gần 4 năm thi công, với sự tham gia sâu sắc của các chủ thể văn hoá, các nghệ nhân và đồng bào dân tộc Khmer, hôm nay công trình đã hoàn thành và hiện hữu trang nghiêm giữa lòng Thủ đô Hà Nội, không chỉ đáp ứng lòng mong mỏi của đồng bào dân tộc Khmer Nam Bộ, mà còn là nguyện vọng chung của đồng bào ta trong cả nước.

10. Trang nghiêm khai mạc nhiều Đại Giới đàn

Năm 2013 đã có hàng chục Đại Giới đàn được tổ chức trên khắp cả nước một cách trang nghiêm và trọng thể như: Đại Giới đàn Hà Nội; Đại Giới đàn Quảng Đức (TP. HCM); Đại Giới đàn Thiện Hòa VII (Bà Rịa - Vũng Tàu)...

Theo đó đã có hàng ngàn Giới tử được thụ giới Tỳ Khưu, Tỳ Khưu Ni, Thức Xoa, Thức Xoa Ma na, Sa di, Sa di ni.



11. Sự hưởng ứng mạnh mẽ của cộng đồng mạng xã hội trong các ngày lễ, ngày kỷ niệm Phật giáo:

Trong năm vừa qua, các sự kiện Phật giáo lớn như Đại lễ Phật đản, các ngày Vía Phật, Bồ tát được cộng đồng mạng hưởng ứng mạnh mẽ, đặc biệt là giới trẻ, các bạn sinh viên đã có những hình thức tôn vinh các giá trị cao quý của đạo Phật như thành lập các trang web về Pháp thoại, âm nhạc Phật giáo, đăng tải các hình ảnh, tin, bài về Phật giáo, thành lập các hội - nhóm Phật tử trên mạng xã hội như Hội niệm Phật, Hội phóng sinh, CLB thanh thiếu niên Phật tử, Hội những người yêu tiếng hát Phật giáo, các diễn đàn như diễn đàn Bồ tát Quan Thế Âm, Diễn đàn Bồ tát Địa tạng Vương.....các hoạt động đó đã thể hiện đạo Phật ngày càng được nhiều bạn trẻ quan tâm, tìm hiểu và thực hành.

Điều đó thể hiện đúng tâm vóc của đạo Phật trong nhận thức của cộng đồng mạng xã hội, qua đó chúng ta càng thêm tự hào về đạo Phật, về đức Phật Thích Ca - vị Giáo chủ sáng lập ra đạo Phật, và cũng là nhà sáng lập tôn giáo duy nhất mà

Liên Hợp Quốc tổ chức ngày lễ kỷ niệm trên phạm vi toàn cầu. 🌟



Đại lễ **VESAK 2014** và các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ của Liên Hiệp Quốc

PGS.TS Hàn Viết Thuận

(tiếp theo). Vì VESAK 2014 được tổ chức ở Việt Nam nên ngoài 5 chủ đề chính trên đây thì chủ đề Phật giáo Việt Nam góp phần thực hiện các mục tiêu thiên niên kỷ của đất nước sẽ chính thức khẳng định trên một diễn đàn quốc tế những đóng góp to lớn của Phật giáo Việt Nam trong giai đoạn phát triển và hội nhập hiện nay.

Theo đánh giá của LHQ thì Việt Nam đã đạt được những tiến bộ rất ấn tượng trong việc thực hiện các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ và đã hoàn thành một số mục tiêu.

Mục tiêu 1: Trong tất cả các mục tiêu thiên niên kỷ, Việt Nam đạt được tiến bộ ấn tượng nhất ở mục tiêu 1 về giảm nghèo. Việt Nam đã giảm được 75% tỉ lệ nghèo, từ 58.1% năm 1990 xuống còn 14.5% năm 2008. Tỉ lệ thiếu đói giảm hơn 2/3, từ 24.9% năm 1993 xuống còn 6.9% năm 2008.

Mục tiêu 2: Việt Nam đã đạt được những tiến bộ đáng kể trong công tác phổ cập giáo dục tiểu học. Năm 2009, tỉ lệ nhập học tiểu học là 97% và 88.5% trẻ em đi học đã hoàn thành 5 năm tiểu học. Trong số này, hơn 90% tiếp tục học trung học cơ sở, và không có sự chênh lệch lớn giữa thành thị và nông thôn.

Mục tiêu 3: Việt Nam đã rất thành công trong việc nâng cao tỷ lệ trẻ em gái học tiểu học và trung học cơ sở. Tỷ lệ học sinh nữ bậc tiểu học là 48,2%, bậc trung học cơ sở là 48,1% và trung học phổ thông là 49,1%. Hiện nay, Việt Nam là một trong những nước đứng đầu trong khu vực về tỷ lệ phụ nữ tham gia Quốc hội với 25.8% đại biểu Quốc hội là nữ.

Mục tiêu 4: Việt Nam đã đạt được các mục tiêu về giảm tỉ lệ tử vong ở trẻ dưới năm tuổi và trẻ sơ sinh, cả hai tỉ lệ này đều giảm một nửa từ năm 1990 đến 2006. Tỉ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh đã giảm



TT. Thích Bảo Nghiêm - Phó Chủ tịch HĐTS GHPGVN, Đại biểu Quốc hội đoàn Hà Nội

từ 44,4 trên 1.000 ca sinh năm 1990 xuống còn 16 trên 1.000 ca sinh năm 2009.

Mục tiêu 5: Ở Việt Nam, tỷ lệ tử vong bà mẹ đã giảm một cách đáng kể trong vòng hai thập kỷ qua, từ 233 ca tử vong trên 100.000 ca sinh vào năm 1990 xuống còn 69 ca tử vong trên 100.000 ca sinh vào năm 2009, giảm khoảng 2/3 số ca tử vong.

Mục tiêu 6: Việt Nam đã có tiến bộ đáng kể trong việc xây dựng khung pháp lý và chính sách trong những năm gần đây. Việt Nam có một chiến lược quốc gia tốt và 9 kế hoạch để ứng phó với HIV. Tỷ lệ nhiễm HIV trong tất cả các nhóm tuổi vào năm 2010 ước tính là 0,28%. Độ bao phủ của dịch vụ điều trị kháng virus đã tăng từ khoảng 30% năm 2007 lên đến 53,7% vào năm 2009.

Mục tiêu 7: Việt Nam cam kết giải quyết các vấn đề môi trường ở cấp quốc tế và chính sách, và đã đạt được những thành tích đáng kể. Diện tích rừng bao phủ tăng từ 27,8% năm 1990 lên khoảng 40% năm 2010.

Mục tiêu 8: Việt Nam đã đạt được nhiều bước tiến lớn trong việc xây dựng các mối quan hệ đối tác toàn cầu cho phát triển kể từ năm 2000, trong





Thượng tọa Thích Nhật Từ giảng pháp và dạy thiền cho phạm nhân trại giam Phú Sơn 4

đó có việc gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới, mở rộng hợp tác với Asean và tham gia trong một số hiệp định thương mại tự do mới.

Trong sự thành công này của Việt Nam có sự đóng góp to lớn của hàng triệu Tăng Ni và Phật tử nước nhà. Đặc biệt, Phật giáo đã phát huy được thế mạnh của mình trong các lĩnh vực từ thiện và nhân đạo, giáo dục đạo đức, lối sống cũng như giải quyết các vấn nạn tiêu cực trong xã hội.

Ở tầm quốc gia, trên diễn đàn Quốc hội – cơ quan quyền lực cao nhất của đất nước, một đại biểu Phật giáo là Hòa thượng Thích Bảo Nghiêm đã có bài phát biểu chính thức về giải pháp Phật giáo cho việc giải quyết các vấn nạn của tuổi trẻ đang gây nhức nhối cho toàn cả xã hội.

Các hoạt động nhân đạo và từ thiện đã diễn ra hàng ngày, các lớp học tình thương dành cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, các cơ sở khám chữa bệnh cho các cụ già không nơi nương tựa được thực hiện trong hàng ngàn ngôi chùa của đất nước.

Việc giáo dục đạo đức, lối sống cho thanh thiếu niên được Phật giáo đặc biệt quan tâm. Hàng trăm khóa tu dành cho tuổi trẻ và sinh viên các trường đại học đã được các nhà chùa trong cả nước tổ chức trong mỗi dịp hè về.

Với tấm lòng nhân đạo và vị tha, Phật giáo còn quan tâm đến những đối tượng có hoàn cảnh rất đặc biệt. Thượng tọa Thích Nhật Từ đã vào tận trong nhà tù giảng Pháp cho các tù nhân bị trọng án với chủ đề "*Quay lại là bờ*" mang lại cho họ niềm tin và quyết tâm cải tạo thành người lương thiện để sớm được hòa nhập với xã hội. Cũng vậy, Đại đức Thích Thanh Huân đã tổ chức cơ sở cứu mang chăm sóc cho nhiều người bị nhiễm HIV/ AIDS ở

Hà Nội.

Giải pháp Phật giáo góp phần thực hiện các Mục tiêu Thiên niên kỷ sẽ không đi sâu vào các vấn đề kinh tế - kỹ thuật hay đường lối chính sách quốc gia mà đề cập nhiều hơn đến khía cạnh con người vì chính con người là nguyên nhân trực tiếp gây ra những hiểm họa ấy bởi lòng tham lam của chính mình. Đức Phật đã dạy "Người là chủ nhân của nghiệp, là kẻ thừa tự của nghiệp".

Theo Hòa thượng Thích Minh Châu thì "Nghiệp ở đây là hành động có chủ ý. Con người là chủ nhân của nghiệp, nghĩa là con người làm chủ các hành vi của mình; là kẻ thừa tự của nghiệp, tức con người phải chịu trách nhiệm về mọi hành vi của mình. Đức Phật quan niệm con người là sinh vật hành động và đánh giá cao hành động của con người, xem hành động là yếu tố quyết định vận mệnh của con người".

Chúng tôi cho rằng, các giải pháp Phật giáo sẽ góp phần giải quyết tận gốc các hiểm họa của nhân loại. Nói như cụ Pháp chủ Thích Phổ Tuệ: "Nếu tinh thần lục hòa của Phật giáo mà được đem áp dụng vào đời thì trên từ quốc gia dưới đến gia đình khắp nơi đều an lạc vui vầy, làm gì còn có tranh chấp nhau. Nếu giữa các nước mà cũng tôn trọng nhau theo tinh thần lục hòa thì sẽ là thế giới đại đồng".

Và lời dạy sau đây của Đức Phật sẽ mãi mãi là ngọn đuốc soi đường cho những ai muốn thành tâm giải quyết các vấn đề Thiên niên kỷ từ các nhà lãnh đạo quốc gia đến những người dân bình thường nhất:

"Vui thay chúng ta sống, không tham giữa cuộc đời đầy tham"

Vui thay chúng ta sống, không sân giữa cuộc đời đầy sân"

Vui thay chúng ta sống, không chấp giữa cuộc đời đầy tranh chấp". (hết). ☀



Đại đức Thích Thanh Huân giới thiệu nơi ở của những người nghiện ma túy và nhiễm HIV tại chùa Pháp Vân.





HT. Thích Thiện Nhơn

(tiếp theo) * **Thiền Tào Động, Lâm Tế:**

Vào thế kỷ XVII, dưới thời Trịnh – Nguyễn, còn gọi là Đàng Trong, Đàng Ngoài, có hai Thiền phái Tào Động và Lâm Tế truyền vào Việt Nam. Đàng Ngoài do Thiền sư Thông Giác Học đồ Thiền sư Nhất Cú Trí Giáo truyền vào Việt Nam năm 1667. Đàng Trong do Hòa thượng Thạch Liêm hướng dẫn hoằng đạo tại miền Trung vào năm 1696.

Thiền Lâm Tế ở Đàng Ngoài, do Thiền sư Chuyết Chuyết (Chuyết Công) truyền đạo vào Việt Nam năm 1696. Đàng Trong do Thiền sư Nguyên Thiều truyền vào Việt Nam năm 1662. Thiền phái này được gọi là Lâm Tế Nguyên Thiều – Liễu Quán. Cả hai Thiền phái tồn tại, phát triển tại Việt Nam đến nay gần 400 năm, đã có những Thiền sư tu hành chứng quả thành lập các phái Thiền Việt Nam như Tổ Liễu Quán, Tổ Huệ Đăng (Thiền Thai), Tổ Phi Lai v.v...

*** Trong thời cận đại:**

Sau Cách mạng ngày 01/11/1963 thành công, GHPGVNTN thành lập ngày 04/01/1964. Tổng vụ Giáo dục lãnh đạo hệ thống Giáo dục Phật giáo, Viện Cao đẳng Phật học Sài Gòn, Đại học Vạn Hạnh, Viện Cao đẳng Phật học Huệ Nghiêm được thành lập. Hòa thượng Thích Thanh Từ làm Ủy viên Phật học vụ Tổng vụ Giáo dục là Giáo sư Viện Cao đẳng Phật học Sài Gòn, Đại học Vạn Hạnh, Phật học Viện Huệ Nghiêm, Dục Sư v.v... Chương trình học được chia làm nhiều Khoa, nhiều Ban, được áp dụng chung.



Tổ Khương Tăng Hội (Sơ Tổ của Thiền Tông Việt Nam)

Trong đó, có Ban Thiền học Việt Nam, do Giáo sư Nguyễn Đăng Thục – Khóa trưởng Trường Đại học Văn khoa Sài Gòn (1960 - 1965), Khoa trưởng Phân khoa Văn khoa Đại học Vạn Hạnh (1965 - 1975) làm



Chủ nhiệm bộ môn. Tập trung các Bộ sách cơ bản như Thiền học Việt Nam, Khóa Hư Lục, Thánh Đẳng Lục, Thiền Tông Bản Hạnh, Tam Tổ Thực Lục, Thiền Uyển Tập Anh, Tuệ Trung Thượng Sĩ Ngữ Lục, Thiền Căn bản, Lục Diệu Pháp Môn v.v...

Qua thời gian nghiên cứu, giảng dạy, nhất là trong phạm vi trách nhiệm, năm 1968 Hòa thượng Thích Thanh Từ nhập thất tại Tịnh thất Pháp Lạc, Vũng Tàu trong ba năm, từ năm 1968 – 1970. Ngày 08/4 âm năm 1971, Hòa thượng khai pháp Tịch Thiền học đầu tiên tại Tu viện Chơn Không, Vũng Tàu, nhằm phục hoạt tinh thần Thiền học và phát triển dần dần cho đến ngày thống nhất Phật giáo Việt Nam năm 1981.

Đáp ứng yêu cầu và thỉnh nguyện của Hòa thượng Thanh Từ, Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã tạo điều kiện thành lập Thiền viện Trúc Lâm – Đà Lạt năm 1993, đến năm 2001 thành lập Thiền viện Trúc Lâm chùa Long Động (chùa Lân) Yên Tử, tỉnh Quảng Ninh, năm 2006 thành lập Thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên tỉnh Vĩnh Phúc, năm 2008 thành lập Thiền viện Trúc Lâm Bạch Mã tỉnh Thừa Thiên Huế, năm 2010 thành lập Thiền viện Trúc Lâm, Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa, năm 2011 thành lập Thiền viện Trúc Lâm Chánh Giác tỉnh Tiền Giang, thành lập Thiền viện Trúc Lâm Yên Thành tỉnh Nghệ An, Thiền viện Trúc Lâm Hộ Quốc, Phú Quốc tỉnh Kiên Giang, Thiền viện Trúc Lâm Phụng Hoàng tỉnh Bắc Giang, Thiền viện Trúc Lâm tỉnh Tuyên Quang v.v... Đến nay, có trên 38 cơ sở Thiền viện sinh hoạt trong lòng Giáo hội Phật giáo Việt Nam, dưới sự lãnh đạo tinh thần của Hòa thượng Thích Thanh Từ - Thành viên Hội đồng Chứng minh GHPGVN.

Qua đó, Thiền phái Trúc Lâm trong dòng chảy lịch sử Phật giáo Việt Nam, thì kể từ khi thành lập năm 1299 đã cực thịnh trong thời Trần ở nửa thế kỷ XIII và tiềm ẩn từ thế kỷ XIV đến thế kỷ XX, gần 700 năm. Do đó, sự phục hoạt Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử trong cuối thế kỷ XX, nhất là trong lòng Giáo hội Phật giáo Việt Nam là đỉnh cao của thời đại hòa bình, độc lập, thống nhất Phật giáo Việt Nam. Với chủ trương các truyền thống Hệ phái, pháp môn tu học biệt truyền đúng Chính pháp được duy trì và phát triển ổn định như Hiến chương GHPGVN đã quy định.

Thực tế cho thấy, hiện nay trong lòng Giáo hội Phật giáo Việt Nam có các Hệ phái Phật giáo Bắc tông, Nam tông, Khất sĩ, Phật giáo người Hoa, người Chăm; truyền thống pháp môn tu tập: Thiền Nam tông, Như Lai Thiền, Thiền Công án, Thiền Lâm Tế, Liễu Quán, Nguyên Thiều, Thiền Trúc Lâm, Thiền

Đạo tràng Mai Thôn, Đạo tràng Niệm Phật Tịnh Độ, Đạo tràng Pháp Hoa, Đạo tràng Dược Sư, Đạo tràng Di Lạc, Đạo tràng Đại Bi (Mật Tông Kim Cang Thừa) v.v... đang sinh hoạt đồng bộ, nhịp nhàng, đoàn kết, hòa hợp trong lòng GHPGVN,

trong an lạc, giải thoát của từng Pháp tu. Như Đức Phật dạy: "Quy nguyên tính vô nhị. Phương tiện hữu đa môn" (Về nguồn vốn một không hai. Pháp tu sai biệt xưa nay rõ ràng), đã tạo thành một sức mạnh tổng hợp cho Phật giáo Việt Nam, cho dân tộc Việt Nam, vì đất nước Việt Nam là một quốc gia đa tôn giáo, sẽ góp phần bền vững cho nền độc lập dân tộc và phát triển không ngừng, hội nhập cùng thế giới trong hiện tại và tương lai của thế kỷ XXI và những thế kỷ tiếp theo.

Với tinh thần và chủ trương nhất quán trên, thì Phật giáo đời Trần, Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử trong dòng Thiền Phật giáo Việt Nam của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, thì việc kỷ niệm 705 năm ngày Phật hoàng Trần Nhân Tông nhập diệt, không gì khác hơn là Tăng Ni, Phật tử Giáo hội Phật giáo Việt Nam chúng ta cố gắng giữ gìn, phát huy tinh thần độc lập, truyền thống văn hóa dân tộc, đoàn kết hòa hợp, tự lực tự cường, phát triển các điều kiện nội lực và ngoại lực, hỗ tương tác động để cùng tồn tại và không ngừng phát triển một cách ổn định trang nghiêm trong lòng dân tộc và hội nhập thế giới. Thực hiện được như thế là chúng ta thiết thực kỷ niệm và đền đáp công ơn các bậc Tổ sư, các đấng tiền nhân hữu công đối với đất nước, dân tộc và Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong hiện tại và tương lai đối với Giáo hội Phật giáo Việt Nam, nhất là công đức sáng lập Thiền phái Trúc Lâm của người Việt Nam, dân tộc Việt Nam trong hiện tại và tương lai.(hết). 🙏



HT. Thích Thanh Từ



ĐẠI KINH

Người Chăn Bò

HT. Thích Minh Châu

Đức Phật dạy một người chăn bò không đầy đủ mười một đức tính thì không thể chăn giữ đàn bò, không thể làm cho đàn bò hưng thịnh. Cũng vậy, vị Tỷ-kheo không đầy đủ mười một pháp thì không thể tăng thịnh trong Pháp và Luật này.

Mười một đức tính của người chăn bò không làm đàn bò tăng thịnh:

- 1/ Không biết rõ các sắc,
- 2/ Không khéo phân biệt các tướng,
- 3/ Không từ bỏ trứng con bọ chết,
- 4/ Không băng bó vết thương,
- 5/ Không có xông khói,
- 6/ Không biết chỗ nước có thể lợi qua,
- 7/ Không biết chỗ nước uống,
- 8/ Không biết con đường,
- 9/ Không khéo đối với chỗ đàn bò có thể ăn cỏ,
- 10/ Vắt sữa bò cho đến khô kiệt,
- 11/ Không chú ý, không săn sóc đặc biệt các con bò lão thành và đầu đàn.

Mười một đức tính của các vị Tỷ-kheo không được tăng trưởng trong Pháp và Luật:

- 1/ Không như thật quán tri các sắc thuộc bốn đại và do bốn đại tác thành;
- 2/ Không khéo phân biệt các tướng tức là không biết phân biệt hạnh nghiệp của kẻ ngu và người trí;
- 3/ Không từ bỏ trứng con bọ chết tức là không từ bỏ các dục tướng, sân tướng, hại tướng các ác bất thiện pháp khởi lên;
- 4/ Không băng bó vết thương tức là không chế ngự sáu căn;

5/ Không xông khói tức là không có thuyết giảng rộng rãi cho người khác biết về chánh pháp mình được nghe, được thọ trì;

6/ Không biết chỗ nước để lợi qua tức là không đến yết kiến, không đến hỏi pháp các vị đa văn Tỷ-kheo, được trao truyền tinh thông giáo điển, trì Pháp, trì Luật, trì Mātikā;

7/ Không biết rõ chỗ nước uống tức là trong khi pháp được thuyết giảng, không chứng đạt sự hiểu biết về mục đích, về Pháp;

8/ Không biết về con đường tức là không biết rõ về Thánh tám ngành;

9/ Không khéo léo với các chỗ đàn bò có thể ăn cỏ, tức là không như thật biết về bốn niệm xứ;

10/ Vắt sữa cho đến khô kiệt, tức là không biết nhận lãnh vừa phải các vật dụng cúng dường;

11/ Đối với các trưởng lão xuất gia lâu ngày, không có sự tôn kính đặc biệt, không có từ thân nghiệp, từ khẩu nghiệp, từ ý nghiệp đối với các vị này, trước mặt và sau lưng.

Vị Tỷ-kheo nào không đầy đủ mười một pháp này, không thể được tăng thịnh trong Pháp và Luật này.

Rồi đức Phật nói đến mười một đức tánh người chăn bò, nhờ vậy mà đàn bò mới được hưng thịnh. Mười một đức tánh này đối lập với mười một đức tánh trước đã làm cho đàn bò không hưng thịnh.

Tiếp đến đức Phật nói đến mười một đức tánh của vị Tỷ-kheo, nhờ mười một đức tánh này vị ấy được tăng thịnh trong Pháp và Luật này. Mười một đức tánh này đối lập với mười một đức tánh trước đã làm cho vị Tỷ-kheo không có hưng thịnh trong Pháp và Luật này. 🌞



Tìm hiểu về Luật tặng Nguyên thủy BÌNH BÁT VÀ CÁC VẬT DỤNG KHÁC

Tk. Siêu Minh (dịch)

Bình bát là một vật dụng thiết yếu các giới sinh thọ giới phải có trước khi được chấp nhận gia nhập Tăng chúng làm tỳ khưu. Được phép sử dụng Bình bát làm bằng gốm hay kim loại, trong khi đó các Bình bát làm bằng những chất liệu sau đây lại bị cấm tuyệt là: Bình bát làm bằng vàng, bạc, đá quý, đá lazuli, pha lê, đồng thau, thủy tinh, thiếc và kẽm (chì) hay đồng đỏ. Tập Chú giải còn suy luận ra từ những điều cấm đoán này khẳng định rằng các chậu rửa mặt bằng vàng là các loại không được đụng chạm tới, ngược lại các chậu làm bằng các loại chất liệu khác – Cho dầu không được phép sử dụng như là tài sản riêng tư của mỗi cá nhân – lại có quyền sử dụng nếu là tài sản của tập thể Tăng Chúng hay vẫn còn là tài sản của người đời. Tập Chú giải cũng khẳng định thêm hạn từ “đồng đỏ” trong khoản cấm đoán này bao gồm cả những hợp kim đồng, mặc dầu các chậu rửa mặt được làm bằng các hợp kim đồng vẫn được phép sử dụng (ngay cả khi dụng cụ này là tài sản cá nhân, hình như vậy). Hiện nay, người ta được phép sử dụng Bình bát làm bằng thép không gỉ, ngược lại Bình bát làm bằng bạc lại bị cấm tuyệt.

Tập Chú giải cho Pr 2 nhấn mạnh rằng Bình bát không được vẽ vờ hay chạm trổ, khắc chạm với những hoa văn trang trí, hay được đánh bóng tới mức độ “bóng loáng như viên đá quý. Nếu sở hữu một Bình bát như thế, ta phải cạo những hoa văn trang trí như vậy đi, hay hủy hoại nước bóng đó đi, trước khi đem ra sử dụng.

Những qui định xác định loại Bình bát nào được phép sử dụng được thảo luận trong khoản NP 21.

Thêm vào những khoản luật nghiêm cấm sử

dụng Bình bát được làm bằng những chất liệu cấm nêu trên, cũng có những khoản luật nghiêm cấm không được đi khất thực mang theo Bình bát được làm bằng trái bầu hay bằng bình đựng nước, và cấm tuyệt đối sử dụng sọ người làm Bình bát.

“Bấy giờ vào thời điểm đó một vị tỳ khưu họ không sử dụng bất kỳ vật dụng nào ngoại trừ những thứ đã bỏ đi làm Bình bát. Vị đó mang theo một chiếc sọ người làm Bình bát. Nhìn thấy vị đó, một phụ nữ hét lên vì sợ hãi: “Trời đất quỷ thần ơi! Có yêu quái xuất hiện!” Nhiều người cảm thấy bức bối và khó chịu và đi loan truyền khắp nơi, “Làm sao các bậc chuyên niệm thiền định họ Thích lại mang theo một chiếc sọ người ghê rợn đến như vậy, giống như những yêu quái hiện hình thế kia?” (§ - tiếp theo đoạn Chú giải phụ)

Để bảo đảm cho Bình bát không bị tàn mất, người ta được phép sử dụng một giá đỡ Bình bát hình tròn làm bằng thiếc hay bằng chì. Nhiều Tăng chúng giải thích hai chất liệu này như là cách đặt giới hạn cho những chất liệu trang trí lòe loẹt được cho phép sử dụng làm giá gác Bình bát và như vậy họ cũng xem tre, gỗ và các chất liệu kém giá trị khác cũng được phép sử dụng. Có khoản luật nghiêm cấm rõ ràng việc sử dụng những chiếc giá treo Bình bát từ những chất liệu trang trí lòe loẹt hay được trang hoàng bằng những hình vẽ nhỏ hay cách trang trí nào khác. Các giá đựng Bình bát phải bằng phẳng để vừa vận với kích cỡ của Bình bát và những đường khía kiểu răng cá lười kiếm phải được



ạch trên đó để giữ cho Bình bát khỏi trơn trượt.

Luật tạng (Canon) không đả động gì đến nắp đậy Bình bát. Tuy nhiên, những chiếc nắp đậy này hiện nay được sử dụng rất phổ biến khắp các quốc gia Phật giáo Nguyên thủy. Tiêu chuẩn chung được áp dụng ở đây là không được phép làm bằng những chất liệu trang trí lòe loẹt có những hình vẽ nhỏ hay cách trang trí nào khác, nhưng vì vài lý do nào đó tập Chú giải Pr 2 lại cho phép trang trí các nắp đậy Bình bát, song lại không giải thích lý do tại sao được làm như vậy.

Có qui định cách ứng xử nghiêm khắc trong việc sử dụng, rửa và cất giữ Bình bát. Những thứ thừa thãi, xương xẩu, và nước thải không được phép đổ vào Bình bát. Theo tập Chú giải, “Nước thải” ở đây được hiểu là nước đã qua sử dụng để rửa miệng, nhưng còn bao gồm cả nước dùng để rửa chân hay rửa tay. Tập Chú giải tiếp tục cho hay, trong khi ăn ta có thể để vào Bình bát những thứ đồ ăn mới ăn hết một nửa, nhưng không được phép để vào những gì đã cho vào miệng.

Khi đã rửa Bình bát xong rồi, ta chỉ có thể đem cất lên giá đỡ sau khi Bình bát đã được phơi khô (dưới mặt trời, nếu trời có nắng). Trước khi đem phơi ngoài nắng, trước tiên ta phải đổ hết nước trong Bình bát đi, và lau sạch sẽ không còn tí nước nào sót lại. Không nên phơi dưới nắng lâu hơn là cần thiết để Bình bát khô hoàn toàn.

Ta được phép dùng một túi vải có quai và dây cột miệng túi lại. Tập Chú giải Pr 2 cũng nhấn mạnh rằng chiếc bị đựng Bình bát không được trang trí lòe loẹt.

Để tránh không làm rơi Bình bát, ta không nên mở cửa trong lúc đang cầm Bình bát trong tay. Theo Tập Chú giải “mở cửa” bao gồm cả việc mở chốt cửa hay mở ổ khóa; “cầm Bình bát “trong tay” có nghĩa là dùng bất kỳ phần cơ thể nào để giữ Bình bát, (kể cả kẹp Bình bát vào hai đầu gối). Tuy nhiên, vẫn có một ngoại lệ nếu Bình bát được treo trên vai.

Để tránh hư hại Bình bát, không để Bình bát nơi cạnh bàn, không nên để ở cạnh ghế bàn, bên ngoài bức tường, không nên để trên giường ngủ, trên ghế, trên chiếc dù, hay trên đùi (Hiện thời vào thời điểm đó, chư vị tỳ khưu có thói quen để Bình bát trên đùi; trong khoảng khắc nhập thiền định, các vị đó có thể đứng lên. Bình bát rơi xuống và bể tan.) ta cũng không nên treo Bình bát. Tập Chú giải lưu ý rằng nếu ghế bàn rộng đủ nếu Bình bát có bị đẩy nhẹ đi thời không rơi xuống đất. Như vậy ta có thể để Bình bát trên đó. Cùng việc cho phép đó cũng

được áp dụng vào việc để Bình bát trên bàn nữa.

Tập Chú giải cũng khẳng định rằng ta có thể để Bình bát trên đùi, nếu Bình bát được treo trên vai từ chiếc móc. Có nhiều Tăng chúng khác nhau áp dụng khoản luật cấm không được để Bình bát trên đùi và áp dụng khoản này vào cách phơi khô Bình bát. Một số tăng chúng giải thích từ “lap=đùi” có nghĩa là đùi được tạo thành khi ta ngồi kiết già (xếp bằng) trên ghế hay một món đồ nào đó tương tự, và không phải đùi được tạo thành khi ngồi kiết già trên sàn nhà. Một số Tăng chúng khác lại áp dụng từ đùi ở đây, và nhấn mạnh rằng chúng ta phải qui gối trên sàn nhà trong khi phơi Bình bát cho khô và không được để Bình bát trên đùi bằng bất kỳ cách nào.

Bình bát có thể được cất giữ trên một miếng thảm hay một miếng vải. Giá để Bình bát, giá đan bằng liễu gai, và kệ để Bình bát cũng được phép sử dụng để cất giữ Bình bát tuy nhiên chưa có bản văn nào định nghĩa sự khác biệt giữa ba cách này cả. Tuy nhiên, tập Chú giải lưu ý rằng ta không nên xếp thành chồng hai Bình bát trên một giá đỡ, và giá đựng Bình bát đồ đan bằng liễu gai cũng còn có thể làm bằng gỗ hay bằng gạch/ngói nữa. Tập Chú giải tiếp tục cho rằng nếu khi không có thảm, vải, giá hay kệ ta có thể đặt Bình bát luôn luôn lộn ngược lên trên cát hay trên sàn nhà không làm cào xước hay làm hư hỏng Bình bát cách này, cách khác. Sẽ là phạm giới một khi ta bỏ Bình bát trên sàn nhà cứng hay có thể làm trầy xước, trên đồng đồ dơ hay trên bụi bẩn. Rất có thể điều này dựa trên những nhiệm vụ của chư vị tỳ khưu mới nhập tăng đoàn (chương 9) ghi lại rằng: “Khi

rời Bình bát đi nơi khác, ta phải lấy một tay đỡ Bình bát còn tay kia tỳ vào g i ư n g , hay ghế. Và đặt Bình bát ở đó, nhưng không được để Bình bát trên sàn nhà trơn (còn tiếp). ☀



THIỆN PHẬT GIÁO NGUYÊN T HỦY VÀ PHẬT RIỂN

HT. Viên Minh

(tiếp theo) **1.12) LỢI ÍCH CỦA THIỀN ĐỊNH:**

1) An lạc hiện tại: Hành giả đã thuần thực trong việc nhập và xuất định có thể nguyện nhập bậc định mà mình đã chứng để hưởng sự an lạc ngay trong hiện tại, tạm thời thoát khỏi sự quấy rầy của ngoại cảnh nên gọi là hiện tại lạc trú (dittadhamma sukha viharati).

2) Có thể chứng ngũ thông: Hành giả đạt được tứ thiền hữu sắc một cách thuần thực có thể sử dụng tứ như ý túc để phát triển thần thông và chứng được năm loại thần thông như đã nói trên. Về phương diện giác ngộ giải thoát thì không cần đến ngũ thông, nhưng nếu biết dùng làm phương tiện lợi lạc quần sinh thì thần thông cũng trở thành đại dụng.

3) Làm nền tảng cho thiền tuệ: Hành giả có chứng đắc định ở bất kỳ bậc thiền nào, sau khi xả định, tâm còn an ổn trong sáng có thể hành thiền tuệ một cách dễ dàng. Nhiều người có thể

đạt được tuệ giác một cách tự nhiên nhờ tâm đã thuần thực trong định tĩnh sáng suốt và đầy đủ các hạnh balamật. Mặt khác hành giả cũng có thể lấy ngay tâm thiền hoặc thiền chi đang chứng làm đối tượng thiền tuệ, như niệm thân là sắc ý căn, niệm thọ là hỷ và lạc, niệm tâm như "nội tâm có định tuệ tri tâm có định", niệm pháp như khinh an, định, xả giác chi v.v...

4) Các bậc Thánh có thể nhập thánh quả định: Hành giả đã chứng đắc định ở bất kỳ bậc thiền hữu sắc hay vô sắc nào, sau đó đắc một trong các quả Thánh thì vị ấy có thể nhập thánh quả định tương ứng để thể nhập tự tại Niết-bàn trong Thánh quả định đó.

5) Bậc Anahàm trở lên có thể nhập diệt thọ tướng định: Khi hành giả đã chứng đắc đến bậc thiền vô sắc phi tướng phi phi tướng xứ định và đã chứng quả Anahàm trở lên có thể nhập diệt thọ tướng định, nghĩa là trong thời gian nhập định này các tâm, tâm sở, sắc pháp do tâm sinh bị diệt, chỉ



còn lại sắc pháp do nghiệp, thời tiết, vật thực sinh mà thôi. Đây là một loại định đặc biệt hoàn toàn vắng lặng và bất khả xâm phạm của các bậc thánh từ Anahàm trở lên mới có được.

6) Quả báu trong kiếp sau: Nếu hành giả đắc định nhưng chưa đắc quả Alahán thì sau khi thân hoại mạng chung sẽ sinh lên các cõi trời sắc giới hoặc vô sắc giới đặc biệt tương ứng với bậc thiền mà mình đã chứng để hưởng quả định:

6a) Sắc giới thiên:

- Sơ thiền bậc hạ: Phạm chúng thiên
- Sơ thiền bậc trung: Phạm phụ thiên
- Sơ thiền bậc thượng: Đại phạm thiên
- Nhị thiền bậc hạ: Thiểu quang thiên
- Nhị thiền bậc trung: Vô lượng quang thiên
- Nhị thiền bậc thượng: Quang âm thiên
- Tam thiền bậc hạ: Thiểu tịnh thiên
- Tam thiền bậc trung: Vô lượng tịnh thiên
- Tam thiền bậc thượng: Biến tịnh thiên
- Tứ thiền của phàm phu: Vô tướng thiên
- Tứ thiền của bậc Nhập Lưu và bậc Nhất Lai: Quảng quả thiên
- Tứ thiền của bậc Bất Lai: Phước Sinh Thiên
- + Tín Bất Lai: Vô phiến thiên
- + Tấn Bất Lai: Vô nhiệt thiên
- + Niệm Bất Lai: Thiện hiện thiên
- + Định Bất Lai: Thiện kiến thiên
- + Tuệ Bất Lai: Sắc cứu cánh thiên

6b) Vô sắc giới thiên:

- Đệ nhất thiên: Không vô biên xứ thiên
- Đệ nhị thiên: Thức vô biên xứ thiên
- Đệ tam thiên: Vô sở hữu xứ thiên
- Đệ tứ thiên: Phi tướng phi phi tướng xứ thiên.

Phật giáo Nguyên Thủy không xem thiền định là cứu cánh hay mục đích cuối cùng vì định chỉ có thể chế ngự các triền cái, giúp ổn định tâm như đá đè cỏ chứ không đoạn tận phiền não khổ đau, không chấm dứt luân hồi sinh tử. Dù vậy định vẫn được chấp nhận như yếu tố hỗ trợ cho tiến trình Giới, Định, Tuệ đưa đến Đạo, Quả, Niết-bàn, vì vậy, định có mặt trong nhiều pháp môn phẩm trợ đạo: Tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ thần túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác chi, bát chánh đạo. Định cũng trở thành đại dụng trong những điều lợi ích đã kể trên.

Tóm lại, thiền định, ở một mức độ nào đó, là rất cần thiết, không thể bỏ qua, nhưng chưa phải là yếu tố rốt ráo, nên chưa đủ để thành tựu cứu cánh giác ngộ giải thoát.

II. THIỀN TUỆ TRONG PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

II.1) ĐỊNH NGHĨA:

Thiền tuệ, thiền quán hay thiền minh sát (vipassanā bhāvanā) là một sự thể nghiệm nhuần nhuyễn, kết hợp toàn bộ yếu tố Bát Thánh Đạo gồm tám chi, trong đó có ba chi then chốt đóng vai trò dẫn đạo là:

- Chánh tinh tấn (sammā vāyāmo)
- Chánh niệm (sammā sati)
- Chánh kiến (sammā diṭṭhi)

Ở đây, trong ba yếu tố này, chánh kiến là yếu tố chính trong thiền tuệ, khởi đầu được thể hiện dưới hình thức tỉnh giác (sampajañña), chánh tinh tấn và chánh niệm làm nền tảng, năm yếu tố còn lại (chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh định) làm nhiệm vụ hỗ trợ.

Thiền tuệ nhằm mục đích tuệ tri (paññā) như thật (yathā bhūtaṃ) thực tánh (sabhāva) trong chân nghĩa pháp (paramattha dhamma):

Thực tánh của pháp hữu vi tạo tác (saṅkhārā) có ba tướng trạng chung (sāmañña lakkaṇa) là vô thường (anicca), khổ (dukkha), vô ngã (anatta) và tướng trạng riêng (visesa lakkaṇa) của mỗi pháp, như mỗi tâm, tâm sở, sắc đều có tướng trạng riêng. Ví dụ: sân khác tham, từ khác bi, sắc nhãn khác sắc nhĩ v.v...

Thực tánh của pháp vô vi (asaṅkhārā) Niết-bàn có tướng chung là vô ngã (anatta) và tướng trạng riêng là vắng lặng (santi). Vắng lặng ở đây không có nghĩa là một trạng thái yên ắng bất động, mà là hoàn toàn vắng bóng vô minh, ái dục, phiền não, khổ đau của thế giới tập đế và khổ đế (còn tiếp). 🌿



ĐẠI CƯƠNG VỀ VI DIỆU PHÁP

(tiếp theo) 5. CỖ SẮC VÀ CỖ VÔ SẮC

Trong chương trước, tôi có trình bày một số hệ thống phân loại thức có thể là rất khó để nắm được, nhất là đối với những người mới nghiên cứu Vi Diệu Pháp. Bởi vậy có hai điểm nữa mà tôi muốn nêu lên trong tiến trình bàn thảo của chúng ta.

Trước hết, muốn đạt được sự hiểu biết, ta cần phải trau dồi (1) nghiên cứu, (2) suy xét, và (3) thiền định. Chỉ nghe và đọc về sự phân loại thức thì không đủ, ta cần phải xem xét chính xác chúng hành hoạt ra sao, tầm quan trọng của chúng là gì. Từ kinh nghiệm của riêng tôi, những hệ thống phân loại này sẽ không có ý nghĩa gì cho đến khi ta bỏ thì giờ vào việc suy đi ngẫm lại trong tâm. Cuối cùng, sau khi nghiên cứu và suy xét, ta có thể dùng chúng trong thiền định.

Thứ nhì, muốn hiểu được những cách phân loại này, tốt hơn là xem xét một kiểu mẫu cụ thể hơn và sử dụng được. Thí dụ như bạn muốn biết bao nhiêu người ở Singapore xem truyền hình ban ngày. Bạn phải phân loại dân chúng thành hai loại có việc làm và thất nghiệp; lại nữa bạn phải phân loại những người thất nghiệp thành hai nhóm, nhóm nói tiếng Anh và nhóm nói tiếng Trung Hoa, như vậy, bạn có thể biết bao nhiêu người xem chương trình tiếng Anh so với chương trình tiếng Trung Hoa. Bạn cũng có thể chia số dân thành đàn ông và đàn bà, hay đi học và không đi học, và nhóm đi học thành nhóm học trường Anh Văn và nhóm học trường Hoa Văn. Căn cứ vào một nhóm yếu tố nhất định - trong trường hợp này, cá nhân làm thành dân số - có nhiều cách để phân loại chúng tùy thuộc vào cái mà bạn muốn khám phá ra.

Cũng một cách này, với sự phân loại thức của Vi Diệu Pháp, chúng ta có một tập hợp các loại thức, và chúng ta phân loại chúng bằng nhiều cách khác nhau tùy theo cái mà chúng muốn khám phá ra. Nếu chúng ta nhớ luật lệ chung về tại sao và thế nào chúng ta phân loại nhân tố thức, rồi chúng ta suy ngẫm tối lui trong tâm chúng ta, chúng sẽ bắt đầu có nhiều ý nghĩa hơn.

Trong chương này chúng ta sẽ nhìn vào thức cỗi sắc (rupavachara) và thức cỗi vô sắc (arapavachara). Nơi đây chúng ta quan tâm trước nhất đến sự phân tích những loại thức phát sinh từ thiền, tập trung hay nhập định. Vì ngay trong sự hình thành Vi Diệu Pháp, Ngài Xá Lợi Phất đã đóng một vai trò trọng yếu trong việc khởi đầu phân tích về thức trong Vi Diệu Pháp. Trong Kinh Anupada có ghi chép là sau khi đạt được nhiều trạng thái thiền, Ngài Xá Lợi Phất đã áp dụng phép phân tích Vi Diệu Pháp bằng cách kể ra, phân loại và nhận dạng những loại thức mà Ngài chứng nghiệm.

Phép phân tích hết sức được nhấn mạnh ngay

Thích Tâm Quang (dịch)



trong thời kỳ phôi thai của lịch sử Phật Giáo, vì chúng nghiệm những trạng thái lạ thường về thiền có thể dễ bị hiểu sai. Trong những truyền thống không phải là Phật Giáo, những trạng thái như vậy luôn luôn bị giải thích lầm lẫn là bằng chứng về một chúng sinh siêu nghiệm siêu nhiên, hay một linh hồn bất diệt.

Bằng cách vạch rõ những trạng thái của thiền, giống như kinh nghiệm nói chung, có đặc điểm là vô thường, tính chất nhất thời, và không thực chất, việc phân tích phòng ngừa ba sự ô nhiễm: (a) tham đắm hay luyến chấp vào trạng thái thức siêu nhiên và lạ thường đạt được do thiền định; (b) tà kiến, đó là sự giải thích sai lầm về những trạng thái thiền này là bằng chứng về sự hiện hữu của một chúng sinh siêu việt hay một linh hồn bất diệt; và (c) tính tự phụ nảy sinh từ khái niệm là ta đã đạt được trạng thái thiền khác thường.

Sự trau dồi trạng thái thiền và đạt được sự nhận định là một phần rất quan trọng của sự tu hành Phật Giáo vì nó là mục tiêu của sự phát triển tinh thần, một trong ba phần chính của con Đường Phật Giáo (tức giới, định và huệ). Muốn đạt được trạng thái thiền định này, ta cần phải tạo nền móng của giới và phải ở một mức độ nào đó rút khỏi sự tham gia vào những hoạt động trần tục. Đạt được những điều kiện tiên khởi này, ta tiến đến việc trau dồi những trạng thái thiền qua nhiều phương pháp.

Ngắn gọn là ta tiến hành bằng khoảng bốn mươi đối tượng thiền truyền thống gồm cả mười đối tượng hỗ trợ (kasina). Những đối tượng này kết hợp với tính khí của người hành thiền. Nói một cách khác, những đối tượng riêng biệt về thiền được dành cho một số loại tính khí nhất định. Nói chung ta bắt đầu với sự hỗ trợ bên ngoài, dần dần sự hỗ trợ bên ngoài được tiếp thu và nhận thức, và cuối cùng sự hỗ trợ này được dẹp bỏ và ta có thể đi vào trạng thái thiền thích hơn.

Năm nhân tố nhập định quyết định việc phát triển trạng thái thiền đưa đến loại thức thuộc cõi sắc và cõi vô sắc: (i) tầm (vitakka), (ii) tứ (vichara), (iii) chú tâm say mê, hay trạng thái hỷ lạc (piti), (iv) sung sướng hay hạnh phúc (sukha), và (v) nhất tâm (ekaggata). Năm nhân tố này cũng là bằng chứng trong hầu hết tất cả loại thức, bao gồm thức phạm vi cõi dục, thậm chí thức của một số súc vật phát triển.

Lấy điểm nhất tâm làm ví dụ. Mỗi刹那 tư tưởng tham gia vào điểm nhất tâm ở một mức độ nào đó. Điểm nhất tâm này giúp chúng ta nhắm vào một đối tượng riêng biệt theo kinh nghiệm thức của chúng ta. Nếu không phải vì điểm nhất tâm,

chúng ta không thể nào chọn một đối tượng của thức trong dòng đối tượng của thức. Năm nhân tố nhập định đóng vai trò riêng biệt trong việc phát triển những thức thiền định trong đó chúng nâng thức từ cõi dục lên cõi sắc, và rồi lên cõi vô sắc, do sự tăng cường. Sự tăng cường ngụ ý nâng cao và phát triển sức mạnh của những chức năng riêng biệt của thức.

Sự tăng cường của hai nhân tố đầu, sơ thiền và trợ thiền, dẫn đến sự phát triển trí tuệ có thể dùng để phát triển tuệ giác. Tương tự như vậy, sự tăng cường của nhân tố thứ năm, điểm nhất tâm, dẫn đến sự phát triển đầy đủ thức tập trung hay nhập định. Sự tăng cường của năm nhân tố dẫn đến đạt được thần thông siêu nhiên.

Năm nhân tố cũng giúp nâng thức của ta từ cõi dục tới cõi sắc và vô sắc bằng cách loại bỏ năm chướng ngại: sơ thiền sửa chữa lưỡi biếng và hôn trầm; trợ thiền sửa chữa ngờ vực; hoan hỷ sửa chữa sân hận; hạnh phúc sửa chữa bồn chồn và lo lắng; và điểm nhất tâm sửa chữa dục lạc.

Chúng ta hãy nhìn kỹ hơn vào năm nhân tố của nhập định để thấy chúng sản sinh thức tập trung ra sao. Muốn làm được việc này, chúng ta cần nhìn thật chi tiết vào ý nghĩa của chúng. Trong phạm vi phát triển thức thiền định, sơ thiền được gọi là "tư duy ứng dụng", vì nó có nghĩa là "chợt nghĩ ra", "ngộ", hay "khởi quán". Sơ thiền sắp đặt tâm, để tâm vào một đối tượng thiền; trợ thiền giữ tâm trụ nơi đối tượng, giữ vững chỗ trụ của tâm. Nhân tố thứ ba của nhập định - hoan hỷ, chú tâm, hoặc trạng thái hỷ lạc - thúc đẩy ta chuyên cần theo đuổi hoạt động thiền.

Có thể là hữu ích khi đối chiếu chú tâm và hạnh phúc để hiểu sự quan hệ giữa hai điều này. Chú tâm và hạnh phúc thuộc hai loại kinh nghiệm khác nhau: chú tâm thuộc loại hành, và hạnh phúc thuộc loại tướng. Một mặt, chú tâm là một sự mong muốn và hoan hỷ chủ động, mặt khác, hạnh phúc là cảm giác thỏa mãn hay sung sướng. Những chú giải đã đưa ra những thí dụ dưới đây để minh họa quan hệ giữa hai thuật ngữ này. Thí dụ một người đang ở trong sa mạc được cho biết có một hồ nước mát ven một làng gần đây. Ngay khi nghe tin này người ấy trải nghiệm một cảm giác chú tâm mãnh liệt và được thúc đẩy và khích lệ bởi tin tức này. Nhưng khi người ấy tới được cái hồ và chấm dứt được cơn khát, người ấy chứng nghiệm hạnh phúc. Bởi vậy chính chú tâm hay hoan hỷ đã khích lệ chúng ta tiến hành thức tập trung trong khi hạnh phúc hay sung sướng là kinh nghiệm thực sự của hạnh phúc tinh thần do thức tập trung mà có (còn tiếp). 🌻



Viếng thăm Myanmar xứ sở của Xá lợi Phật

(tiếp theo). Người thầy đầu tiên đưa tôi đến với Đạo Phật là cố Thượng tọa Thích Viên Thành, trụ trì chùa Hương nổi tiếng. Tôi được may mắn biết đến thầy trong những năm 1996 – 1997. Sau khi thầy mất đi, tôi thành một Phật tử bơ vơ. Nhưng cũng bởi vậy tôi mới tìm đến Phật giáo Nguyên thủy. Và ngày nay, sau khi có một chút ít trải nghiệm, tôi thấy rằng Phật giáo Nguyên thủy với bộ kinh Nikaya là rất quan trọng và cơ bản. Tôi càng ghi nhớ sâu sắc rằng kinh tạng Nikaya (gốc từ tiếng Pāli) và kinh A Hàm (gốc từ tiếng Hán) là những bộ kinh thuộc Phật giáo truyền thống chứa đựng những gì Đức Phật đã dạy suốt trong 45 năm hoằng pháp là vô cùng cần thiết, không thể thiếu cho những ai mới bắt đầu học Phật hay nghiên cứu đạo Phật.

Tôi nói đến chuyện này bởi điều rất thú vị rằng Phật giáo Đại thừa vào Myanmar từ rất sớm. Tuy nhiên, ngày nay Myanmar lại là quốc gia Phật giáo Nguyên thủy, rằng ở những nước này phụ nữ không được quyền xuất gia (họ chỉ có thể thành tu nữ và giữ 8 giới mà thôi).

Đến Myanmar tôi thấy có những nét rất Ấn Độ. Đến đây bạn sẽ gặp những người dân hiền lành và rất tốt bụng. Cá nhân tôi mạo muội đưa ra kết luận:

Ở đâu có Phật giáo, ở đó người dân đều hiền lành và sống rất đức độ. Thực ra, cũng rất đơn giản thôi bởi đã là Phật tử thì chúng ta phải có Pháp danh, phải giữ giới. Mà nếu mỗi chúng ta giữ tốt 5 giới: không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không sử dụng rượu bia và các chất kích thích thì xã hội tươi đẹp biết nhường nào.

Năm ngày ở đất nước rộng lớn và có quá nhiều chùa và thiền viện như Myanmar là quá ít. Thông qua 7 bài viết nhỏ này không thể toát lên một phần



Thiệu Đức - Nguyễn Mạnh Hùng





Ngài Tam Tạng thứ 5 của Myanmar không có ý định xuất dương hoằng pháp ở nước ngoài, ngài chỉ hoằng pháp tại Myanmar

nhỏ về đất nước vĩ đại và đáng yêu này. Hơn nữa có những cảm nhận, những quan sát không thể miêu tả thành lời, khó thể dùng bút mực để viết ra.

Myanmar giáp biên với năm quốc gia là Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan, Lào và Bangladesh, trong đó có đến 2 quốc gia lớn. Myanmar là đất nước đa sắc tộc. Quốc gia lớn thứ 2 Đông Nam Á này thật bình an và tôi bị cuốn hút lạ kỳ bởi lòng tin ngưỡng Phật của mỗi người dân nơi đây. Họ có mức sống thấp hơn Việt Nam ta nhưng chùa được lát vàng khắp nơi, được gắn kim cương và đá quý ở mỗi chùa. Tất cả những nơi này hầu như không có cảnh sát hay bảo vệ, nhưng không hề bị đánh cắp dù thời gian đã trôi đi hàng trăm, thậm chí hàng ngàn năm.

Tôi cứ nghĩ mãi về giới thứ 2: không trộm cắp. Trộm cắp là lấy đồ đạc của người khác mà không được phép. Tôi tự nhiên nghĩ đến từ "nhặt được" trong tiếng Việt, nhất là cụm từ "nhặt được của rơi". Tôi biết rằng phần lớn người Việt Nam ta ra đường nếu thấy một vật bị rơi, bị bỏ quên là tự động cho vào túi, cho như là may mắn vì nhặt được của rơi. Tuy nhiên, chúng ta cũng nên biết rằng, tại nhiều quốc gia, nếu những gì bạn đánh rơi ở đâu sẽ còn nguyên nơi đó, hay ít nhất là người ta sẽ mang đến đồn cảnh sát để nộp. Tôi bị ấn tượng mạnh nhất khi xem những thước phim về đất nước Nhật Bản sau động đất và sóng thần, khi tiền rơi từng tập, từng nắm ngoài phố mà không ai lấy. Đơn giản bởi họ biết rằng đó không phải của họ, nếu lấy tức đã phạm giới ăn cắp. Đọc đến đây chắc bạn sẽ giật mình khi thấy cảnh ở Việt Nam, người ta xô nhau "hôi của" khi xe chở hàng chẳng may gặp tai nạn. Bạn cũng giật mình khi đôi dép có thể bị mất, chiếc xe chưa kịp khóa có thể không còn chỉ sau vài phút.

Người Myanmar cũng ăn cơm như chúng ta. Họ

hiện nay vẫn đang nhai trầu như ông bà ta ngày trước. Tôi không thấy ngạc nhiên khi họ quần xà rông thay cho mặc quần (mà nhiều người nói rằng đàn ông Myanmar mặc váy). Tôi liền nghĩ về nguyên nhân quần xà rông: Có thể họ là Phật tử nên đã ứng dụng từ cách đắp y của Đức Phật ngày xưa và các nhà sư Nam tông ngày nay thành việc quần (đắp) một tấm vải che thân một cách khéo léo và thông minh. Dù sao tôi cũng thấy tiện (trên thực tế từ khi còn là sinh viên năm thứ nhất lưu học sinh bên Nga, tôi được sống với một bạn có tên là Ganga, tức sông Hằng, người Ấn Độ. Bạn này cũng quần xà rông như vậy khi ở nhà. Tôi cũng học theo và từ đó chuyên mua các khăn tắm cỡ lớn để quần vào người sau khi tắm. Và sau này, nhiều khi ở nhà một mình vẫn chỉ quần chiếc khăn tắm cỡ lớn để sinh hoạt và làm việc. Thấy rất thoải mái và tuyệt vời).

Mười năm trước đây chính phủ Myanmar chính thức cho khách du lịch vào thăm quan. Năm 2006 có ¾ triệu khách du lịch đến xứ sở của xá lợi Phật quyền rũ này. Còn ngày nay, chúng ta có thể bắt gặp giọng nói tiếng Việt tại rất nhiều nơi trên đất nước Myanmar. Tôi khá ngạc nhiên khi có những người bản xứ có thể bập bẹ nói được tiếng Việt. Thậm chí một vài thành viên trong đoàn tôi còn tiêu được cả tiền Việt ở đó.

Myanmar với 135 sắc tộc chung sống và họ có chung niềm tin: Đạo Phật. Tôi cảm nhận rằng, hình như những giáo lý căn bản: Tứ diệu đế, Bát chánh đạo, Thập nhị nhân duyên, Vô ngã... ngấm sâu vào mỗi con người nơi đây. Vào siêu thị hiện đại nhất Yangon ta cũng được nghe kinh Phật. Ảnh và tượng Phật có khắp mọi nơi.

Bạn cũng nên biết rằng mùa chay Phật giáo cũng được ghi trên lịch của người Myanmar là ba tháng mùa mưa, tức từ tháng 7 đến tháng 10 dương lịch. Rất rõ ràng và công khai.

Trong chuyến hành hương, cả đoàn được chứng kiến rất nhiều nhà sư đi khất thực. Rất thích thú khi các bạn trẻ trong đoàn nhìn thấy những nhà sư còn rất ít tuổi, rất hồn nhiên và đáng yêu. Ở xứ Miến này, xuất gia là một vinh hạnh, là tuyệt vời. Và hầu như mỗi người dân đều tìm cơ hội để được xuất gia gieo duyên và tìm cách để con cháu mình được thành nhà sư. Tôi nhớ lại chuyện một em đồng nghiệp của tôi xuất gia mà mẹ của em phải... ngắt để... nhập viện. Họ hàng của em và hàng xóm cho rằng nuôi con khôn lớn và thêm bốn năm học đại học để mà... mất con! Tôi thấy tiếc thay cho sự ấu trĩ và si mê của họ. Thay vì vui mừng, hạnh phúc họ lại biến những điều tuyệt diệu này thành bất hạnh và đau khổ. Tôi mơ ước để họ có thể có mặt trên đất nước Myanmar dù



chỉ một ngày hay một giờ.

Người ta hay gọi Campuchia hay Thái Lan là đất nước chùa tháp. Tuy nhiên, những ai đến Myanmar rồi mới thấy rằng đây mới thực sự là đất nước chùa tháp. Chúng ta, ai cũng đã được ngắm Phật Ngọc tại Bàng Cốc và Phnom Penh rồi nhưng bạn chưa biết rằng ngọc ở Myanmar mới nhiều nhất, quý nhất, đẹp nhất và đắt tiền. Ngay tại thành phố Bagan đã có đến hơn 4.000 ngôi chùa và chỉ tính riêng lượng vàng, ngọc, đá quý, kim cương ở đây thôi thì đã là rất lớn rồi.

Tôi cũng nghĩ về những ngôi chùa được xây ở những nơi rất cao, trên những đỉnh núi chót vót, đường sá rất hiểm trở (như chùa Núi Vàng Golden Rock chẳng hạn). Tôi trộm nghĩ, phải xây cất ở những nơi như vậy mới có thể bảo tồn được những báu vật của quốc gia và của cả loài người. Tôi vẫn nhớ rõ những ngọn tháp cất giữ xá lợi Phật được cấu trúc liền khối hình nón. Tôi không thể quên ngôi chùa có xá lợi xương của Đức Phật được thiết kế hình tròn để bất cứ Phật tử nào có thể hướng về phía trung tâm có xá lợi để lễ và tụng kinh. Thật nghiêm trang và linh thiêng.

Sân bay Yangon lớn nhất Myanmar mà nhỏ lắm. Nhỏ hơn cả sân bay Nội Bài của Việt Nam. Chúng tôi rời Myanmar trong sự tiếc nuối. Chúng tôi để lại phía sau những bước chân của mình. Dấu chân của 32 thầy trò chúng tôi vẫn còn lưu lại nơi đây. Hơn thế nữa, tôi tin rằng những đóa hoa thơm, những nén hương thơm mà đoàn dâng lên Đức Phật vẫn còn đang thơm mãi. Bởi chúng tôi làm tất cả từ tâm của mình: rất thành tâm, từ tâm.

Khi tôi viết xong bài cuối cùng, tôi thấy mình càng yêu đất nước Việt Nam hơn. Tôi tin rằng Đạo Phật tại đất nước của Phật Hoàng Trần Nhân Tông, của thiền sư Khương Tăng Hội nhất định được khôi phục lại và phát triển. Tôi mơ về đất nước ta với đạo Phật tái hiện rực rỡ như thời Lý Trần. Niềm vui lớn lao nữa mà tôi muốn chia sẻ là cuốn sách thứ 2 trong số 6 cuốn sách do tôi viết với tên "Tâm từ tâm" cũng đã vừa được xuất bản. Đây là món quà từ tâm thành của mình mà tôi muốn dâng lên Đức Phật. Ngay khi có mặt ở Việt Nam, tôi sẽ mang hai cuốn sách này dâng lên bàn thờ Tam Bảo, nơi thờ xá lợi Phật tại nhà và cơ quan của tôi, Thái Hà Books.

Nhất định sẽ quay lại Myanmar! Nhất định. (hết). 🍀

(tiếp theo trang 34)

giảng pháp bắt đầu từ những chúng sanh hữu duyên giác ngộ. Ngài là vị thầy của trời người không ai sánh bằng nên Ngài biết cách nào, phương pháp nào để hướng dẫn hàng đệ tử thực hành theo một cách dễ dàng và dễ hiểu. Chúng ta sẽ bắt gặp nhiều bài kinh mà Thế Tôn thuyết giảng về cách dạy ngựa rai rác trong kho tàng Pháp Bảo. Điển hình như là:

Một lúc nọ, có chàng thanh niên tên Kesi, là người huấn luyện ngựa, đi đến yết kiến với Thế Tôn và Đức Thế Tôn đã hỏi thanh niên Kesi về phương pháp huấn luyện ngựa như thế nào. Được hỏi như thế, thanh niên Kesi đã trả lời: "Bạch Thế Tôn, con thường chia ngựa ra làm bốn loại:

1. Loại được nhiếp phục bằng lời mềm mỏng.
2. Loại được nhiếp phục bằng lời thô ác.
3. Loại được nhiếp phục bằng lời mềm mỏng lẫn thô ác.
4. Loại bất trị, không thể nhiếp phục nổi. Với loại này thì chỉ còn cách đem giết thịt để khỏi mất danh dự cho gia đình thầy của con".

Trả lời xong, Kesi bạch hỏi Phật về phương pháp dạy dỗ hàng môn đệ của Ngài. Bậc Đạo Sư đáp rằng, Ngài cũng chia hàng đệ tử ra làm bốn loại:

1. Hàng người được dạy dỗ bằng lời mềm mỏng: khi được chỉ dạy về các việc thiện của thân, khẩu, ý cùng các quả báo tương ứng ở cõi trời, người, họ liền tinh cần tu tập.
2. Hàng người được dạy dỗ bằng lời cứng rắn: khi được chỉ dạy về các hành động bất thiện của thân, khẩu, ý, cần nên tránh vì chúng sẽ đưa đến quả báo tương xứng nơi ba đường ác.
3. Hàng người được dạy dỗ bằng lời mềm mỏng lẫn cứng rắn: bao gồm cả hai lối trên.
4. Hàng người bất trị, không thể dạy dỗ bằng lời mềm mỏng hay cứng rắn, thì đành phải giết đi.

Nghe đến đây, Kesi hốt hoảng hỏi:

- Nhưng bạch Thế Tôn, sát sanh không xứng đáng với Thế Tôn.

- Này chàng trai, trong Giáo pháp của Ta, giết đi chỉ có nghĩa là con người này, trong Giới luật của bậc Thánh, bị Như Lai nghĩ rằng không đáng được nói đến, không đáng được giáo giới, bị các vị đồng phạm hạnh có trí nghĩ rằng không đáng được nói đến, không đáng được giáo giới⁽⁸⁾ (còn tiếp). 🍀

8. A.ii.112 (Tăng Chi Bộ Kinh, Chương Bốn Pháp, Phẩm Kesi, Kinh Kesi).



Phỏng vấn Phó Giáo sư Tiến sĩ Võ Văn Sen về Hội thảo Khoa học “Phật Giáo Nguyên Thủy Trong Kỷ Nguyên Toàn Cầu Hóa”

Lời giới thiệu: Lần đầu tiên, ở TP. HCM, Hội thảo khoa học “Phật giáo Nguyên thủy trong kỷ nguyên toàn cầu hóa” sẽ được tổ chức tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân Văn. Nhằm giúp bạn đọc có thêm thông tin về hội thảo, chúng tôi đã phỏng vấn PGS.TS. Võ Văn Sen – Hiệu trưởng Trường Đại học KHXH & NV - ĐHQG - TP. HCM đồng Trưởng ban Tổ chức Hội thảo.

PV Quang Duyên: Thưa PGS-TS Võ Văn Sen, xin giáo Sư vui lòng cho biết mục đích tổ chức Hội thảo “Phật giáo Nguyên thủy trong kỷ nguyên toàn cầu hóa”?

PGS-TS Võ Văn Sen: Như chúng ta biết Phật giáo Nguyên thủy hay còn gọi Phật giáo Nam Tông chính thức được người Việt tiếp thu thành một hệ phái Phật giáo vào năm 1938, không kể những truyền bá từ xưa tới nay. Như vậy, năm 2014 là năm kỷ niệm 76 năm hệ phái Phật giáo Nguyên thủy có mặt tại Việt Nam. Năm 2014 cũng là năm Phật giáo Việt Nam đăng cai tổ chức đại lễ Phật Đản Vesak tại chùa Bái Đính, tỉnh Ninh Bình, cũng là thời điểm tốt để tổ chức Hội thảo Phật giáo Nguyên thủy. Phật giáo Nguyên thủy có nhiều vấn đề cần nghiên cứu làm rõ những đặc điểm. Chẳng hạn như: Triết lý triết học Phật giáo Nguyên thủy, tư tưởng nhập thế của Phật giáo Nguyên thủy, mối quan hệ của Phật giáo Nguyên thủy Nam bộ với Phật giáo Nguyên thủy Nam tông Khmer Nam Bộ và Phật giáo Nguyên Thủy ở các nước Đông Nam Á. Rất nhiều bản sắc độc đáo của Phật giáo Việt Nam và Phật giáo Nguyên thủy mà những nhà khoa học cần nghiên cứu làm rõ. Bây giờ vẫn có những học giả gọi Phật giáo Nguyên thủy là Phật giáo tiểu thừa. Mặc dù



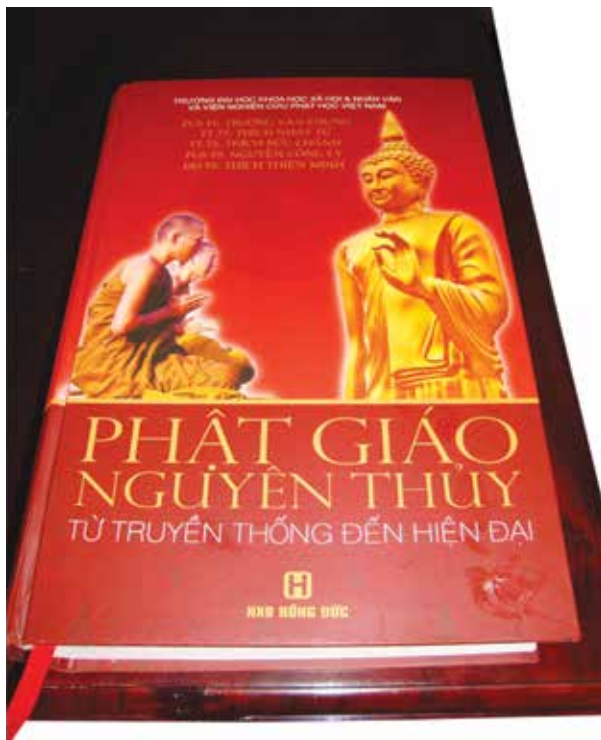
PGS-TS Võ Văn Sen

năm 1951 tại Đại hội Phật giáo thế giới ở Tích Lan đã đề nghị không gọi danh xưng Phật giáo tiểu thừa nữa. Tóm lại, nhiều vấn đề về triết lý, cách tu hành của Phật giáo Nam tông và Phật giáo Bắc tông khác nhau như thế nào, trong đó đóng góp vào bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam ra làm sao... những vấn đề đó cần phải được làm rõ. Đó là lý do của hội thảo khoa học “Phật giáo Nguyên thủy trong kỷ nguyên toàn cầu hóa” sẽ được tổ chức vào ngày 18/1/2014 tới đây.

PV Quang Duyên: Thưa PGS- TS Võ Văn Sen, xin ông vui lòng cho biết những nội dung chính của hội thảo và đối tượng tham gia?

PGS-TS Võ Văn Sen: Hội thảo khoa học “Phật giáo Nguyên thủy trong kỷ nguyên toàn cầu hóa” bao gồm các nội dung sau đây: Phật giáo Nguyên thủy - Những vấn đề triết học; Phật giáo Nguyên thủy Hội nhập và phát triển; Phật giáo Nguyên thủy





ở Đông Nam Á và Việt Nam. Hiện nay có 90 bài tham luận được gửi đến Ban tổ chức, trong đó 80 bài chọn đăng trong kỷ yếu và có 39 bài sẽ trình bày tại hội thảo. Hội thảo này là sự hợp tác giữa Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam do Hòa thượng Thích Trí Quảng làm Viện Trưởng và Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc Gia - TP. HCM.

Đối tượng tham dự Hội thảo là các tu sĩ Phật giáo Nam tông, các Phật tử ở Việt Nam. Dự kiến sẽ có hơn 200 tu sĩ Phật giáo, khoảng 100 Phật tử, 200 Thầy cô giáo và các sinh viên Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân Văn TP. HCM tham dự hội thảo.

PV Quang Duyên: Thưa PGS-TS Võ Văn Sen, như vậy tại hội thảo, còn có những hoạt động gì khác không?

PGS-TS Võ Văn Sen: Chúng tôi cũng có tổ chức những hoạt động khác như triển lãm “Đất nước con người Việt Nam với Phật giáo” trưng bày 48 bức tranh của 21 họa sĩ thuộc Hội Mỹ Thuật TP.HCM. Các họa sĩ này vốn là Phật tử. Ngoài ra, Hệ phái Phật giáo Nguyên thủy TP. HCM cũng trao tặng 14 suất học bổng, mỗi suất trị giá 2.500.000 đồng cho các Sinh viên học giỏi vượt khó thuộc hai trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân Văn và Trường Đại học Sư Phạm TP. HCM.

PV Quang Duyên: Thưa PGS, nói đến tôn giáo là nói đến văn hóa. Xin PGS vui lòng cho biết ông nghĩ gì về văn hóa Phật giáo Nguyên thủy?

PGS-TS Võ Văn Sen: Có thể nói đây là lần đầu

tiên nhà trường phối hợp với Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tổ chức Hội thảo khoa học về Phật giáo Nguyên thủy Việt Nam. Phật giáo Nguyên thủy cũng như các hệ phái Phật giáo khác ở Việt Nam, mỗi hệ phái đều có nét đặc biệt, có cái hay cái đẹp riêng. Ví dụ Phật giáo Nguyên thủy có phương pháp thiền rất độc đáo, không chỉ ngồi thiền mà có thể đi thiền, đứng thiền, nằm thiền....Tôi cho rằng đó là chiều sâu độc đáo trong cách tu hành của Phật giáo Nguyên Thủy. Qua những nghiên cứu của các nhà khoa học, mọi người sẽ hiểu rõ thêm về Phật giáo Nguyên thủy. Một điều nữa là chúng ta sẽ biết thêm về vai trò, ảnh hưởng của Phật giáo Nguyên thủy trong việc đóng góp vào đời sống văn hóa của con người, đất nước Việt Nam hiện nay. Phật giáo Bắc tông thời Lý Trần rất nổi tiếng với thiền tông độc đáo của Trần Nhân Tông. Vậy nếu hai cái độc đáo này hòa trộn sẽ giúp cho đời sống con người Việt Nam tốt đẹp hơn, thanh tịnh hơn. Tôn giáo chính là văn hóa. Tôn giáo phát triển sẽ hạn chế những



điều ác giúp cho con người sống đạo đức hơn. Giá trị lớn lao của văn hóa là tạo nên cơ sở đạo đức của con người. Phật giáo Bắc tông hay Phật giáo Nam tông trước hết là giáo dục đạo đức cho con người, làm cho quan hệ giữa người và người hết sức tốt đẹp, hạn chế điều ác. Trong việc xây dựng đất nước hiện nay cần xây dựng đạo lý nền tảng đạo đức cho con người trước những điều ác. Điều đó Phật giáo Nguyên thủy cũng như những tôn giáo khác chắc chắn sẽ có những đóng góp tốt đẹp. Ai cũng có một niềm tin tôn giáo. Đã là tôn giáo thì nó chính là văn hóa. Văn hóa là nét đẹp Chân - Thiện - Mỹ cho con người. Vì vậy, Phật giáo Nguyên thủy hay còn gọi là Phật giáo Nam tông là một bông hoa đẹp, một tôn giáo đặc sắc đem đến Chân Thiện Mỹ cho con người.

PV Quang Duyên: Xin cảm ơn PGS-TS Võ Văn Sen đã dành thời gian cho Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy. Kính chúc PGS-TS luôn an vui. 🙏



20 câu nói đáng suy ngẫm về LÒNG TIN

Haley (*)

1. Niềm tin giống như một tấm gương, bạn có thể lắp ráp lại khi nó bị vỡ nhưng cuối cùng bạn vẫn cứ nhìn thấy sự hiện diện của những mảnh vỡ trong sự phản chiếu đầy ngu ngốc (Lady Gaga).

2. Khi một ai đó kể cho bạn nghe về những vấn đề họ mắc phải, đó không có nghĩa là họ đang phàn nàn, mà có nghĩa là họ tin bạn.

3. Không ai biết sau đó mọi chuyện sẽ xảy ra như thế nào nhưng chúng ta vẫn đi về phía trước. Bởi vì chúng ta có lòng tin và sự trung thực (Paulo Coelho).

4. Tôi không buồn khi bạn lừa dối tôi. Tôi buồn vì từ bây giờ tôi không thể tin bạn được nữa (Friedrich Nietzsche).

5. Lòng tin bắt đầu và kết thúc với sự thật (Santosh Kalwar).

6. Bạn có thể bị lừa dối nếu bạn tin tưởng quá nhiều, nhưng bạn không thể tồn tại nếu bạn không có lòng tin (Frank Crane).

7. Tình yêu sẽ đến với những ai vẫn hy vọng dù từng thất vọng, vẫn tin tưởng dù từng bị phản bội, vẫn yêu thương dù từng bị tổn thương.

8. Tin tưởng chính mình và bạn sẽ dẫn tin tưởng những người khác (Santosh Kalwar).

9. Lòng tin giống như một tờ giấy, một khi nó đã bị nhàu nát thì không bao giờ được phẳng phiu trở lại.

10. Thứ đắt giá nhất trên thế gian này là lòng tin. Nó phải mất hằng năm để có được, nhưng nó cũng sẽ bị đánh mất chỉ trong vài giây.

11. Tôi không tin tưởng một ai một cách dễ dàng, vì thế khi tôi nói "Tôi tin bạn", làm ơn đừng làm tôi hối hận vì điều đó.

12. Sự tin tưởng, một khi đã mất đi thì không hề dễ dàng để lấy lại, có thể cần đến một năm nhưng cũng có thể cần cả cuộc đời! (J.E.B. Spredeman).

13. Lòng tin giống như một cục tẩy, nó sẽ mòn dần sau mỗi lỗi sai mà ta mắc phải

14. Không bao giờ lừa dối những người luôn tin tưởng bạn và không bao giờ tin tưởng những người luôn lừa dối bạn.

15. Tôi sẽ tha thứ nhưng tôi sẽ không quên. Tôi hy vọng bạn biết bạn đã đánh mất sự tôn trọng của tôi.

16. Vượt lên phía trước là một công việc đòi hỏi lòng tin tưởng khát khao vào bản thân. Đó là vì sao vài người với tài năng tầm thường nhưng có chí tiến thủ lớn lao lại đi xa hơn nhiều những người với tài năng vượt trội hơn hẳn (Sophia Loren).

17. Niềm tin là một thứ khó tìm nhất nhưng cũng là thứ dễ mất nhất.

18. Tình yêu chẳng có nghĩa lý gì nếu không có sự tin tưởng.

19. Đôi khi cuộc đời sẽ ném gạch vào đầu bạn. Đừng đánh mất niềm tin (Steve Jobs).

20. Sự trung thành với chính mình cần thiết cho hạnh phúc của mỗi người. Thiếu trung thành không nằm ở việc tin hay không tin mà nằm ở việc tự cho là mình tin điều mình không tin (Thomas Paine).

(*) dịch từ Goodreads



PHẬT GIÁO CAMPUCHIA và Kết quả tổng tuyển cử năm 2013

Minh Thạnh

(tiếp theo) YẾU TỐ “SAMRAINSY” VÀ NGUY CƠ PHÂN HÓA PHẬT GIÁO CAMPUCHIA

Sam Rainsy đặt một vết đứt gãy lên Phật giáo Campuchia, vốn ngày càng trở nên nhạy cảm với chính trị. Điều này diễn ra trong bối cảnh hố ngăn cách giữa phái Maha Nikaya và phái Dhammayitika Nikaya đang từng bước lấp bằng, hệ quả của việc xích lại gần giữa Đảng Nhân dân Campuchia và Hoàng Gia, cũng như đảng Bảo Hoàng.

Từ năm 2004, Đảng Nhân dân Campuchia đã liên hiệp lập chính phủ với Đảng Bảo Hoàng. Trong khi từ năm 2008, Sam Rainsy trở thành đảng đối lập chính trị, luôn trong thế căng thẳng với Đảng Nhân dân Campuchia cầm quyền.

Sam Rainsy và đối thủ của ông, thủ tướng đương nhiệm Hun Sen, đều cùng là Phật tử. Và cả hai cùng cố khai thác Phật giáo Campuchia vào bàn cờ chính trị của mình. Nhưng lần này, tình huống đặt đến những cao trào mới, so với thời Hun Sen đấu với Norodom Ranadrid (lãnh đạo đảng Bảo Hoàng Funciep). Từ đó, Phật giáo Campuchia đối diện

với những nguy cơ phân hóa mới hết sức nghiêm trọng.

Đảng Nhân dân Campuchia ra sức củng cố hình ảnh một chính quyền hộ pháp, với đóng góp khôi phục Phật giáo, góp phần đưa Phật giáo lên vị trí quốc giáo của Campuchia... Sự hậu thuẫn của Đại Tăng thống và quý vị tôn đức cao niên được Đảng Nhân dân Campuchia tranh thủ tối đa. Cơ sở của hoạt động tranh thủ là chùa chiền, nhưng dựa vào tầng lớp giáo phẩm trưởng lão và những Phật tử đứng tuổi, những người chứng kiến công lao cứu nước của Đảng Nhân dân Campuchia, cũng như vai trò của thủ tướng Hun Sen.

Sam Rainsy cũng dựa vào chùa chiền, nhưng dựa vào tầng lớp tăng sĩ trẻ, những người không trải qua biến cố diệt chủng Campuchia, nhưng dễ kích động trước những vấn đề hiện tại của xã hội Campuchia.



Cơ chế lãnh đạo tinh thần của giới tăng sĩ và cư sĩ Phật giáo cao niên đối với làng quê Campuchia là chỗ dựa của Đảng Nhân dân Campuchia. Thế nhưng, tính năng động của những vị tu sĩ Phật giáo trẻ lại là chỗ mà Đảng Cứu Quốc Campuchia (CNRP), liên minh tranh cử giữa 2 đảng đối lập là Đảng Sam Rainsy và Đảng Nhân Quyền (do Kem Sokha lãnh đạo).

Mục từ "Phật giáo Campuchia" Wikipedia tiếng Anh đã có một phần riêng, nói về Phong trào "các tăng sĩ trẻ" (Young Monks), Movement là nói đến hiện trạng phân hóa này của Phật giáo Campuchia: "Many of these young monks are associated with opposition figure Sam Rainsy and his political party, the SRP".

Sự phân hóa lên đến mức mục từ nói trên ghi nhận tăng sĩ trẻ biểu tình ở Phnom Penh. Còn giáo phẩm Maha Nikaya thì "lên án hoạt động chính trị kêu gọi việc bắt giữ một số tu sĩ và buộc hoàn tục những người khác".

Mâu thuẫn đã lên đến mức gay gắt như thế, nhưng đây chỉ mới là việc mà Wikipedia tiếng Anh trích dẫn tài liệu từ năm 2011.

Xung đột chính trị đã trở thành xung đột chính trong lòng Phật giáo Campuchia: Tăng trẻ đi biểu tình chính trị, hòa thượng kêu bỏ tù tăng sinh, buộc hoàn tục... Thật là những dấu hiệu chẳng lành cho Phật giáo Campuchia!

Trong khi đó, khi Kem Sokha còn là người ôn hòa, thì Sam Rainsy hành động quá khích và nguy hiểm. Ông ta luôn giương cao chiêu bài chống Việt Nam, rồi bày ra nhiều trò rất cực đoan, như chuyện nhổ cột mốc biên giới Campuchia – Việt Nam để quay phim tung lên mạng, hô hào sửa bản đồ, bịa đặt đòi đất v.v...

Trước đó, ông này cũng đã bị tố cáo âm mưu ám sát thủ tướng Hun Sen, toan tính tổ chức biểu tình chiếm trụ sở chính phủ như trong cách mạng màu!

Vì vậy, việc Sam Rainsy lôi kéo được nhiều tăng sĩ trẻ về dưới trướng: "Many of these young monks are associated with opposition figure Sam Rainsy and his political party, the SRP", là điều cực kỳ nguy hiểm. Nó đưa Phật giáo Campuchia đến nguy cơ, tăng lão theo một đảng, tăng trẻ theo đảng đối lập, rồi xung đột nhau chính trong lòng Phật giáo Campuchia.

Những tác giả mục từ "Buddhism in Cambodia" của Wikipedia viết có phần thiên vị, đổ lỗi cho phái Maha Nikaya và bên vực Sam Rainsy. Thực ra, Sam Rainsy là tay gian hùng chính trị, kích động

thù hằn dân tộc, gieo rắc mâu thuẫn trong lòng Phật giáo Campuchia.

Trước tổng tuyển cử năm 2013, thủ tướng Hun Sen đã nói tới nguy cơ nội chiến trước những mâu thuẫn chính trị. Viễn ảnh nội chiến với Phật giáo Campuchia cũng bị chia làm 2 bên quả là một đại thảm họa Phật giáo!

Những hình ảnh trên kênh France 24 đưa tin về cuộc tổng tuyển cử 2013 ở Campuchia xem mới rợn người: đám đông thanh niên bạo động đốt một xe cảnh sát, trong đó lại có nhà sư trẻ.

HỆ QUẢ SAU TỔNG TUYỂN CỬ 2013

Theo báo Tuổi Trẻ, ngày 29/7/2013, thì theo kết quả kiểm phiếu sơ bộ cuộc bầu cử Quốc hội khóa 5 Campuchia, đảng Nhân dân Campuchia giành được 68 trên tổng số 123 ghế tại Quốc hội, nhưng mất 22 ghế, Đảng Cứu quốc Campuchia (CNRP) được 55 ghế, tăng 26 ghế.

Kết quả như vậy, tuy Đảng Nhân dân Campuchia giành thắng lợi, nhưng số ghế giảm sút. Vị thế của đảng đối lập mạnh lên. Điều đó có nghĩa căng thẳng chính trị sẽ gia tăng.

Đảng Cứu Quốc Campuchia đối lập lại liên tục tố cáo bầu cử gian lận, nói họ thực ra giành được 66 ghế, đe dọa biểu tình chống kết quả bầu cử... càng làm căng thẳng hơn mâu thuẫn xã hội! Còn các đài phát thanh nước ngoài đưa tin đã thấy xe tăng trên đường phố Phnom Penh.

Với bối cảnh chính trị như thế, trong tình huống Phật giáo Campuchia chia rẽ, thì quả là Phật giáo Campuchia đang tiến gần tới một bờ vực. Điều nguy hiểm là đường đứt gãy lại đi theo độ tuổi già/trẻ của tăng sĩ Campuchia.

Lại càng nguy hiểm hơn nữa khi vấn đề đã không có biện pháp gì để giải quyết. Kêu gọi để có việc bắt giữ tăng sĩ trẻ hay bắt họ hoàn tục là đổ dầu vào lửa, càng kích thích thêm tăng sĩ trẻ Campuchia đi theo Sam Rainsy, càng gây bất mãn nơi các tăng sĩ trẻ với các giáo phẩm trưởng thượng gắn bó với Đảng Nhân dân vì giới cao niên hiểu rõ cốt lõi của đảng này.

Cũng phải coi chừng cả việc ông Sam Rainsy tập hợp những vị tăng trẻ Campuchia ủng hộ ông ta lập nên một giáo phái riêng nữa, rồi đẩy vào cuộc đại xung đột mà ông ta đang chuẩn bị.

Kết quả tổng tuyển cử với vị thế mới của Sam Rainsy đã như là thêm lửa vào dưới một nồi nước đang sôi, mà trong nồi nước đó có Phật giáo Campuchia. (hết).☀





Chúc Tết

Huệ Trắng

Mừng nay năm mới sắp sang
Con đây kính chúc các hàng chư Tăng
Phước đức thì tăng bội phần
Sống trong an lạc không cần lo chi
Còn đây đến lượt các Ni
Trí tuệ càng tiến phước thì càng tăng
Còn các Phật tử xa gần
Làm ăn phát đạt được phần gấp đôi.

Xuân Vui

Hiền Khánh (Hoa Huệ)

Xuân về nhẹ bước thiên nhiên
Thả hồn cảm xúc gắn liền ý thơ
Với bao ước vọng mong chờ
Nam tông Phật giáo bất ngờ ngát hương
Mai vàng rực nắng muôn phương
Tăng Ni Phật tử chung đường nhất tâm
Quyết lòng hội thảo uơm mầm
Rao truyền chân lý cao thâm sáng đời
Mừng xuân Giáp Ngọ người ơi
Lục hoà phát triển Tam ngôi nổi dòng
Xuân ấm áp tết an lòng
Lạc hồng dòng giống gieo trồng Thánh Nhân.



Thập Quán Sa môn Hạnh



Giảng sư TS. ĐĐ Thiện Minh

*(tiếp theo) Đến khi sanh mạng vô thường,
Các đồng phạm hạnh tư lương hỏi han.
Xét mình tâm đã bình an
Ra đi chẳng thẹn cùng hàng sa môn*

Người tu ra đi, nếu tu tốt ra đi thanh thản. Người không tu tốt lúc nào cũng biểu hiện tham sân si. Làm trụ trì mặt hầm hầm... không thấy cười... cuối cùng sẽ sống một mình... giống như lửa nóng. Người tu đạt đến chừng mực nào đó thì tâm thông cảm lớn, tâm tha thứ cao nên có thể mình cười, thoải mái, tha thứ, thông cảm được. Người tu là những bậc lãnh đạo tinh thần nên phải có tư cách, đạo hạnh, tâm vị tha. Có buồn cũng phải cười khi gặp mọi người. Nếu họ đến gặp mình để muốn mình chia sẻ nhưng mình than trước rồi thì người ta cũng chẳng dám xin mình một lời khuyên. Những bậc cha mẹ cũng vậy, mình lãnh đạo tinh thần cho con cái thì phải có tư cách đạo hạnh con cái mới nghe lời. Trong kinh Trưởng lão tăng kệ giới thiệu những tấm gương các vị thánh thời Đức Phật, những thánh ni....mỗi người là một tấm gương tuyệt vời, một bài học về cuộc đời của họ. Khi họ thành đạo họ có phương pháp tu rất hay. Hãy tìm đọc "Chú giải Trưởng lão ni kệ" hoặc "Những người con gái của Đức Phật". Trong Trung

Bộ Kinh có bài kinh nói về công tử Ratthapala. Ngài tu thành bậc A La Hán. Một hôm ngài ôm bình bát đến trước nhà mình để khất thực. Ông cha không nhận ra con trai của mình mà chỉ thấy một ông thầy chùa nên sanh tâm ghét, người nhà không ai đặt bát nên ngài bỏ đi. Một lát sau gặp cô gái người làm trong nhà đem cháo thiêu đi bỏ. Ngài nói hãy đổ vô bát của bần đạo. Người tớ gái đem cháo tới đổ vào bát chợt nhìn mặt ruồi trên mặt người tu thấy quen quen, nhìn dưới chân thấy quen quen, nhìn lên mặt thấy quen quen. Người tớ gái bèn chạy về nhà báo tiểu chủ đã về. Ngài đại đức nhận bình bát xong bèn tìm gốc cây ngồi ăn. Nếu người phạm phu thì sẽ tủi lắm vì vốn là dòng dõi giàu sang, về thăm nhà không nhìn mà còn nguyên rửa, nên phải ngồi ăn cháo thiêu, mà cháo đó là của nhà mình. Nhưng đại đức là bậc thánh, ngài nghĩ đến chuyện tế độ nên xem như không có gì xảy ra. Ngài ăn vừa xong thì gia đình kéo nhau đến. Ông cha liền giục bỏ cháo thiêu rồi nói sao đi về thăm nhà mà không vô nhà? Ngài đại đức ôn tồn nhã nhặn nói: Bần đạo bây giờ là vô gia cư, không nhà, sống nhờ bá tánh, đi khất thực là hạnh của sa môn, sống nương mọi người để phá bản ngã. Ông cha nói, thôi mời con đi về nhà.





Đại đức nói để ngày mai. Ông cha hiểu ý nói để ngày mai gia đình mời con về thọ trai. Hôm đó đại đức về vườn thượng uyển ở. Ông cha sai đem châu báu và những người vợ trước kia.... Sáng đó ăn cơm xong ông cha kéo tấm màn ra nói, đây là châu báu....đây là vợ con...hãy kể tục sự nghiệp của ta. Những người vợ nằm níu đại đức. Ngài nói: Đây các hiền tỷ đừng phiền nhiều bần đạo mà mang tội.

Rồi ngài nói một bài kệ: Sắc sẽ tàn úa theo thời gian, những người phạm phu thì còn dính mắc còn những bậc thánh...thì xem đó như là một ổ đầy khổ lụy. Sau đó ngài xoay qua nói với cha: tài sản này nó là một sự lo âu, là chướng duyên phiền não. Có người hiểu ngài thì tỏ ngộ chân lý, người không hiểu thì oán trách.

Đức vua Korreyya biết công tử Ratthapala đã xuất gia, không bị danh lợi, không bị sắc dục và tài sản chi phối. Hay tin một gương thoát tục trong vương quốc của mình nên vua đến gặp ngài đại đức.

Nhà vua nói: Bần đạo được nghe công tử đã đi tu, là đệ tử của đức Gotama, trở về không bị cám dỗ bởi sắc dục, bởi tài sản. Nhưng nguyên do nào đại đức có được.

Ngài đại đức nói: Tâu đại vương, bần đạo đi tu vì được biết thế giới là vô thường đi đến hủy diệt; thế giới là vô hộ vô chủ; thế giới là vô sở hữu, phải từ bỏ tất cả để rồi ra đi; thế giới là thiếu thốn, khao khát, nô lệ cho tham ái, bần đạo được nghe, được hiểu và liễu tri những điều đó từ lời dạy của đức Phật, đó là sự thật của cuộc đời này, cho nên bần đạo đi tu.

Thế giới vô thường đi đến hủy diệt là sao? Ngày xưa Đại vương khỏe mạnh, nay già yếu, tóc bạc, da nhăn, lưng mỏi v.v... Tâu đại vương, đó là thế giới vô thường đi đến chỗ hủy diệt là vậy.

Thế giới vô hộ vô chủ là sao? Không ai làm chủ được mình, mà mình cũng không làm chủ được ai. Đau một mình, mình tự chịu lấy, đâu có ai muốn bệnh nhưng phải bệnh. Tâu đại vương, đó là thế giới vô hộ, vô chủ là vậy.

Thế giới là vô sở hữu phải từ bỏ tất cả để rồi ra đi là sao? Đại vương có bao giờ nghĩ tài sản, sự nghiệp của đại vương sẽ theo và tồn tại với đại vương mãi mãi không? Hay đến lúc nào đó, đến với thế gian hai bàn tay trắng, ra đi cũng hai bàn tay trắng. Tâu đại vương, đó là thế giới vô sở hữu phải từ bỏ tất cả đều rồi ra đi là vậy.

Thế giới là thiếu thốn, là tham ái cho nô lệ là sao? Lòng tham ái con người vô tận. Nếu đại vương nghe nói ở đâu có vương quốc nào, binh mã yếu, đất nước tài nguyên phong phú, có khả năng là đại vương cử tướng lãnh đến đánh phá chiếm đoạt về cho lãnh thổ của mình. Tâu đại vương, đó là thế giới tham ái cho nô lệ là vậy.

Quán thấy thế giới này vô thường, quán thấy không ai làm chủ được mình, quán thấy già bệnh chết, quán thấy lòng tham con người vô bờ bến nên bần đạo mới đi tu.

Ngài đại đức Ratthapala là một vị thánh gương xuất gia rất cao. Quê hương của ngài ở thủ đô New Delhi. Tại quê hương này, Phật thuyết bài kinh Tứ Niệm Xứ.

Chúng tôi có một lần ghé địa điểm xứ Kuru là thủ đô New Dedhi bây giờ, thấy còn những đồi đất hoang dã nơi Phật thuyết kinh Đại niệm xứ là bài kinh rất quan trọng.

Hôm nay quý vị đến hành thiền, nghe pháp. Chúng tôi có duyên lành thuyết pháp về thập quán sa môn hạnh, giúp cho quý vị quán chiếu đời sống tu của mình để làm cho tốt, cho đúng theo giới luật của Phật, đồng thời nhắc nhở chúng ta đúng pháp, đúng luật, tiếp nối truyền thừa của Phật, làm tấm gương cho đại chúng noi theo. Kết quả tu tập của một người tu được biểu hiện nơi cách sống, nơi sự đối xử với mọi người, với chúng sanh ngày càng có đạo đức hơn. Chúng ta thấy người xuất gia ngày càng tinh tế trong phạm hạnh, ngày càng sâu sắc trong oai nghi, ngày càng vị tha trong đối nhân xử thế, chúng ta biết người xuất gia đó là người tu đúng pháp và luật, là người có tiến bộ. Ngược lại, nếu chúng ta thấy người xuất gia còn nhiều hời hợt trong ứng xử với mọi người, còn nhiều gièm pha, lắm chuyện, điêu đảo thị phi, còn nhiều ích kỷ, tham sân si, còn nhiều tính toán lợi ích cá nhân, chúng ta biết người tu ấy chưa có thiền định vững vàng, có thể đổ vỡ thập sa môn hạnh, có thể không đi trọn con đường tu hành đã chọn. Cho nên, Thập sa môn hạnh là bài học đạo đức mà người xuất gia cũng như Phật tử phải nên suy gẫm để những điều Phật dạy về đạo đức, về oai nghi đó biến thành nếp sống hằng ngày của chúng ta. Đây là bài học phạm hạnh Phật dạy cho chúng ta không chỉ đời này mà cho cả đời sau, sau nữa. (hết). 🍌



Ngài Đại sứ Ấn Độ thăm và làm việc tại Trụ sở T.Ư GHPGVN

Tin, ảnh: **Cẩm Vân**



Bà Preeti Saran, Đại sứ Đặc mệnh toàn quyền Ấn Độ tại Việt Nam

Chiều ngày 09/12/Quý Tỵ (09/01/2014), bà Preeti Saran, Đại sứ Đặc mệnh toàn quyền Ấn Độ tại Việt Nam đã đến thăm và làm việc với chư tôn đức Thường trực HĐTS GHPGVN tại trụ sở T.Ư GHPGVN – chùa Quán Sứ - Hà Nội.

Tiếp đoàn có HT.Thích Thanh Nhiễu – Phó Chủ tịch TT HĐTS GHPGVN; HT.Thích Gia Quang – Phó Chủ tịch HĐTS, kiêm Trưởng ban TTTT T.Ư GHPGVN; TT.Thích Đức Thiện – Phó Tổng Thư ký

kiêm Chánh Văn phòng T.Ư.

Tại cuộc gặp mặt Hòa thượng Thích Thanh Nhiễu đã phát biểu hân hoan chào đón chuyến thăm của bà Đại sứ Ấn Độ và chúc cho Nhiệm kỳ công tác của Đại sứ tại Việt Nam đạt nhiều kết quả tốt đẹp.

Đặc biệt, Hòa thượng cũng chia sẻ quan hệ giữa Việt Nam và Ấn Độ đã có nền móng và luôn bền chặt qua các thời kỳ, qua đó tình hữu nghị của Việt Nam và Ấn Độ ngày càng phát triển tốt đẹp.

Bà Preeti Saran cảm ơn sự đón tiếp nồng hậu của Chư tôn đức Thường trực HĐTS GHPGVN và khẳng định, văn hóa Việt Nam và văn hóa Ấn Độ có nhiều sự giao thoa, trong đó Phật giáo là cầu nối gắn kết chặt chẽ tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước.

Bà Đại sứ cũng chia sẻ, tháng 3 tới, đại sứ quán Ấn Độ tại Việt Nam sẽ tổ chức tuần văn hóa Ấn Độ tại Việt Nam. Dự kiến trong chương trình, bên cạnh các hoạt động triển lãm các di sản văn hóa, lễ hội ẩm thực, điểm nhấn đặc biệt sẽ là Festival Phật giáo, với sự hiện diện của các nhà sư Ấn Độ trong nhiều nghi lễ đặc trưng của Phật giáo Ấn Độ như ngồi thiền, đọc kinh...

Bà Đại sứ mong muốn sự kiện này sẽ được GHPGVN ủng hộ, hỗ trợ và phối hợp tổ chức.

Đáp lại đề nghị của bà Đại sứ, Chư tôn đức Thường trực HĐTS GHPGVN cho biết, GHPGVN hoan nghênh những sự kiện văn hóa Phật giáo như thế này và sẽ hỗ trợ trong khả năng của Giáo hội. Hòa thượng Thích Thanh Nhiễu cũng đã có lời mời bà Đại sứ Ấn Độ tới dự Đại lễ Vesak Liên hợp quốc 2014 do GHPGVN tổ chức tại chùa Bái Đính, Ninh Bình vào tháng 5/2014. 🌸



Long trọng khai mạc Hội nghị kỳ 2 khóa VII Giáo hội PGVN

H.Diệu - ảnh: Yên Hà



Chư tôn giáo phẩm thực hiện nghi thức chào Quốc kỳ, Đạo kỳ.

Sáng ngày 4-1-2014, tại Văn phòng II TUGH, thiền viện Quảng Đức, Q.3, TP. HCM đã trang nghiêm, long trọng diễn ra Lễ khai mạc Hội nghị kỳ 2 khóa VII của Trung ương GHPGVN nhằm tổng kết công tác Phật sự 2013, đề ra phương hướng hoạt động Phật sự năm 2014, thảo luận các Phật sự quan trọng của Giáo hội trong nhiệm kỳ VII.

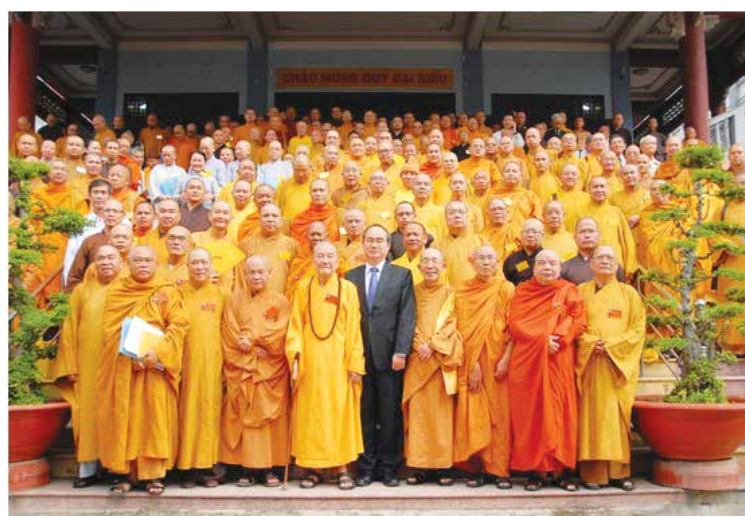
Quang lâm chứng minh và tham dự có sự hiện diện của chư tôn giáo phẩm HĐCM, HĐTS: HT. Thích Thanh Sam, Phó Pháp chủ kiêm Chánh Thư ký HĐCM và chư vị Phó Pháp chủ HĐCM. HT. Thích Chơn Thiện, HT. Thích Thanh Nhiễu - Phó Chủ tịch Thường trực HĐTS, Chủ tọa đoàn cùng hơn 300 đại biểu gồm chư tôn đức giáo phẩm, cư sĩ Ban Thường trực HĐTS; ban, viện T.Ư; BTS GHPGVN tỉnh, thành.

Về phía quan khách có sự hiện diện của ông Nguyễn Thiện Nhân, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQVN; đại diện các ban ngành, đoàn thể Trung ương, TP. HCM: Ban Tôn giáo Chính phủ, Cục An ninh xã hội (Bộ Công An), UBTTƯ MTTQVN, Ban Dân vận T.Ư, UBMTTQVN

TP. HCM, Ban Tôn giáo TP. HCM...

HT. Thích Chơn Thiện đã phát biểu khai mạc nhấn mạnh: "Đây là hội nghị đầu tiên của HĐTS nhiệm kỳ VII, một năm sau Đại hội toàn quốc lần thứ VII với sự tu chỉnh của Hiến chương của Giáo hội. Việc chuẩn bị nội quy, nhân sự, báo cáo hoạt động của năm qua và lập kế hoạch cho năm 2014 của các ban, ngành chuyên môn là Phật sự hết sức quan trọng, quyết định chất lượng của những thành tựu của Giáo hội trong những năm sắp đến. Việc tu chỉnh Hiến chương là kết quả của một quá trình kinh nghiệm và tư duy của tập thể, nhờ đó hoạt động của Giáo hội sẽ thuận lợi hơn, hiệu quả hơn, hứa hẹn những bước phát triển mới, những thành tựu mới tốt đẹp hơn..."

Hòa thượng cũng đặc biệt nhấn mạnh những



Chư tôn giáo phẩm, quan khách chụp ảnh lưu niệm.



Phật sự của nhiệm kỳ VII: Sự kiện quan trọng của GHPGVN là đăng cai tổ chức Đại lễ Vesak LHQ 2014 tại Trung tâm Bái Đính, tỉnh Ninh Bình; thành lập 3 ban mới của Giáo hội, những thành tựu Phật sự trên các lĩnh vực của Giáo hội, chùa chiền được xây dựng trang nghiêm, tự thân mỗi Tăng Ni, Phật tử luôn trau dồi giới định tuệ, đạo đức cá nhân... tạo nên những dấu ấn của Phật giáo. Với những thành tựu đó, Hòa thượng tin tưởng GHPGVN sẽ vững vàng phát triển trong thời kỳ hội nhập.

Tại hội nghị, HT. Thích Thiện Nhơn, Q. Phó Chủ tịch Thường trực kiêm Tổng Thư ký HĐTS đã trình bày báo cáo công tác Phật sự của GHPGVN năm 2013.

Hội nghị cũng đã lắng nghe TT. Thích Đức Thiện, Phó Tổng Thư ký HĐTS kiêm Chánh Văn phòng I TƯGH trình bày phương hướng hoạt động Phật sự năm 2014 của GHPGVN.

Dịp này, HT. Thích Bảo Nghiêm, Phó Chủ tịch HĐTS, đại biểu Quốc hội khóa XIII đã báo cáo sơ lược hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội GHPGVN. HT. Thích Gia Quang, Phó Chủ tịch HĐTS, Trưởng ban Thông tin - Truyền thông T.Ư cũng đã trình bày sơ lược một số thông tin đã đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng liên quan trực tiếp đến Phật giáo trong thời gian qua.

Tiếp đó, HT. Thích Chơn Thiện cũng đã trình bày văn bản phiên họp Ban Thường trực HĐTS GHPGVN và lấy ý kiến biểu quyết của đại biểu tham dự hội nghị, thống nhất suy cử HT. Thích Thiện Nhơn, Q. Phó Chủ tịch Thường trực kiêm Tổng Thư ký HĐTS chính thức đảm nhiệm chức danh Phó Chủ tịch Thường trực kiêm Tổng Thư ký HĐTS GHPGVN.

Phát biểu tại buổi khai mạc Hội nghị, ông Nguyễn Thiện Nhân, Chủ tịch Ủy ban T.Ư MT-TQVN đã ghi nhận những thành tựu trên các lĩnh vực hoạt động Phật sự của Giáo hội, đồng thời đánh giá cao việc Giáo hội đã tham gia hưởng ứng nhiều chương trình hoạt động của các ban ngành, đoàn thể của Nhà nước, địa phương. Qua đó, lãnh đạo Giáo hội, chư tôn đức Tăng Ni, Phật tử đã góp phần xây dựng đời sống đạo đức, xã hội tốt đẹp. Ông cũng mong muốn Giáo hội tiếp tục phát huy truyền thống Phật giáo đồng hành cùng dân tộc hàng ngàn năm qua, tiếp tục thực hiện các chương trình Phật sự hữu hiệu, thiết thực đóng góp vào công cuộc xây dựng, phát triển đất nước trong thời kỳ hội nhập với thế giới. 🌸

Ban Tôn giáo Chính phủ thăm, chúc Tết TƯGH

H.Diệu - ảnh: Lương Hòa



Sáng ngày 18-1, ông Bùi Thanh Hà, Phó Trưởng ban Tôn giáo Chính phủ làm Trưởng đoàn đã đến Văn phòng II TƯGH, Thiền viện Quảng Đức, Q.3, TP.HCM thăm, chúc Tết chư tôn đức giáo phẩm Văn phòng II TƯGH nhân dịp Tết Giáp Ngọ sắp đến.

Đang công tác Phật sự tại tỉnh Sơn La, HT.Thích Thiện Nhơn, Phó Chủ tịch Thường trực kiêm Tổng Thư ký HĐTS đã ủy nhiệm cho HT.Thích Như Niệm, UVTT HĐTS GHPGVN cùng chư tôn giáo phẩm UV HĐTS, chư tôn đức Văn phòng II TƯGH cùng đại diện các ban, ngành T.Ư đón tiếp phái đoàn Ban Tôn giáo Chính phủ.

Tại buổi tiếp thân mật, ông Bùi Thanh Hà đã chúc Tết đến quý tôn đức, lời chúc an lạc, Phật sự viên thành. Ông cũng ghi nhận những đóng góp công tác Phật sự của GHPGVN trong thời gian qua đã góp phần phát triển, xây dựng đời sống xã hội tốt đẹp.

Dịp này, ông cũng bày tỏ, trong năm mới chư tôn đức lãnh đạo GHPGVN sẽ thực hiện tốt các chương trình hoạt động Phật sự, góp phần xây dựng GHPGVN thêm vững mạnh.

Thay mặt chư tôn đức, HT. Thích Như Niệm đã cảm ơn phái đoàn và chúc Tết đến ông Bùi Thanh Hà, gửi lời chúc Tết an lạc đến lãnh đạo Ban Tôn giáo cùng các phòng, ban trực thuộc hưởng một cái Tết cổ truyền bình an, hạnh phúc với nhiều thành công mới.

Hòa thượng cũng bày tỏ trong thời gian tới, Ban Tôn giáo Chính phủ tiếp tục quan tâm, hỗ trợ, giúp đỡ, tạo điều kiện để các hoạt động Phật sự của GHPGVN cũng như hoạt động Phật sự của GHPGVN các tỉnh, thành trong cả nước được hoàn thành tốt đẹp. 🌸



Phái đoàn GHPGVN tham dự hội thảo về Thiền Phật Giáo tại Myanmar

tin: **Đăng Huy**, ảnh: **Lê Hà**

Sáng ngày 13/12/2013, phái đoàn GHPGVN đã sang Yangon, Myanmar tham dự Hội thảo Quốc tế về Thiền Phật giáo do Trường Đại học Hoằng Pháp Phật giáo Nguyên Thủy Quốc tế tổ chức

Được sự đồng ý của Ban Tôn giáo Chính phủ, HĐTS GHPGVN. Phái đoàn GHPGVN gồm TT. Thích Bửu Chánh – UVTT HĐTS – Phó Viện trưởng HVPGVN tại TP. HCM, TT. Thích Tăng Định – giảng viên môn thiền học Phật giáo HVPGVN tại TP. HCM – Phó ban Nghi lễ TW GHPGVN, cùng Phật tử Phước Lộc đã lên đường sang Yangon, Myanmar tham dự hội thảo từ ngày 14 -16/12/2013.

Hội thảo năm nay quy tụ trên 30 học giả của 10 nước trên thế giới và gần 200 học giả, nghiên cứu sinh của Phật giáo Myanmar. Tại hội nghị, TT. Thích Bửu Chánh đại diện cho đoàn GHPGVN trình bày tham luận với chủ đề “Sự ứng dụng Thiền Phật giáo để duy trì đời sống bình an”. Bài tham luận của Thượng tọa đã được các học giả tại hội thảo vô cùng hoan nghênh, cũng như rất hoan hỷ với những phần trả lời câu hỏi đầy sức thuyết phục của diễn giả đoàn GHPGVN.

Được biết, nhân dịp này Thượng tọa Thích Bửu Chánh và Thượng tọa Thích Tăng Định đã có buổi thăm viếng khoảng 50 Tăng Ni sinh Việt Nam đang theo học tại trường Đại học này, và đã cúng dường tịnh tài cho 50 Tăng Ni sinh tại đây, mỗi vị 50 USD. 🙏



TP. HCM: Khai mạc Hội thảo Khoa học “Phật giáo Nguyên Thủy Trong Kỷ nguyên Toàn cầu Hóa”

TN. Quang Duyên

Sáng ngày 18/1/2014 tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn tại TP. HCM, lần đầu tiên, Hội thảo khoa học “Phật giáo Nguyên Thủy trong kỷ nguyên toàn cầu hóa” đã chính thức khai mạc.

Hơn 600 đại biểu là các nhà khoa học, các giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ, giáo viên đến từ Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội, các trường đại học, chư tôn đức giáo phẩm lãnh đạo GHPGVN, chư tôn đức đại diện các ban, ngành, viện, Trung ương Giáo hội, các tu sĩ Phật giáo Nam Tông Kinh và Khmer, các Phật tử ở Việt Nam, các thầy cô giáo và các sinh viên trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân Văn TP. HCM đã tham dự hội thảo.

Hội thảo khoa học “Phật giáo Nguyên Thủy trong kỷ nguyên toàn cầu hóa” bao gồm các nội dung: Phật giáo Nguyên thủy - Những vấn đề triết học; Phật giáo Nguyên thủy Hội nhập và phát triển; Phật giáo Nguyên thủy ở Đông Nam Á và Việt Nam. 90 bài tham luận được gửi đến Ban tổ chức, trong đó 80 bài chọn đăng trong kỷ yếu và 39 bài trình bày tại hội thảo.

Hội thảo lần này là sự hợp tác giữa Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam do Hòa thượng Thích Trí Quảng làm Viện trưởng và trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc Gia - TP. HCM do PGS.TS. Võ Văn Sen làm Hiệu trưởng. Trong phiên khai mạc, PGS.TS Võ Văn Sen - Trưởng ban Chỉ đạo Hội thảo - đọc diễn văn khai mạc. HT.TS Thích Trí Quảng - đồng Trưởng ban Chỉ đạo Hội thảo - đọc diễn văn chào mừng; HT.TS. Thích Thiện Tâm - đồng Trưởng ban Chỉ đạo Hội thảo - phát biểu đại diện Phật giáo Nam Tông Kinh; ông Bùi Thanh Hà - Phó Ban Tôn giáo Chính phủ - phát biểu cảm tưởng. Tiếp theo là hai báo cáo tham luận tại phiên khai mạc của HT. Viên Minh và PGS.TS Trương Văn Chung. Trước khi kết thúc phiên khai mạc, HT. Thích Đức Nghiệp - đức Phó Pháp chủ HĐCM TUGHPGVN - ban đạo từ.

Trong khuôn khổ hội thảo còn có những hoạt động khác như triển lãm với chủ đề: “Đất nước con người Việt Nam với Phật giáo”. Trong phiên khai mạc Hệ phái Phật giáo Nguyên Thủy TP. HCM cũng trao tặng 14 suất học bổng, mỗi suất trị giá 2.500.000 đồng cho các sinh viên học giỏi vượt khó, thuộc hai trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân Văn, và trường Đại học Sư Phạm TP. HCM. 🌟

Bế mạc Hội thảo khoa học Phật giáo Nguyên Thủy trong kỷ nguyên toàn cầu hóa

Hoa cà rốt



Cương trình Hội thảo diễn ra nguyên ngày với nhiều chủ đề nóng cốt được đồng đạo quý đại biểu tham dự đưa ra thảo luận sôi nổi. Các câu hỏi và câu trả lời xoay quanh nhiều vấn đề quan trọng là làm sao để Phật giáo ngày càng thiết thực với cuộc sống hiện đại, chúng ta phải ứng dụng Phật pháp như thế nào trong vấn đề đạo đức trong kinh doanh, Phật giáo Nguyên Thủy đã có những giúp ích gì trong đời sống thường ngày cho người cư sĩ nhất là người già, ứng dụng thiền PGNT trong cuộc sống hiện đại ngày nay, làm sáng tỏ tính lịch sử của PGNT, giới thiệu rộng rãi tư tưởng của đạo Phật Nguyên Thủy v.v... Phiên thảo luận kết thúc với niềm hoan hỷ của chư tôn đức giáo phẩm, các nhà khoa học và đại biểu tham dự.

Trong phiên bế mạc, có sự chứng minh và tham dự của chư tôn giáo phẩm, các nhà khoa học, quý Giáo sư Tiến sĩ như HT. Viên Minh - thành viên HĐCM, HT.TS. Thích Thiện Tâm - Phó Chủ tịch HĐTS, HT. Đào Như - Ủy viên Thư ký HĐTS, Phó Viện trưởng Học viện Phật giáo Nam Tông Khmer, TT. Tâm Đức - Ủy viên Thường trực HĐTS, Phó viện Trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam, TT.TS. Thích Nhật Từ - Phó viện Trưởng kiêm Tổng Thư ký viện Nghiên cứu Phật giáo Việt Nam, TS. NGND. Nguyễn Đình Chú, PGS. TS. Trương Văn Chung, PGS.TS. Vũ Văn Gầu, PGS. TS. Nguyễn Công Lý cùng với sự tham dự khoảng hơn 300 đại biểu. Điểm lôi cuốn của Hội thảo là giúp cho quý đại biểu thu thập thêm được nhiều kiến thức Phật học và nhất là được đối thoại trực tiếp với các vị tu sĩ về chủ đề Phật giáo nói chung, và chủ đề Phật giáo Nguyên Thủy nói riêng. 🌟



Chúc Mừng Năm Mới

Hòa thượng Thích Thiện Tâm



- Phó Chủ tịch HĐTS GHPGVN
 - Phó ban Trị sự THPG TP. HCM
 - Tổng Biên tập Tạp chí PGNT
 - Trụ trì chùa Phổ Minh
- Số 2 Thiên Hộ Dương, P.1, Q. Gò Vấp, TP. HCM
ĐT: 0903 623 430

Đất lành Gà gáy

2014

Thượng tọa Thiện Hạnh

- Ủy viên Hội đồng Trị sự. GHPGVN
 - Ủy viên Ban Trị sự THPG TP. HCM
 - Trụ trì Chùa Nam Tông
- Đường số 5, Khu phố 2,
P. An Lạc A, Q. Bình Tân, TP. HCM.
ĐT: 0903 394 975

*Chào
Mừng
Năm
Mới*



Hòa thượng Hộ Chánh

- Ủy viên HĐTS GHPGVN
- Phó ban Hướng dẫn Phật tử Trung Ương
- Cố vấn Trụ trì chùa Bửu Long

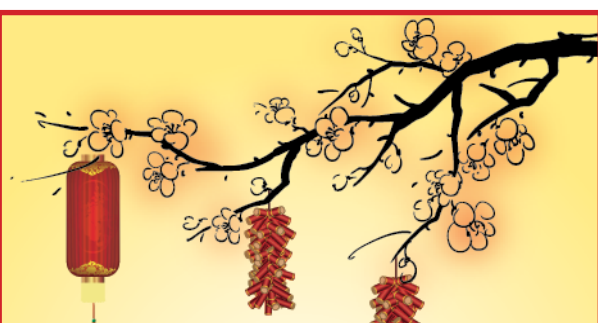
*Chúc Mừng
Năm Mới*



Hòa thượng Viên Minh

- Thành viên HĐCM GHPGVN
- Giám đốc Trung tâm Thiền học Viện Nghiên cứu PGVN
- Trụ trì Tổ đình Chùa Bửu Long,
81 Nguyễn Xiển, P. Long Bình, Q. 9, TP. HCM
ĐT: 083.7325059 - 0913735376

*Chúc Mừng
Năm Mới*



**Thượng tọa
Thạc sĩ Chánh Định**

- Ủy viên Ban Hoằng pháp TW
- Giảng viên Học viện Phật giáo Việt Nam
- Trụ trì Chùa Tam Phước (Đốc 47)
247 Quốc Lộ 51, xã Tam Phước,
TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
ĐT: 0903 856 854
www.facebook.com/chuatamphuoc

*Chúc Mừng
Năm Mới*

Thượng tọa Tăng Định

- Phó Trưởng ban Nghi lễ TW
- Giảng viên Học viện PGVN tại TP. HCM
- Trụ trì Chùa Kỳ Viên
610 Nguyễn Đình Chiểu,
P. 3, Q. 3, TP. HCM.
ĐT: 0913 779 556

*Chúc
 Mừng
 Năm
 Mới*



Thượng tọa

Thạc sĩ Danh Lung



- Ủy viên Thường trực HĐTS. GHPGVN
- Phó Văn phòng 2 TW
- Trụ trì Chùa Chandaramsya
số 164/235 Trần Quốc Thảo,
P.7, Q. 3, TP. HCM.
ĐT: 0919 558 697

Chúc Mừng

Năm Mới

Thượng tọa
Thạc sĩ Thích Giác Trí

- Ủy viên HĐTS GHPGVN
- Phó ban Trị sự Phật giáo tỉnh Bà Rịa
Vũng Tàu
- Phó ban Đại diện Phật giáo TP Vũng Tàu
- Trụ trì Chùa Hộ Pháp
610/2A Trần Phú, P. 5, TP. Vũng Tàu.
ĐT: 0937 099 508

Chúc Mừng Năm Mới

2014



Chúc Mừng

Năm Mới

Thiền viện Phước Sơn
Đồi Lá Giang

368 Tân Cang Phước Tân, TP. Biên Hòa,
tỉnh Đồng Nai

Trụ trì

TT Tiến sĩ Bửu Chánh

- Ủy viên Thường trực HĐTS GHPGVN
- Phó ban Hoằng pháp TW
- Phó ban Trị sự Phật giáo tỉnh Đồng Nai



Thiền viện Bồ Đề

78/14 Bình Giã, P. 8, TP. Vũng Tàu
ĐT: 0903 870 370

*Chúc Mừng
Năm Mới*

Đạo tràng Phật tử GIÁC BẢO HOA

*Chào Mừng
Năm Mới*



Thượng tọa Minh Hạnh

- Ủy viên HĐTS GHPGVN
- Phó ban Trị sự Phật giáo tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
- Trụ trì chùa Phước Hải 38 Nguyễn Bình Khiêm, P. Thắng Tam, TP. Vũng Tàu.
ĐT: 0643854664. 0938781919

*Chúc
 Mừng
 Năm
 Mới*



Tỳ khưu Minh Đức

Kính chúc Chư tôn đức Tăng Ni pháp thể khinh an, Phật sự viên thành, chư thí chủ Phật tử thân tâm thường lạc, sở cầu như ý nguyện.

* Chùa Từ Quang

Địa chỉ: 63 Trần Bình Trọng, P. 1,
Q. Gò Vấp, TP. HCM
ĐT: 0908 353 221

*Chúc Mừng
Năm Mới*



Chùa Thanh Long

42 Ngô Gia Tự, TP. Thủ Dầu Một,
Bình Dương
ĐT: 0903 870 370

*Chúc Mừng
Năm Mới*

*Chúc
 Mừng
 Năm
 Mới*

Thiền viện

Thiền Minh

Xã Bình Hòa Phước, H. Long Hồ, T. Vĩnh Long
ĐT: 0903 870 370

2014



*Chúc
 Mừng
 Năm
 Mới*

Chùa Đại Lộc (Sivali Temple) - Ấn Độ

- Thượng tọa Tiến sĩ Tường Quang
 - Trụ trì Chùa Đại Lộc, 13 /46 - M-5 Khajuri,
Sarnath, Varanasi, UP, INDIA.
- Di động: 0091.98 71 64 11 97;
0091.99 36 63 02 92
Email: sutuongquang@gmail.com



Đại đức Phước Định

Trụ trì chùa Bát Chánh Đạo

Địa chỉ: 66/12A, Đường Gò Dưa, P. Tam Bình,
Q. Thủ Đức, TP. HCM.
ĐT: 0973 152 615

*Chúc
 Mừng
 Năm
 Mới*





Chúc Mừng Năm Mới

**Thượng tọa
Quách Thành Sattha**

- Ủy viên HĐTS. GHPGVN
- Phó Trưởng ban Trị sự Phật giáo tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
- Trụ trì Chùa Nam Sơn
33/18 Tổ 29, Khóm Bình Sơn,
Đường Trần Xuân Độ, P.6, TP. Vũng Tàu
ĐT: 064. 3562 355 - 0913 679 529
Email: susattha68@yahoo.com.vn

Thượng tọa Lý Hùng

- Ủy viên HĐTS. GHPGVN
- Phó ban Trị sự THPG TP. Cần Thơ
phụ trách Pháp chế
- Phó Hội Trưởng Thường trực
Hội ĐKSSYN TP. Cần Thơ
- Phó Tổng Thư ký kiêm Phó Văn phòng
Hội đồng Điều hành Học viện PGNT Khmer
- Trụ trì chùa Pitu Khôsa Răngsay (Viễn Quang)
27/18 đường Mạc Đĩnh Chi, P. An Cư,
Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
ĐT: 0913 783 922 - 0710 3826 927
Email: suvanathera67@yahoo.com

**Chúc Mừng
Năm Mới**




Chúc Mừng Năm Mới

HAPPY NEW YEAR 2014

DU LỊCH HẠNH HƯƠNG (HÀILAN, CAMPUCHIA, LAOS, MALAYSIA, SINGAPORE)
"MỪNG XUÂN GIÁP NGỌ 2014"

KHOI HÀNH: 1-2-3-4-5-6-7-8-9-10 (TAM LỊCH)
CÁC HẠNG HẠNH KHÔNG QUỐC TẾ CAO CẤP
KHÁCH SẠN 3* 4* 5* - ƯU ĐÃI ĐẶC BIỆT CHO NHÓM TỪ 3 KHÁCH TRỞ LÊN
GIÀ KHUYẾN MẠI CỰC SỐC - TẶNG KÈM NHIỀU QUÀ TẶNG HẤP DẪN

ĐT: 0908.565.898 (MR. TRUNG) - 0903.464.979 (SỬ BỬU AN)
**Website: www.hanhhuongsukha.com
www.sukhatravel.com**

**TƯ VẤN MIỄN PHÍ - THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐƠN GIẢN
HỖ TRỢ THANH TOÁN TRỰC TUYẾN - THU TIỀN TẬN NHÀ**

Danh Sách Ủng Hộ Tạp Chí PGNT Số 37

01	GĐ. Trần Lê Khanh	10 quyển
02	GĐ BS Phạm Lê An	20 quyển
03	GĐ Vũ Anh Tuấn	20 quyển
04	GĐ Đức Trí - Đức Dũng	05 quyển
05	GĐ Diệu Đức	10 quyển
06	GĐ Pt. Nhan Lương Pd Diệu Tâm	10 quyển
07	GĐ Pt. Như Hương Thi	05 quyển
08	Thích Ca Phật Đài	100 quyển
09	Sư Giác Khoan - PV Thánh Sơn	50 quyển
10	Lê Thị Thùy Hương	50 quyển
11	Huỳnh Thị Mẫn	50 quyển
12	GĐ Nguyễn Ngọc Anh Thy	10 quyển
13	GĐ TN Quang Lộc - Hà Thế Hưng	100 quyển
14	Đạo tràng Giác Bảo Hoa	35 quyển
15	PT Thiên viện Bồ Đề - Vũng Tàu	50 quyển
16	Cô Mai	10 quyển
17	Cô Mười Trang	10 quyển
18	PT TV Thiện Minh - Vĩnh Long	05 quyển
19	GĐ Huỳnh Thị Nhân	50 quyển
20	TN Quang Ngử (Trần Thị Liên)	05 quyển
21	Chùa Thanh Long - Bình Dương	05 quyển
22	Chú Hội cô Lại	30 quyển
23	GĐ Trí Thọ	25 quyển

24	GĐ Thiện Trí - Như Hạnh	10 quyển
25	GĐ Đỗ Đăng	10 quyển
26	Nguyễn Thị Tú Anh	10 quyển
27	Chùa Đại Lộc - Ấn Độ	05 quyển
28	GĐ Trần Thị Nga (PD Quang Nga)	100 quyển
29	GĐ Nguyễn Văn Ánh (Út Ánh)	05 quyển
30	GĐ Đăng Phước	05 quyển
31	GĐ Tâm Hương	10 quyển
32	TN Diệu Lành	05 quyển
33	GĐ Phạm Thị Trang	15 quyển
34	GĐ Quách Thị Ngọc Hà	10 quyển
35	GĐ Liễu Vân	05 quyển
36	GĐ Phạm Minh Hùng	10 quyển
37	TN Quang Ngọc	05 quyển
38	Phạm Thị Túy Vân	05 quyển
39	Vũ Thị Ngân	05 quyển
40	Phạm Xuân Đoàn	05 quyển
41	Sư Siêu Đại	50 quyển
42	GĐ Đoàn Thị Thảo	05 quyển
43	GĐ Phạm Thị Sinh - Nguyễn Thất Ánh	05 quyển
44	GĐ Nguyễn Minh Tấn	11 quyển
45	GĐ Nguyễn Thị Nhu	10 quyển
46	GĐ Nguyễn Minh Đức	05 quyển
47	GĐ Huỳnh Khả Lân	13 quyển
48	PT chùa Bửu Quang	11 quyển

THÔNG BÁO

Nhân dịp Tết Nguyên đán Giáp Ngọ, Tạp chí PGNT sẽ tạm nghỉ 01 kỳ tháng 2/2014. Kể từ số 38 Tạp chí có sự thay đổi giá bìa là 30.000 đồng, xin thông báo đến quý độc giả biết. Kính chúc Quý vị độc giả cùng chư Phật tử gần xa có một mùa xuân Lành mạnh - An vui - Hạnh Phúc

Ban Biên tập

giá: 20.000 đồng